

VĂN ĐỀ

NGUYỄN ĐĂNG THỰC

văn hóa với con người

BÙI GIÁNG

những con số trong thơ

DƯƠNG NGHIÊM MẬU

qua đêm

TUỆ SỸ

gốc tùng

NGUY NGỮ

chị hà

VĨNH LỘC

tàn cơn gió loạn

chủ trương : vũ khắc khoan • mai thảo

SỐ 44 • THÁNG 3-1971 • GIÁ 50đ.

VĂN ĐỀ

NGUYỆT SAN

CHÍNH TRỊ

KINH TẾ

XÃ HỘI

VĂN HỌC

Số 44

Tháng 3-19

nguyễn đăng thực
bùi giáng
phạm thiên thư
nguy ngữ
dương nghiêm mậu
tuệ sỹ
huy tưởng
mang viên long
bùi xuân quang
vĩnh lộc
trần hoài thư
hạnh quỳnh, đ.t.t.

1	văn hóa với con người
9	những con số trong thơ.
14	vào thu
17	chị hà
23	qua đêm
42	góc tũn
48	thơ
50	có những mùa trăng
68	dường bệnh
74	tàn cơn gió loạn
86	đỉnh xuân buồn
95	thư đến từ bạn đọc.

CHỦ NHIỆM SÁNG LẬP: **VŨ CÔNG TRỰC**

QUẢN LÝ: **BÀ BUI THỊ HÒA-KHANH**

BÀI VỞ GỬI CHO: **MAI THẢO**

Tòa soạn: 38, Phạm Ngũ Lão, Saigon

NGUYỄN ĐĂNG THỰC

văn hóa với con người

Sự thành lập xã hội nhân loại lấy hoàn cảnh địa lý làm vũ khí thì hẳn là chịu ảnh hưởng thâm sâu của điều kiện địa lý, như khí hậu và thủy thổ. Song ngoài hoàn cảnh địa lý ra, sự thành lập xã hội nhân loại còn do ba động cơ yếu tố cơ bản nữa là:

- 1) Nhân khẩu, thừa hay đông.
- 2) Tác dụng tâm lý giữa người với người hay là ý thức xã hội.
- 3) Văn hóa hay là cách thức thích ứng của nhân loại với hoàn cảnh.

Yếu tố văn hóa. Văn hóa là yếu tố hết sức phổ biến của xã hội nhân loại. Không có văn hóa thì không còn là xã hội nhân loại nữa. Nhân loại sở dĩ khác với cầm thú là do nơi có văn hóa. Văn hóa là sản phẩm đặc biệt của nhân loại sống thành đoàn thể. Con nhện biết đan mạng nhện cực kỳ tinh xảo cũng như đàn kiến biết làm tổ khéo léo chẳng kém gì những nhà kiến trúc. Song loài kiến hay loài ong trải hàng ngàn năm cũng không lấy tiến bộ hơn mà chỉ có loài người trong xã hội mới thấy có tiến bộ, tuy khởi thủy thì thô lỗ dã man. Ấy là bởi vì loài người là quan niệm trước khi hành động, nghĩa là hơn cầm thú ở cái khả năng văn hóa vậy. Kể từ mặc, ăn, cư trú, đi lại cho đến cách

xử thế tiếp vật, hôn thú tang tế, không một hoạt động nào không chịu sự chi phối của văn hóa. Chúng ta trong xã hội, gặp các vật, ngoài sự hoạt động cá nhân với cá nhân giao dịch không có hoạt động nào là không có tính cách văn hóa. Hai người nói chuyện với nhau tuy thuộc về hành vi giao hảo giữa hai người, song hình thức của cuộc nói chuyện cũng là ngôn ngữ dùng trong câu chuyện lại thuộc về đặc chất của văn hóa. Mỗi người chúng ta trong xã hội sau khi đã chịu sự hun đúc của văn hóa tính, đều thu lượm được tập quán ấy. Cho nên tùy thời tùy hoàn cảnh mà biểu hiện ra những hoạt động có tính cách văn hóa. Xét theo đây thì trong sự hoạt động giữa người giao dịch với nhau không có một hoạt động nào là không phải hoạt động văn hóa. Người ta không thể sống một mình trừ một vài đạo sĩ ẩn dật trong hang núi không kể, còn thì thông thường là phải sinh hoạt từ hai người trở lên. Đã có hai người tất phải có trao đổi tình tự, ý nghĩ với nhau, và trong sự trao đổi ấy tất nhiên phải dùng đến ngôn ngữ. Ngôn ngữ là một thực kiện văn hóa hết sức sơ đẳng, cho nên văn hóa thực là yếu tố cơ bản trong sự thành lập xã hội.

Văn hóa là gì. Các nhà nhân loại học đối với ý nghĩa văn hóa, ý kiến thực không lấy gì làm nhất trí. Kẻ thì lấy *tác dụng* của văn hóa làm trọng mà cho văn hóa là một loại quá trình học tập, hoặc quá trình của chế độ và của kỹ thuật như Ellwood, nhà xã hội học Mỹ đã chủ trương.

Có kẻ nhìn về phương diện *hình thức* của văn hóa thì bảo văn hóa là hình thức sinh hoạt của dân tộc như Wissler chẳng hạn.

Có nhân chủng học lại căn cứ theo *nội dung* văn hóa mà nói thì cho văn hóa là một thể phức tạp bao quát hoạt động trí thức, tín ngưỡng, nghệ thuật, đạo đức, pháp luật, phong tục, cho đến tập quán và năng lực đã học tập được trong xã hội. Đây là chủ trương của Tylor.

Lại cũng có nhà lấy *tính chất* của văn hóa mà định nghĩa thì văn hóa là di nghiệp của xã hội bởi vì văn hóa không phải là sản phẩm của một cá nhân mà là sản nghiệp chung của người ta trong nhân quần xã hội, kết quả lũy tích những công nghiệp của tiền nhân. Song chúng ta cũng có thể xét phương diện *nguồn gốc nguyên lai* của văn hóa để định nghĩa tổng quát:

Văn hóa là sản phẩm tập thể của nhân quần trong sự điều hòa thích ứng với hoàn cảnh. Trong cái định nghĩa này, ta thấy gồm được tất cả các phương diện của văn hóa mà các nhân loại học đã định ở trên đây.

Chúng ta đều biết rằng nhân loại kỳ thủy sinh trưởng trong hoàn cảnh tự nhiên và xã hội, không thể nhất đán thoát ly ra khỏi những quan hệ với hoàn cảnh và xã hội. Muốn duy trì sự sinh hoạt thì nhân loại cần phải luôn luôn điều hòa thích ứng với các trạng huống của hoàn cảnh. Trong lịch trình của sự điều hòa thích ứng ấy từ chỗ vô ý thức đến chỗ ý thức nó đã tạo ra biết bao sự vật của văn minh. Nào chống với rét thì chế tạo ra quần phục, chống với đói chế tạo ra thức ăn, chống với kẻ địch chế tạo ra vũ khí, tránh mưa nắng thì làm ra nhà cửa, để tiện giao thông đi lại thì làm đường thủy đường bộ, tạo ra cầu cống, chế ra thuyền xe. Muốn chuyển đạt cho nhau tình cảm và ý tứ thì tạo ra ngôn ngữ. Để duy trì trật tự sinh hoạt trong nhân quần thì có đạo đức pháp luật, chính phủ, tôn giáo. Tất cả những vật ấy đều do nhân loại muốn điều hòa thích ứng với hoàn cảnh mà sinh ra, gồm cả vào hai chữ Văn hóa. Như vậy văn hóa thực là sản vật của nhân loại trong sự điều hòa thích ứng với hoàn cảnh về mục đích sinh tồn. Như vậy thì bất cứ xã hội nhân loại nào đã sống thành đoàn thể có tổ chức đều đã biểu hiện cách thức để điều hòa thích ứng với tự nhiên, thì đều có văn hóa cả, khác nhau ở trình độ thấp hay cao, đơn sơ hay phức tạp. Bộ lạc Phi châu có văn hóa của bộ lạc man di cũng như dân tộc cổ Ai cập có văn hóa cổ Ai cập, dân tộc du mục có văn hóa du mục, dân tộc nông nghiệp có văn hóa nông nghiệp, dân tộc kỹ nghệ có văn hóa kỹ nghệ, duy chỉ có xã hội loài vật là không có văn hóa, còn xã hội loài người bất cứ ở trình độ bán khai hay văn minh đều phải có một thứ văn hóa nào vì lý do sinh tồn của đoàn thể bắt buộc nó phải tìm cách thích ứng với hoàn cảnh tự nhiên. Và có điều hòa thích ứng được với tự nhiên thì đoàn thể ấy mới tồn tại và tiến bộ.

Văn hóa và văn minh. Chính ở đây chúng ta nhận thấy ý nghĩa khác nhau của hai chữ văn hóa và văn minh, văn hóa trở vào ý nghĩa phổ biến của xã hội nhân loại, còn văn minh trở

vào ý nghĩa đặc biệt nào của văn hóa vì văn minh là nói về trình độ đã sáng sủa rực rỡ có hệ thống và hợp lý về sinh hoạt của cá nhân hay đoàn thể của xã hội nhân loại. Từ trình độ lấy dầu của thảo mộc để đốt đèn thay thế cho ánh sáng mặt trời trong đêm tối cho đến chỗ dùng than để lấy ánh sáng của điện thay vào ánh sáng đèn dầu, đây là hai trình độ văn minh mà cả hai cách thức đều có ý nghĩa lấy nhân công lợi dụng tự nhiên để thay thế tự nhiên tức là cách thức điều hòa thích ứng với hoàn cảnh tự nhiên của xã hội nhân loại, đây là văn hóa.

Văn hóa là sức đồng hóa của nhân loại đối với hoàn cảnh tự nhiên. Văn minh là trình độ của văn hóa, vì sức đồng hóa ấy phải đến một mực hiệu quả nào mới sáng, mới minh, theo định luật tích lượng thành phẩm.

Sự phát sinh của văn hóa lúc đầu chắc hẳn do một vài người đã tập trung kinh nghiệm của xã hội mà sáng tạo ra. Về sau nhân dấy mà bắt chước dần dần kế tiếp tăng thêm lan ra toàn xã hội. Phẩm văn hóa đã trải qua sự thỏa dụng của xã hội thì biến thành sản nghiệp của xã hội. Người ta lợi dụng nó để điều hòa thích ứng với hoàn cảnh. Vậy thì nhân loại không ngừng sáng tạo ra văn hóa mà lại còn truyền bá văn hóa nữa. Chúng ta sinh trưởng trong xã hội đều vô tình tiếp thụ ảnh hưởng và hóa của xã hội. Người ta tiếp thụ văn hóa trong một xã hội thì tự nhiên có khuynh hướng đi đến chỗ ổn định, nghĩa là làm cho văn hóa tiến đến chỗ ổn định, trở nên mực thước của hành vi trong xã hội, vì nó đã thấy ở đây thế quân bình giữa nó và hoàn cảnh.

Chúng ta tiếp thụ bất cứ một văn hóa nào đều theo hành vi mà biểu hiện ra. Cho nên hành vi cá nhân có thể đại biểu cho một loại văn hóa đặc biệt nào. Quan sát văn hóa của một xã hội chỉ nên quan sát các loại hành vi của người ta trong xã hội ấy.

Nhìn ở phương diện ăn, mặc, cư trú, đi lại cho đến cách xử giữa người nọ với người kia, cũng như cách tiếp xúc với vật mà cổ nhân gọi chung là xử thế tiếp vật, thì có thể thấy được những đặc điểm văn hóa của một xã hội. Do đấy mà người nói : Văn hóa là tổng danh cho biểu hiện sinh hoạt của

xã hội (The entire round of life activities exhibited by a pop) (Storck). Như thế có thể nói rằng cái hình thức của sự hoạt đã biểu hiện ra thì gọi là văn hóa của một xã hội. Nó một thể phức tạp gồm có hoạt động về tinh thần cũng như về chất, cả phương diện hữu hình như dụng cụ, kỹ thuật, lẫn phương diện vô hình như phong tục, pháp luật, đạo đức, tôn giáo. Đủ thấy văn hóa là một hiện tượng cực kỳ phức tạp của xã hội.

Gần đây có học giả đem so sánh hai trạng thái «phi văn hóa» và «chữu văn hóa» để tìm ý nghĩa văn hóa. Theo Storck thì ở thế gian chỉ có hai loại hoạt động, là không thuộc phạm vi của văn hóa : Một là quá trình thuần túy vật chất gồm tất cả những hiện tượng tự nhiên chưa từng chịu ảnh hưởng của xã hội vì hư gió, bão, nắng, mưa, chẳng hạn. Hai là quá trình của nguồn lực thuần túy cá nhân ví như sự xúc động của cá nhân để bảo vệ sự ổn định của thân thể, hay là nhân có sự đau buồn mà bỏ lễ, hay là đói mà tìm ăn cũng là những hiện tượng chưa chịu ảnh hưởng của xã hội thì chưa có tính cách văn hóa. Văn hóa với phi văn hóa hiện tượng. Tóm những yếu điểm trên chúng ta có thể phân biệt vũ trụ ra làm hai loại hiện tượng, một là văn hóa hiện tượng, hai là phi văn hóa hiện tượng. Cái gì đã chịu cho nhân lực tạo tác và lợi dụng đều thuộc hiện tượng văn hóa, còn ngoài đó ra là phi văn hóa hiện tượng. Bất cứ hiện tượng nào có tính cách thuần túy tự nhiên đây là hiện tượng phi văn hóa, còn cái gì đã từng chịu ảnh hưởng của nhân lực đều là hiện tượng văn hóa. Vật chất hiện tượng, chừng nào giữ nguyên cách tự nhiên của nó thì là hiện tượng phi văn hóa. Đến khi nó đã bị nhân loại lợi dụng, không còn thuần túy tự nhiên nữa vật bản nhiên của vũ trụ biến ra vật bị nhân hóa, nhuộm màu xã hội nhân bản tính, ấy là hiện tượng văn hóa vậy.

Nhân loại và động vật. Văn hóa là đặc sản của nhân loại xã hội. Động vật tuy cũng sống thành đàn trong hoàn cảnh tự nhiên nhưng động vật không biết làm thay đổi hoàn cảnh có lợi cho cuộc sinh tồn của nó. Sự thích ứng với hoàn cảnh của động vật là hoàn toàn thụ động để cho hoàn cảnh chi phối. Riêng nhân loại sống trong xã hội tuy cũng luôn chịu ảnh hưởng của hoàn cảnh tự

nhiên, nhưng nó cũng luôn luôn chế tạo khí cụ (homo faber) kỹ thuật để làm thay đổi hoàn cảnh có lợi cho nó. Sự thích ứng của nhân loại xã hội với hoàn cảnh tự nhiên là một thích ứng chủ động. Nó biết nhận sự kích thích của hoàn cảnh mà có thể không chế chỉ huy lại hoàn cảnh, lợi dụng hoàn cảnh, làm cho hoàn cảnh với nhân sinh điều hòa thích ứng vậy. Có như thế xã hội nhân loại mới có thể sáng tạo văn hóa mà động vật thì không có thể có văn hóa. Như vậy thì phạm đã gọi là nhân loại tất nhiên là phải có văn hóa, duy trình độ khác nhau mà thôi. Trạng huống sinh hoạt của nhân loại dù giản dị thô kệch nhường nào tất cũng phải có sự ứng phó với hoàn cảnh thì mới tồn tại được, cho nên tất phải có văn hóa. Những bộ lạc dân tộc ở đảo Tích lan, hay ở Nam phi châu, cũng tỏ ra có một loại văn hóa đơn sơ. Các học giả về nhân loại học đều thừa nhận như thế cả. Vậy có thể xác nhận văn hóa là đặc sản của nhân loại.

Cũng còn có học giả cho rằng động vật cao đẳng ví như người vượn hình như có một thứ ngôn ngữ giản đơn thì cũng có thể sản sinh ra một thứ văn hóa được.

Theo giáo sư Yerkes từng nghiên cứu, thì thấy rằng loài vượn chỉ có sự phát biểu ra tình tự bằng cách kêu gào chứ không có tiếng nói về ý tứ. Lại như loài chim biết bay, biết hát, biết làm tổ do từ chim già truyền cho chim non. Vậy nếu hiểu văn hóa là hình thức hành vi học tập được của xã hội và do xã hội đã truyền dạy, thì loài chim có thể gọi là có văn hóa. Song văn hóa không phải chỉ là hình thức hành vi học tập và truyền dạy của xã hội mà thôi. Tính chất tối trọng của văn hóa là ở chỗ tích lũy. Loài chim không thấy tỏ ra có cái hiện tượng tích lũy của văn hóa. Con vượn con sáo có thể biết bắt chước người mà nói, mà cử động như người, con chó con ngựa biết trung thành, có nghĩa với chủ, song động vật có được những năng lực ấy là do người ta đã dạy bảo, chứ tự nó thì không có biểu hiện những loại học tập ấy vậy. Hơn nữa cái loại học tập được của người ấy, thì động vật quyết không có thể tự mình truyền dạy lại cho động vật khác. Vậy đã không có thể truyền thụ, lại cũng không có thể tích lũy được những kinh nghiệm thì không có thể bảo là có văn hóa được. Các nhà học về sinh vật, đại khái đều thừa nhận

là hành vi của động vật bị hạn chế bởi bản năng thiên nhiên phú bẩm cho nên có tính cách cố định, không có thể tự do biến hóa được vậy. Còn hành vi của nhân loại thì không như thế.

Ở nhân loại không thấy có sự hạn chế tự bản năng, mà lại có tính chun dăn, có thể thưởng thức, học tập, lợi dụng kinh nghiệm mà biến hóa vô cùng. Có như thế cho nên không những có thể sáng tạo văn hóa, truyền thụ văn hóa mà còn có thể tích lũy văn hóa khiến cho văn hóa nhân loại mỗi ngày một tiến, mỗi ngày một mới, không biết đến đâu là cùng.

Vậy văn hóa là hoạt động của nhân loại trong xã hội ở phương diện tri thức, tình cảm, và ý chí, mục đích điều hòa thích ứng với hoàn cảnh tự nhiên và hoàn cảnh xã hội để luôn luôn duy trì thế quân bình động biến trên lịch trình tiến hóa không ngừng của cá nhân trong thế giới. Văn hóa là tất cả cái gì nó phân biệt nhân tính với thú tính. Nó là một cuộc phấn đấu không ngừng, phấn đấu với những thế lực tự nhiên, ở ngoại giới, phấn đấu với chính những thế lực tự nhiên ở nội giới, để thực hiện con người đầy đủ, con người tự chủ được mình đối với các thế lực thiên nhiên ở bên ngoài và ở tại chính bản thân. Hoạt động điều hòa thích ứng của nhân loại đối với hoàn cảnh thì gọi là văn hóa, còn trình độ điều hòa thích ứng ấy của nó thì gọi là văn minh. Hai ý nghĩa ấy đã được kinh Dịch, bao hàm trong câu văn sau đây :

« Quan thiên văn dĩ sát thời biến, Quan nhân văn dĩ hóa thành thiên hạ » « Quan sát hiện tượng thiên nhiên để xét thời tiết. Quan sát hiện tượng của nhân quần xã hội để thay đổi thể giới thành đại đồng thiên hạ ».

Trong câu văn này, sự tương quan giữa người và thiên nhiên, giữa người và người được xác định với ý nghĩa nhân loại sinh hoạt điều hòa thích ứng với hoàn cảnh vừa thiên nhiên vừa xã hội, luôn luôn làm chủ động để nhân-bản-hóa hoàn cảnh mà sáng tạo ra văn hóa với văn minh. Văn hóa là nhân-bản-hóa không ngừng, nhân-bản-hóa hoàn cảnh thiên nhiên cũng như hoàn cảnh nhân văn theo tin tưởng nhân bản toàn diện, người vừa làm chủ thiên nhiên bên ngoài và thiên nhiên tại chính bản thân nó,

không để cho quyền năng thiên nhiên qua kỹ thuật biến Người hành lang sói với Người. Đây là con người Văn hóa không phải Vật hóa như nói trong Lễ Ký : « Nhân hóa vật, cùng nhân dục nhĩ diệt thiên lý » = Người hóa vật, tham dục của người đến vô cùng mà tiêu diệt mất. Thiên lý ! Đây là tinh thần nhân văn, tôn trọng Người là Tối linh như Thượng-đế.

nguyễn đăng thực

BÙI GIÁNG

những con số trong thơ

Mở đầu cuốn truyện, Nguyễn Du đưa ra những con số, đếm lui đếm tới :

« Trăm năm... chữ tài chữ mệnh... một cuộc... những điều... bốn phương... hai kinh... một trai... hai ả... mỗi người... một về... mười phần vẹn mười... một hai nghiêng nước... đòi một... họa hai... ngũ âm... một chương »

Kết thúc ? Cũng thấy cộng và trừ :

« Lời quê góp nhặt dông dài

Mua vui cũng được một vài trống canh »

Tạm nêu vắn tắt như thế ! Suốt cuốn truyện còn nhan nhản hoặc rải rác nhiều cuộc cộng trừ trong những con số...

Những con số trừ cộng, cộng trừ, nói gì ? Những con số nằm ẩn trong những hoa, lá, cát, cồn, trăng, nước, mù sương...

Vâng. Nguyễn Du đem mù sương, những màu sắc, hương vị gì đó pha vào trong những con số nói lên sự thật cõi người ta.

Sự thật (chân lý) có thể giết chết người. Nhưng nhờ có những hoa lá mù sương kia nên con người ta không đến nỗi tử diệt. Hoặc : tử diệt để hồi sinh. Vì vậy nên bây giờ bàn tới cuộc trừ cộng, cộng trừ « bi đát » kia, chúng ta phải liên miên hòa mình trong mù sương ngôn ngữ, là nghệ thuật thiên tài, vừa mở phôi, vừa che phủ...

Bây giờ nêu câu hỏi : Nguyễn Du mở cuộc trừ cọng, cọng trừ, như thế nào trong cuốn truyện. Cuộc trừ cọng, cọng trừ nọ, đáng lẽ giết chết mất chúng ta, nhưng vì lẽ gì chúng ta chưa chết ?

Lời đáp hiện ra hiển nhiên mất rồi. Mọi bước đường Thúy Kiều trải qua, mọi cuộc tình duyên nàng đã gặp, đều là những cuộc cọng trừ. Những cuộc hợp, tan, đứng lên, té xuống, tự tử hai ba phen, rồi hồi sinh biến thể.

Chúng ta « bắt chước » nàng, hồi sinh biến thể, thư thái lần mò bước đi trở lại trên mặt biển dâu.

Ấy chính là ?

Ấy chính là lúc Thúy Kiều mở ra trong cõi người ta cái hướng ba la mật : « ứng vô sở trú, nhi sinh kỳ tâm ».

Vẫn là cọng trừ, nhưng cọng trừ siêu đẳng. Vẫn còn « ngàn năm dằng dặc quan giai lần lần », nhưng đó là cái loại quan giai đi mấp mé bên « mây bay hạc lánh ».

Một cuộc chấp nhận trong từ khước. Cọng và trừ nhập làm một. Nàng bỏ tình cố hữu « khư khư » (*Khư khư mình buộc lấy mình vào trong*).

Thúy Vân, với tâm hồn đơn giản, từ đầu tới cuối, đã hồn nhiên sống theo cuộc cọng trừ trong tinh thần khước-từ-chấp-thuận. Chấp thuận Kim Trọng, tuy biết rằng tình yêu không có,

Hiện diện mà vắng mặt. Vắng mặt mà hiện diện. Đây cũng là hình ảnh Giác Duyên, Tam Hợp Đạo Cô. (Xem tập Thúy Vân).

Không Tử lại hiện ra. Ngài hiện diện chu du khắp hồng trần. Nhưng ngài vắng mặt ở khắp nơi. Đừng tìm kiếm ngài trong Hình Nhi Hạ một cách bo bo. Vì bo bo là khư khư mất cả vẻ thông dong của « vô nhập nhi bất tự đắc ».

Cuốn truyện của Nguyễn Du bỗng trở thành cái Vùng, cái Chốn, đề Không Tử đi về giải thích Kim Cương Kinh — ứng vô sở trú nhi sinh kỳ tâm.

Hoặc là nói : đó là cái Chốn đề Thích Ca giải thích Không Tử — vô khả, vô bất khả.

Giải thích ? Không. Vì ngôn ngữ không còn. Chỉ có một làn mù sương man mác. Hay là một cánh chim bay trong mù sương. Hay là : một cánh hoa nở trong mù sương. Ngôn ngữ không còn ? Nghĩa là : không còn ù lý ngôn ngữ. Nghĩa là còn trong vang bóng

đội về từ một cõi tư niệm rất xa xôi. Quá xa xôi vì quá đơn sơ gần gũi. Vì vậy mà gọi là bất tư nghị.

Bất tư nghị vì quá đơn sơ. Đơn sơ như một ngọn tiêu khê uốn éo chảy quanh — « Nao nao giòng nước uốn quanh ».

Uốn quanh len lỏi bỏ qua những mô, cồn, mấp mé bên những gò đồng, ri rí gùn ghè khắp những đồi cao, lũng thấp trong cuộc biến dâu. Đoạn Trường Tân Thanh chính là ngọn tiêu khê len lỏi uốn quanh, bỏ quẹo « trải qua một cuộc biến dâu, cồn gò mấp mé, mà đâu thấy gì ? »

Mà đâu thấy gì ?

Nói cách khác :

« Một vùng cỏ mọc xanh rì

Nước ngâm trong vắt thấy gì nữa đâu »

Thấy gì nữa đâu ?

Nghĩa là : Tính « Không » mở ra khắp mặt hiện thể.

Viết Đoạn Trường Tân Thanh, Nguyễn Du chỉ có dụng tâm gây một cuộc chấn động cho toàn khối hiện thể, và từ cuộc chấn động toàn diện đó, một cõi « Không » man mác hiện ra. Mọi sự được hòa giải ở giữa lòng Tồn Lưu vắng lặng. Con người chấp thuận hết. Dâu và biển không còn là biển và dâu. Chân tướng của hiện thể là « Không ». « Trải qua một cuộc biến dâu » biến làm một cuộc du hành bát ngát, cũng bát ngát như cuộc du hành bằng phi thuyền đồ bộ lên mặt trăng. Một cuộc du hành không biết đầu là đầu là cuối, nên gọi là vô thủy vô chung. Trong cõi vô thủy vô chung kia, mỗi sát na mang đầy đủ những vô lượng a tăng kỳ kiếp. Đó là điều mà Không Tử nói :

— « Cái nghĩa của cuộc Lữ to lớn vậy thay » !

Thấy như vậy rồi thì từ nay tha hồ dấn thân vào chơi ở mọi ngõ ngách sinh tồn, phiêu nhiên đi cái bước khắp khiêng « tam cương ngũ thường » ở giữa lòng vạn hữu !

Đó cũng là một cách làm dưới uoi thơ mộng. Nào anh Mã Giám Sinh ! Nào chị Tú Bà ! Nào chú Từ Hải ! Nào chàng Kim thiếp Thúy ! Nào nào ! Hãy lại đây ! Lại hết đây, xúm xít bên chàng Trung niên/Thy sỹ làm trở lại một bài toán cọng trừ, rất mực được Kỹ sư Ngô Trọng Anh và Mẫu thân Phùng Khánh hoan nghênh :

« Cọng trừ nhị bội mà ra
 Áo xanh xuống phố mua quà bình nguyên
 Tuyết phơi trắng xóa giữa miền
 Năm năm bỏ lại diện tiền sử xanh

Chim kêu đắm đuối đầu cành
 Xuân trào nước nở đập thanh lên đường
 Gửi trời một giọt mù sương
 Trao về cho đất vô thường cỏ thơm »

Thưa quý vị !

Quả thật một bài thơ như thế rất mực « tổng hợp » cội bí tư nghị của Nguyễn Du, nhiếp dẫn (bằng một đường tơ vô thanh vô tức) một bình minh huyền diệu đi về. Thành tựu một cuộc trùng phục quy hồi cho cõi Đoạn Trường Tân Thanh vốn xu kia là ử rữ. Chuyện nã nùng biển thành phơi phơi phát phơ.

Ông Ngô Trọng Anh đọc bài thơ kia, lấy làm sung sướng quí bảo rằng :

— Từ bữa đọc bài thơ kia của « toi », lòng « moi » bỗng cải thấy yêu đời hơn trước. Tuổi xuân của « moi » bỗng sống tr lại tung bừng. Thơ của « toi » có khả năng « cải lão hoàn đồng » là như thế.

Nhưng di sao toi làm thơ dạt dào tươi tốt như vậy, n trông về mặt toi vẫn xanh xao, ử rữ, hao mòn, khô nứt, nh gương mặt đưa ma, là cơ sao ?

Trung Niên Thy Sĩ đáp :

— « Kẻ đọc thơ thần

Dần dần biến ra thánh.

Kẻ làm thơ thánh

Dần dần biến ra ma !!! »

Hỏi sao ra sự lạ lùng ?

Đáp rằng đó là ẩn ngữ.

Nào khác chi sự vụ phi công du hành đồ bộ nguyệt cầu Bàn chân nhỏ bé của một người đặt lên mặt trăng, ghi một bư

tiến vĩ đại trong lịch sử loài người, nhưng ? Nhưng riêng chàng phi công phải chịu một định mạng thể thảm : sương giá của Nguyệt cầu đã ghi dấu sâu xa trên thân thể kia, và khoa học của loài người không cách gì chữa trị. Không một Mẫu Thân Phùng Khánh nào có thể vỗ về cho ấm áp tấm hình hài của những kẻ đã một phen xiêu hồn lạc phách đối diện với hư không. Từ đó, tiếng kêu và lời đáp vẫn mãi mãi heo hút thất thanh :

« Nay mai cơn mộng hư phù

Mẹ xin chiếu cố sa mù cho con »

Cõi đời co ro tê cóng của những ông Nguyễn Du, Hoelderlin, Nietzsche... còn cho ta những bằng chứng hiển nhiên về sự tình các cơ nọ.

Đối với những kẻ du hành kỳ bí kia, chúng ta nên có thái độ như thế nào ? Thiết tưởng Huê Kỳ đã o bế, o bằng hai phi công từ Nguyệt cầu quay về Trái đất, thì anh văn nghệ Việt Nam cũng nên chấp nhận cuộc hậu đãi trung niên thy sĩ. Nhấn nại nghe nó kể những chuyện không gian xa vời, đầu Ngô đuôi Sở vì vô thủy vô chung « gửi trời một giọt mù sương, trao về cho đất vô thường cỏ thơm ».

Đừng nên khúc mắc hỏi tại sao. Tại sao ? Tại sao đã gửi trời mà còn trao cho đất ? Mà trao gửi cái gì ? Một giọt mù sương ? Tưởng chừng như trời đất thiếu thốn mù sương ? Cho dầu trời đất thiếu thốn, thì cũng thiếu thốn theo điệu « hăng hà sa số » chứ ? Trao gửi « một giọt » thì ăn nhằm đâu vào đâu ? Còn ra mô dạng thể thống gì gi ???

bùi giáng

PHẠM THIÊN THU

vào thu

mùa thu bay đi
mặt dặm mây trắng
còn để lại gì
trận mưa phùn
và nụ hoa trầm lặng

tiếc thay những đóa hoa đã nở
và dòng chim
bỏ đi trong đám mây

sư về đây cánh thông
mảnh trắng theo vào đậu
trên trái chuông đại hồng

điệu ngồi cạo tóc xanh
giàn hoa sương lác đặc
lòng chầu ngâm viên trăng
lá dao vàng thể phát

con chim bay ra từ cỏ vàng
hoảng hốt như ngọn gió
chiếc lao mùa thu

viên trăng hiện chân tường
sương bốc trong chén trà
sư cụ mở kinh đọc
dưới giàn dạ lý hoa

con chim lông vũ xanh
mang mùa thu trên cánh
chim đậu hót trên cành
mùa thu rụng dưới hoa

thương con tuổi nhỏ
nằm hát mênh mang
thương con chim chết
dưới gốc hoa vàng

cửa thông khép mây trắng
còn lạnh tiếng chim xao
áo tơ mùa thu cũ
ai phơi dưới cội đào

hạt mưa thu
chúng tự
đại từ

đây cửa ngõ trăng sáng
chuông đưa dòng chim qua

sao trên thềm rêu cũ
sư ngược nhìn trong hoa

giọt lệ ai xưa
rụng làm sao biếc
nước mắt còn đây
tàn bia trụ diệt

sớm mai sư lại lên đường
trải khăn gói quây kinh sách
gói cụng mảnh trăng trầm hương
hỏi bạn lối nào du phương
ngược nhìn lộn mây trắng nổi
sư cười : chốn nào mây vương
thu sau mùa cúc vàng nở
ướp trà đợi khách trong sương

cỏ thu rồi cỏ thu lại
mấy lần cúc ướp trà hương
gậy chống ngó chân núi vắng
đường xa hun khói tà dương

có kẻ buồn sông dâng sách
thiền sư bỏ lại bên đường
kinh xưa còn dòng mây trắng
giọt lệ dưới trăng trầm hương

phạm thiên thư

NGUYỄN NGỮ

chị hà

● Tôi 9 tuổi, áo quần bằng vải nội hóa ngắn gọn, hai bàn chân trần lấm đầy bụi đất, quanh năm đầu không nón mũ, tóc nắng đốt ngả hoe, răng chiếc sún chiếc còn ; tôi giữa đám bạn cùng chung cái vóc dạng và lứa tuổi đó, buổi chiều bên thềm ga cũ dưới bóng mát của mấy cây bàng già, đưa mắt nhìn về phương Bắc. Ga TRC. Nắng sáng lóa trên giòng sông cảng lớn, nắng rung rung trên màu lá cây, nắng trên khu phố quanh hiu ven chân đồi thấp trũng bên kia quốc lộ và đường rầy dẫn xuôi về mạn dưới. Nắng, gió nhẹ, da trời thăm thẳm xanh lơ, dăm ba tiếng đạn nổ rời rạc xa đâu ở những làng mạc đầu sông không ai buồn để ý tới. Với trí nhớ, tất cả đó đang giữa một mùa hạ man thiên bát ngát, hình như có một mùa xuân nào đó đã rồi và không bao giờ sang ngày thu đông.

Dưới khoảng hiên, bờ rộng thêm ciment chạy dài trước những cánh cửa lớn nhỏ mở nhìn ra các lối hoa và các vùng bóng cây. Phòng sếp-ga, phòng nhân viên, quầy bán vé, phòng đợi, phòng trống để chất hành lý, phòng ngủ... Bà sếp-ga đang cúi húi nấu cơm chiều trước phòng riêng, mấy người nhân viên ngồi chuyện trò, ông sếp-ga ngâm ống vớ thỏ từng ngụm khói trắng vào tờ báo viết chữ Pháp trải lờn đằng trước, đám hành khách đợi tàu chiều ngồi gồi lên quang gánh kẻ ngủ gà ngủ gật, kẻ cười nói thăm

thi. Và cuối mái hiên, theo ánh mặt trời chiếu soi chéch nghiêng lại, chúng tôi cả đám gần hai mươi đứa từ dưới phố vừa tan học vất hết sách vở kéo nhau lên đứng trông tàu. Những trò chơi được bày ra để giết bớt thì giờ chờ đợi : đánh ô làng, đá còng cổ đuôi chồn, đổ lá. Những đôi mắt từng lúc bỏ trò chơi, ngoác dọc theo con đường sắt dài hút dẫn khuất vào cái mặt mừng của rừng cây tiếp điệp với núi non phương Bắc bạt mủ : từ vùng đen thẫm đó, ở một điểm cố định, con tàu chợ sẽ bỏ hết những ga bến của một ngày dài ngoài kia theo chờ đợi trở về. Tàu sẽ xuất hiện, đất rung chuyển và những chấm than đỏ sẽ bay biến nhanh vào rừng, tiếng máy sẽ tiến gần lại rõ dần, tiếng còi sẽ thúc rú lên. Với tiếng còi, tất cả sẽ cùng thức dậy : cửa mở xôn xao trong phố, những người bám tay vào cửa trông lên, đám khách hàng vội vã thu dọn quang gánh, đám nhân viên vùi đầu vào công việc, cây cờ đỏ trên tay người phu phát mủ ; và chúng tôi, với bao nhiêu hơi sức có được sẽ nhảy cồm lên để la hét reo mừng.

● Nhà ga nằm trên vùng đất cao, ngoác dọc dài hai chiều. Nam Bắc tàu vào tàu ra từng ngày, ngoác xuống khu phố chợ tập bên ngọn đồi cao chênh, ngoác lên Trường sơn xa xanh im thắm. Từ hướng Nam, đường nhựa và đường sắt song song chạy đến, chõng lên nhau vất vào lòng cầu sắt qua sông, chia rời lại, song song nhau xuôi ra hướng Bắc. Khu phố chen chúc người bán mua suốt những buổi sáng ; buổi chiều còn lại quán xá trống trơn, lêu lêu vài ba thằng lính khố xanh khố đỏ bảo vệ lê dương vác súng tới lui. Bên hông phố, ngọn đồi dựng cao sừng, cây thấp cằn và những tảng đá lớn phơi lưng trần trắng bạc giữa nắng quanh năm. Ở đó, năm tôi 9 tuổi, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp vẫn còn ở giai đoạn cuối cùng. Bót đồn tây ở hai đầu múi cầu, đám lính Việt đánh thuê, đám lính viễn chinh đen trắng hung hãn, những toán người bị bắt trong những cuộc lùng ráp đầu các xóm làng miệt dưới bị bịt mắt dẫn qua phố vào đồn, đêm đêm mấy quán rượu bán khuya đèn hắt vàng ra vệ đường và tiếng hát nghêu ngao nhờ nhà cửa tụi lính lê đường nồng nặc hơi

men ; thỉnh thoảng vài vụ quân kháng chiến về tấn công đồn, vài ba xác người vất gổ lại, vài chiếc ghe chở hàng tiếp tế cho quân kháng chiến bị phát giác bắn chìm trên sông nửa đêm ; ngang quốc lộ, hàng ngày những đoàn xe chở đầy lính Pháp và súng đạn qua về, tiếng động cơ hung tợn đập trùm xuống cả khu phố. Thanh niên trong vùng phần nhiều đã đi theo hàng ngũ bùng binh, lâu lâu giữa khuya khoát một vài người về thăm mang theo những tin tức và nhận các món ăn khô rồi lại vội vàng tiếp tục ra đi. Anh cả tôi, cha tôi và chú tôi có mặt trong số những người đó. Gia đình chỉ còn tôi, mẹ tôi, người thím và người chị. Thím tôi chung vốn buôn bán với mẹ tôi, thím ngồi coi sóc cửa hàng và mẹ tôi theo tàu theo đò đi xuôi ngược có khi cả tuần mới trở về nhà một lần. Hai chị em chúng tôi theo học với một ông giáo già cựu dân kháng chiến ở ngôi đình làng bỏ trống — một lớp học qui tụ đủ mặt đám trẻ từ trình độ a b c sơ cấp cho đến trình độ biết làm tính chia tính nhân. Mai đến trường, trưa về, chị tôi vào bếp giúp tay bà thím lo việc nấu ăn ; cơm xong hai chị em lại kéo nhau đi ; chiều về chị tôi lại vào bếp, và tôi : ném nhanh quyển vở để kịp chạy theo lũ bạn lên ga. Chiều qua, chiều kia, chiều nay, chiều trước. Trong màu nắng hanh vàng mỏng mênh đó, chiều nào chúng tôi cũng đứng chụm vào nhau trông về phương Bắc. Thế nào rồi tàu cũng về. Sớm muộn gì rồi chuyến tàu chợ cũng trở về bởi lẽ buổi sáng ngồi trong lớp học chúng tôi đã nghe tiếng còi tàu đi ra.

● Qua lại trước ga thường chỉ có hai chiếc tàu : chiếc tàu suốt máy chạy diesel và chiếc tàu chợ chạy bằng hơi nước. Tàu suốt chạy đường dài, chỉ ghé lại ở những ga lớn, mỗi tuần ghé lại nhiều nhất là hai lần : một lần ra và một lần vào, lần nào cũng bất chợt không cách nào đám dân phố có thể tiên đoán hoặc theo dõi được hết. Tàu đến, có thể là đang giữa bữa cơm trưa, có thể là trời vừa hừng sáng, có thể đang lúc nửa đêm, không dung tiếng còi thúc lên ngăn ngụt ngột ngạt và mất nhanh ; sau tiếng còi, tiếng la reo lan dài trong phố : tàu suốt tàu suốt, bọn trẻ chúng tôi chưa kịp ủa nhau chạy lên, tàu đã thúc còi ra đi rồi.

Và tàu chợ, từng ngày, mỗi ngày hai buổi, khoảng 9 giờ sáng khi chúng tôi còn trong lớp học tàu từ miệt Nam chạy ra, tiếng còi ngân dài chơi vơi ; khoảng 5 giờ chiều tàu miệt Bắc trở vào : đất chuyển rung, tiếng động cơ xa xăm tiến gần lại những chấm than đỏ bay biến, tiếng chúng tôi kêu mừng với tiếng còi cũ. Lễ dĩ nhiên, cũng như tất cả mọi đứa trẻ trong đám, tôi yêu chiếc tàu chợ hơn. Yêu, bởi cái mệt mỏi phi phò của mấy ống hơi nước đen tròn trên đầu máy, bởi hồi còi dài ngân nga, bởi những chấm than bay khuất vào rừng, và nhất là bởi sự điều đặn như nổi mong chờ. Yêu, nên sung sướng nhảy cẫng lên reo mừng khi tàu đến đúng chiều, buồn bã khi đứng đợi hoài vẫn không thấy tàu về.

Chúng tôi chụm nhau lại đi hái cọng cỏ nhặt sỏi trắng bày trò chơi, chơi để chờ. Đang giữa trò chơi, chốc chốc một thằng ngừng lại nằm sấp xuống cỏ nghiêng tai sát mặt đất nghe ngóng thử tàu đã sắp xuất hiện chưa. Từ ga TrC đi ngược vào miệt Nam chừng 1 cây số đã phải qua hai cây cầu, sông ngăn hết sự rung chuyển của đất, thành thử không thể nào áp tai xuống để dò chừng được ; trái lại, xuôi ra miệt Bắc không có một cây cầu nào cả, do đó tàu còn ở xa ngoài kia nơi này chúng tôi đã có thể nghe thấy sự rung chuyển thì thầm trong lòng đất được rồi. Hai tay chống nhào ra, tai áp chặt xuống đất, đôi mắt nhắm lại theo dõi, một lúc sau đầu ngừng lên lắc khê : chưa. Thẳng này lắc đầu : chưa, thẳng kia ngồi dậy : chưa. Chưa, và những trò chơi tiếp tục nổi dài với thời gian chờ đợi. Chưa, những nắm sỏi vẫn luân lưu qua các ô làng dân-tân-dân-đồng, những cọng cỏ đuôi chồn vẫn nhảy múa trên các sợi chỉ, những ngọn lá non vẫn được hái mở ra giữa lòng tay dấu che. Rồi có một thằng nào đó vừa áp tai xuống đã vội vùng lên la lớn : tàu tàu, tàu bay ơi. Tất cả đám cùng bỏ trò chơi nằm xuống theo. Nằm xuống, nhòm dậy, nằm xuống lại, và những tiếng kêu reo vui mừng những đôi mắt chung một hướng nhìn ra, những nụ cười rạng rỡ, những phỏng đoán đoán đường tàu đang đến : cây số 3, trạm TS, làng BĐ, đồi NVL .. Theo chúng tôi, những hành khách dưới mái hiên cũng nhón nháo đứng dậy, ông già bẻ ghi cầm lấy cây cờ đỏ

đứng nhìn, ông sắp ga buông tờ báo với đầu ra ngoài cửa. Và tiếng cười nói của chúng tôi bùng lớn, những cánh tay rồi rít chỉ trở : tàu đã đến. Tàu đã qua khỏi trạm TS, vào đầu cây số 2. Cuối tầm mắt, từ cái điểm giao tiếp của con đường với bìa rừng, dáng chiếc tàu chợ bắt đầu hiện ra với những chấm than đỏ li ti bay quanh. Tàu tiến gần lại, rõ thêm dần, đất đai chuyển mạnh, tiếng máy khua với tiếng sắt cầu, và tiếng còi thúc lên chơi vơi. Âm thanh thân yêu cuốn hút cơ hồ như có một ma lực kỳ bí chụp phủ lấy đám trẻ chúng tôi, nhòa nhập vào trời đất bao la sáng chiều. Tôi đứng đó, đôi mắt mở lớn sáng vui, tay chân trong tư thế sẵn sàng nhảy thót lên thềm cửa, như những chiều hôm qua hôm kia. Tôi nôn nóng giữa cái choáng ngợp lạ lùng.

Tàu phi phò ngừng lại. Hành khách từ dưới đưa hàng lên, hành khách từ trên chuyển hàng xuống. Số khách xuống luôn luôn cùng cỡ với số khách lên, hình như chưa bao giờ tới hai chục mạng cả. Ngay khi đợt khách trên tàu chưa kịp xuống, chúng tôi đã kéo nhau chạy ứa lên, len lỏi vào từng toa, chạy qua những hàng ghế đầy mặt người. Với những bàn chân nhỏ bé nghịch ngợm của chúng tôi, chiếc tàu như một hàng động dài chùng, một thứ hàng động thay đổi từng ngày và chạy hoài không hết. Chúng tôi chạy đuổi nhau mãi cho tới khi tàu chuyển bánh, còi thúc làm hiệu tiếp tục đường dài, bánh chuyển lăn mới nhảy xuống. Tàu đi, từng đứa một đứng rải rác ven bờ đường trước sân ga nhìn theo tàu khuất dần về miền Nam và không đứa nào biết tàu sẽ ngủ đỗ lại ở ga trạm nào.

Không biết tàu sẽ ngủ đỗ lại ở ga trạm nào ? Chưa bao giờ tôi biết, chưa bao giờ tôi đem hỏi ai về điều mình chưa biết đó cả, và hầu như cũng chưa bao giờ tôi đề ý hoặc lấy làm băn khoăn hết. Tàu sẽ ngủ đỗ qua đêm ở một ga trạm nào của phương Nam một mình tăm tối kia. Có bao nhiêu trạm ga phố bến dọc hai chiều đường Nam Bắc. Lại một điều tôi chưa hề đề ý tới nữa.

Và còn những chiều tàu về trễ. Nắng phai dần, đêm xám nhạt mừng lên quanh trời, những đôi mắt của đám trẻ trông hoài về miệt Bắc, những trò chơi bị bỏ rơi, dáng chiếc tàu vẫn chưa xuất hiện. Đám hành khách ra về, chúng tôi còn nấn ná đứng lại. Biết đâu tàu sẽ đến ngay bây giờ. Cũng có thể biết đâu tàu đang lâm

nạn dọc đường dài. Một cuộc tấn công nào đó ; hoặc một trái mìn, một đợt bom, một cơn bão dữ quá xa xôi mà âm vang không đến được tận nơi này, hoặc một cây cầu bị sập hư, một đoạn đường bị tróc lở. Trong trí tưởng chúng tôi, hằng trăm tai ương có thể đến với con tàu, ngăn nó lại giữa chiều ngoài kia không cho đến đây kịp tối. Trước tầm mắt đám trẻ, theo sự thiếu vắng của con tàu, không gian như có một cái gì hụt hẫng mông mênh ; sự nguội lạnh tràn xuống từng trò chơi, từng đứa buông bỏ dần, đến đứng sát vào nhau trông về phương Bắc, đứng chờ. Có những chiều trong bao nhiêu chiều trẻ nãi đó tàu lại về khi chúng tôi còn trên sân, khi nắng còn hanh ứa trên những hàng cây mái phố. Có những chiều chờ hoài không được, đêm đã ngộp lên tất cả, chúng tôi phân tán nhau xuống phố về nhà. Ngọn đèn dầu hỏa vàng mù bên phần cơm được đơm chưa lại, tôi ngồi xống nhai nuốt với lời trách móc của người thím và lòng vẫn nôn nao chờ. Chờ, bởi lẽ thế nào rồi tàu cũng về cả, có trễ bao nhiêu rồi tàu cũng phải về. Miếng cơm này trôi theo miếng cơm kia, và đến một miếng nào đó bị ngậm cứng lại giữa miệng khi tiếng máy từ xa ngoài hướng Bắc đang vọng lại rõ dần. Tôi bưng chén đứng dậy như bởi một sức thúc hối quyết liệt, chạy nhanh ra sân, nhìn dọc lên đầu phố. Nhiều tiếng kêu của đám bạn tôi, nhiều cánh cửa vừa khép hờ lại được mở vội ra, nhiều ngọn đèn đốt sáng thêm, nhiều tiếng người lớn hỏi nhau quanh quất : sao tàu về trễ thế à. Và tất cả tiếng hỏi nói cười đùa mất tâm tằm vào tiếng còi thúc dãi chơi với.

● Những chiều tàu đến đúng giờ, những chiều tàu trễ ; và bao nhiêu buổi chiều tôi nao nức sửa soạn nhảy lên bậc thềm với đám bạn lại phải đứng yên : những chiều mẹ tôi theo tàu trở về.

Có thể khi mẹ tôi đi bằng đò dọc, bằng đường xe hàng lên tỉnh, bằng tàu ; nhưng khi về phần nhiều bà thường theo chuyến tàu chợ từ miệt Bắc vào. Tôi không có một ý niệm nào về các chuyến đi đi về về của bà cả. Mẹ tôi đó, bỏ lại thời con gái lự

là ở thành phố theo cha tôi về đây, cha tôi thôi làm công chức cho chính quyền bảo hộ, theo lực lượng kháng chiến vào rừng dẫn luôn đứa con đầu cùng đi để hai đứa nhỏ là tôi và người chị cho bà ; bà chuyện trò vui cười với các người lối xóm, bà nựng dỗ vuốt ve tôi, bà xách cái xác nhỏ ra đi mất tâm cả tháng và trở về với những món quà nhỏ mọn bảo là của người anh gởi cho tôi. Chiều hay tàu vừa vào ga, chưa kịp nhảy lên tôi đã phải đứng sững lại : từ khung cửa đằng trước, mẹ tôi mặc chiếc áo dài vàng nhạt đang bước xuống. Tay cầm xác, dáng dong dong cao, mái tóc quăn gọn, cánh tay còn lại của bà đưa ra ôm choàng lấy tôi với nụ cười mừng.

Khác những lần trước, chiều nay thêm một người con gái cùng về với mẹ tôi. Chị Hà. Như đã quen biết đầu từ lâu lắm rồi, chị Hà gọi đúng ngay tên tôi, vuốt tóc tôi, hỏi sơ qua những chuyện gia đình. Một tay níu tay mẹ, một tay nắm tay chị Hà, bỏ lại đám bạn chạy nhảy và con tàu chuyển bánh đi về miệt Nam phía sau, tôi bước xuống lối mòn vắt ngang qua vùng đất trũng dẫn vào phố. Một điều làm cho tôi thích thú nhất : chị Hà nói giọng Bắc. Tôi hỏi, mẹ tôi bảo chị ấy quê ở Bắc ninh.

Có thêm khẩu phần quá đột ngột, bữa cơm tối được nấu thêm và bày ra thật trề. Ngọn đèn dầu đặt trên cái ghế chân cao vàng vọt soi xuống. Chiếc mâm gỗ tròn, những đĩa thức ăn, những đôi đũa gấp xới, những câu chuyện về các việc xảy ra trong phố suốt thời gian mẹ tôi xa, những câu chuyện mẹ tôi kể về các nơi khác, chuyện anh cả tôi đang học hành ra sao, chuyện cha tôi bị sốt rét rừng. Lâu lâu chị Hà hỏi góp vào một vài câu, kể vài đoạn ngắn. Bữa cơm chậm rãi từ từ. Tôi ăn, tôi cố tình vụng về khi gắp món ăn để chị Hà gắp dùm, cố tình lơ đãng biếng nhác hoặc mãi chăm chú vào câu chuyện để nghe tiếng chị Hà dục, cố tình ăn thật ít để nghe chị Hà dỗ ăn thêm. Những câu chuyện lan man hình như đang đến một vấn đề quan trọng nào đó, mẹ tôi nói, chị Hà và thím tôi có vẻ ngồi chăm chú lắng nghe. Đôi đũa và cái chén từng lúc lâu bỏ quên trên tay, chị Hà thỉnh thoảng lại lắc đầu với mẹ tôi, nói góp thêm, và cơ hồ chị đã quên lửng có tôi đang ngồi bên cạnh. Tôi không hiểu gì cả, tôi không muốn hiểu họ đang bàn tính chuyện trò gì cả,

Tôi ngồi đó, chăm chăm nhìn xuống lòng chiếc chén trống trước mặt với nỗi ghen tức mơ hồ.

Bữa cơm hết, mẹ tôi ngồi bên đèn tiếp tục chuyện trò với thím tôi, chị Hà theo người chị tôi mang mâm chén ra đi rửa. Thu dọn xong chị Hà trở lại tiếp tay mẹ tôi nhắc chiếc chõng nhỏ đến tựa bên gốc cây sấu đông già trước hiên ngồi tâm sự tán tề. Vàng trắng non vàng khuyết lên cao dần khỏi những ngọn tre cuối vườn. Tiếng súng từng loạt ngắn nghe rõ đâu ở mạn bên kia sông. Chị Hà nói với mẹ tôi về những mặt trận lớn đang mở ngoài Việt Bắc, nhắc đến tên nhiều người: chị Kim, anh Thúc Tấn, bác Hương, chị Trung Sách..., tên những đường rừng Hải đạo Trường sơn, tên những chiến khu, những trại tập. Và tên người anh cả tôi, cha tôi, chú tôi, thỉnh thoảng được gọi lên giữa tất cả đó: cha tôi đã ngã bệnh sau thời gian công cán Nam bộ, chú tôi hiện vẫn ở nơi cũ, anh tôi vẫn tiếp tục học và chờ ngày vượt biên. Ngoài ngõ khu phố chợ theo đêm chìm lắng dần, nhiều cánh cửa đã khép, vài ba cánh còn mở đèn hắt vàng như những nỗi đợi chờ lặng câm, vắng vắng tiếng hát và tiếng cười nói i ô của bọn lính viễn chinh say rượu.

● Trên chiếc chõng tre nhỏ đó, giữa đêm mênh mông tôi duỗi dài thân thể lười biếng, gối đầu lên đùi chị Hà, mắt mở trông trời sao. Thật lâu, tôi nằm không nói gì cả. Chị Hà vẫn tiếp tục chuyện trò với mẹ tôi và từng lúc bỏ lửng, cúi xuống nhìn vào mắt tôi, hỏi nhỏ: Em chưa ngủ à. Dạ chưa, tôi nói và kéo bàn tay mềm mát của chị đắp lên mặt mình. Chị vỗ về nhẹ nhẹ ngủ đi. Tôi bảo em chưa buồn ngủ mà. Sao em không vào học bài à? Em thuộc cả rồi, để em nằm nghe chị nói giọng Bắc. Mẹ tôi và chị Hà bật cười thành tiếng, hai bàn tay chị vò rối mái tóc nắng đỏt của tôi, tiếng hỏi vui: giọng Bắc thế nào. Tôi cười lắc đầu yên lặng. Yên lặng bởi tôi chẳng biết phải trả lời thế nào nữa. Vàng, giọng Bắc thế nào, vì sao tôi thích nghe giọng Bắc. Như mọi đứa trai, tôi thích nghe tiếng nói từ môi miệng của những đứa gái dễ thương, mà đứa dễ thương nói giọng Bắc lại

càng tuyệt vời hơn nữa. Giọng Bắc, không rõ vì sao tôi thích nghe nó hơn bất cứ những thứ giọng nói khác, không hiểu từ nguyên do nào đưa đẩy hoặc kẻ nào đã gây được ấn tượng dày nặng khó phai phai đó, mơ hồ như một thứ vết tích tổng tổ, một thứ kỷ niệm tiền thân xa vời. Chị Hà nói thì thầm với tôi, giọng nói hơi cao hơn một chút khi quay ngang với mẹ tôi, trầm thấp trở lại với khuôn mặt cúi xuống giữa mái tóc dài đỏ rủ vậy che: bữa nào nhón em thích làm gì, em thích đi tàu lâm à, em thương ai nhất, em thù bọn giặc Pháp không, em thuộc bao nhiêu bài hát hát cho chị nghe thử nào, em ghét bọn giặc khổ đỏ khổ xanh không; và bàn tay từng ngón êm ái len vào mái tóc tôi, vỗ về nhẹ nhẹ trên vầng trán tôi; tiếng nói trầm thấp buông khuâng về văng lên trong trí tưởng tôi hình ảnh khu phố quê chị lóa nắng vui rộn tiếng nói cười của những kẻ đầy lòng chân thật thương nhau, nơi anh tôi ngày đêm chăm chỉ học hành đợi ngày đi xa nơi những chị Kim Xuyên bác Hương anh Thúc Tấn đang tới lui với những chiến khu BL những đường Trường sơn Hải đạo, nơi những mặt trận quân ta luôn luôn chiến thắng bọn giặc thù, nơi có năm rau xà lách chị Kim Xuyên hái bên đường Hải đạo xanh trong rừng xa không người trông và không cần tiền trả, nơi có trách cá suối tươi ngon chú tôi vừa bắt đem cho chị Sách kho khô ăn suốt hai ngày, nơi có những con thú rừng săn được sau cơn mưa nửa chiều, nơi có đám lính Pháp bị bắt sống trong trận đánh hôm trước ngồi ăn cơm gạo ủng với cá kho ruốc và kể nỗi lòng chán sợ chiến tranh, có những bếp lửa đốt cháy bập bùng giữa rừng đêm sương trắng... và tiếng hát với đôi môi mấp máy mơ hồ: mờ trong bóng chiều một đoàn quân thấp thoáng, núi biếc cao... Tôi nằm nghe, tôi hát theo chị, tôi thả óc tưởng tượng bay theo những lời kể xa vời, tôi trả lời những câu hỏi ngắn, tôi nhìn lên khuôn mặt trắng thắm của chị, tôi nói với chị về những ước mơ mai sau khôn lớn của mình. Tôi sẽ phải ra đi, xuôi Nam ngược Bắc, hết năm này sang tháng kia, đi, đi chứ không lẽ lại ở hoài đến già yếu còm cõi nơi đây sao.

Vâng, tôi sẽ đi. Em sẽ lên tàu suốt ra Hà Nội, đến Bắc ninh tìm chị, đi theo chị qua Lào rồi ngược xuống Sài Gòn Cam bốt.

Tôi 9 tuổi, nằm giữa đêm, tâm hồn thên thang những ước mơ cơ hồ chỉ cần sáng mai chiều mốt gì đó là thực hiện được ngay. Và trong tất cả mọi mơ ước, mọi chuyển đi, đều vắng vắng cái hơi lạnh mát thăm thẳm của bàn tay và da thịt chị Hà. Tôi sẽ đi tôi sẽ theo chị ra đi dù cho không biết sẽ đi đâu về đâu. Tôi lặp lại lặp tới cái hẹn hò, cơn nao nức cuống quýt kéo tôi ngồi lên, hơi lạnh mát pha ngợp bao la. Như con vịt nhà giữa xó chuồng ẩm thấp một hôm nào với cơn gió mùa về ngưỡng đầu trông lên cao lộng tinh cờ bắt gặp đàn vịt trời đang nổi cánh nhau bay đến các xứ ấm, và quay lại: xó chuồng chột bần chật ẩm thấp hơn, mớ không buồn cúi rúc, vào kiếm ăn ở các vùng nước tù hãm nữa; trong một thoáng chốc, tất cả mọi thân yêu gần gũi hằng ngày của tôi bị loãng nhạt hết. Tôi muốn từ bỏ hết. Từ bỏ càng nhanh càng tốt bởi hình như đã muộn trễ quá rồi. Phải bỏ hết để ra đi thôi. Với chiếc đầu gối lên đùi chị Hà, thân thể đắm chìm trong hơi lạnh mát thiên thu rười rượi đó, làm sao tôi có thể nhớ đến cái lớp học bần ghế vẹo xiêu và ông giáo già hết thời bay nhảy, làm sao tôi đem lòng thân yêu được với đám bạn bè rậm nằng nghịch ngợm và chuyển tàu chợ về những chiều, làm sao tôi hình dung được lòng vui say của mình trong các trò chơi mới vừa hồi trư. Tôi chỉ muốn ra đi ngay tức khắc. Không cần biết ra đi về hướng nào, đi để làm gì đi để đến đâu; nhưng đi, đi theo chị Hà, đi với cái bóng bát ngát che chở của chị Hà, đi theo hơi lạnh mang mang trong từng ngón tay vỗ về đó, đi theo giọng nói thấp trầm đồ dành. Bỏ hết tất cả và ra đi ngay. Tôi lúng túng tìm cách diễn tả cái lòng tình nguyện quá đỗi nôn nóng của mình. Không biết vì đâu có sự nôn nóng thúc hối đó, không biết nói cách nào cho chị hiểu, tôi lắp bắp khó khăn: em muốn đi, đi thôi. Những ngón tay chị Hà vẫn đùa dờn với mái tóc tôi, khuôn mặt cúi xuống với nụ cười và tiếng nói nhỏ: thỉ đời khôn nhơn lên đã nào, có muộn gì đâu. Khôn nhơn; theo tiếng nói của chị, với nỗi nao nức, tôi hình dung ra ngay một ngày nào đó tôi lưng dài vai rộng khoác cái xắc vải vào vai như anh cả tôi ngày ra đi, nhập bọn cùng chị Hà bỏ khỏi khu phố chợ mê mớ này; đi, đi thật xa và thật lâu về.

Đêm càng khuya vắng trắng non nhạt càng sáng rõ, sao càng

hiện nhiều thêm. Bàn tay chị Hà vẫn nhẹ nhẹ vỗ về trong một thứ cung bậc lắc lư. Giữa hơi lạnh mát bao la của đêm và của da thịt chị, tôi nhấm mắt thiếp vào giấc ngủ từ lúc nào không hay.

● Tàu ra đúng giờ, vào đúng giờ, từng chiều biệt mù về đêm phương Nam không biết ngủ đổ lại ở ga trạm nào và những sáng sớm phương Nam đúng giờ quay đầu hướng ra phương Bắc. Buổi sáng tôi thức dậy với tiếng còi tàu suốt ngán khô, chị Hà đứng bên cạnh dục đi rửa mặt đánh răng để vào ăn cơm chiều buổi sáng mà còn đi học. Cơm nấu thừa từ buổi tối hôm qua đã được chị chiên lại bung dọn sẵn trên chõng. Bữa ăn sáng xong, mẹ tôi khoác áo dài ra chợ, thím tôi lo việc mở cửa hàng, chị Hà theo hai chị em đến trường. Con đường tấp dãi bóng mát, ba chị em vừa bước đi thật chậm vừa trò chuyện huyên thuyên. Trong tiếng nói chị, tôi vẫn còn nghe lại những chuyển đi nao nức đêm qua. Đi, chắc chắn thế nào rồi tôi cũng phải ra đi cả.

Đến tận cổng đình, chị Hà quay lại về nhà. Trên bậc thềm cửa tam quan tôi buồn rầu ôm vỗ ngồi nhìn theo cho đến khi bóng chị khuất hút, cho đến khi buổi học bắt đầu. Trong giờ học tôi với đám bạn ngồi ngóng theo chuyển tàu chợ thúc còi vào ga. Giờ ra chơi tôi bỏ trường chạy nhanh về nhà: nhà đã vắng, thím tôi đang ngồi khâu lại mấy chiếc nút áo của tôi bị bứt ra từ hôm kia. Cái dáng lạng lẽ cúi xuống của thím tôi giữa những bày biện chung quanh không dung như đang căng căng ra một khoảng trống hồng làm tôi thẳng thốt đứng lại bất động. Chị Hà đâu? Nhìn vào thím tôi, nhìn vào những bày biện, không cần hỏi gì cả tôi cũng đã biết rõ ràng: chị Hà đi rồi. Chị Hà đã đến và đã ra đi, gọn ghẽ chỉ ngần đó. Đi, bởi lẽ chị đã đến đây, bởi nơi đây chẳng có gì đủ sức kéo giữ chị lại, bởi chị còn nhiều bạn bè cần thiết ở bao nhiêu nơi khác nữa. Hình như lúc sáng đứng trên bậc thềm cửa tam quan tôi đã thấy được điều đó. Hình như từ đêm hôm qua, hình như khi thức dậy có chị bên cạnh, lúc ngồi ăn, lúc nắm tay chị đi chậm chậm đến trường tôi

cũng đã thấy được hết. Thấy được, nên buồn bã trông theo chị về, mừng rỡ khi bắt gặp lại chị cuối giấc ngủ quên, lo lắng nghe tiếng còi tàu chợ thúc hú ra đi. Thấy được, nhưng không thể làm gì cả, bởi nó mơ hồ quá, bát ngát và xa xăm quá. Và bây giờ trước mắt tôi, cái bát ngát xa xăm đó đang sà xuống phủ ngập lên tất cả các bày biện, xác định sự thiếu vắng của tôi hôm nay và cái bất lực ngàn đời vạn kiếp không thể vượt thoát: chị Hà đi rồi. Đứng đó bám tay vào thành cửa, tôi hỏi người thím, chị Hà đâu chị đi bao giờ, có phải chị đi theo chuyến tàu chợ không. Giọng thản nhiên, thím tôi bảo chị ấy vừa đi, đi bộ bằng đồng xuống mạn dưới rồi. Không nghĩ ngợi gì cả, không biết làm gì hơn, tôi bật khóc. Thím tôi vẫn tiếp tục khâu áo, nhìn ra mỉm cười: ô, hay chưa kia, con trai gì lạ thế. Tôi chậm chạp rời khỏi khung cửa, đi bằng qua khoảng sân, chạy sâu vào lối mòn dẫn khuất giữa vườn cây, theo hướng cánh tay người thím vừa chỉ chạy dần về mạn dưới. Càng chạy, cơn thúc hối lập lòe vô lý càng căng lớn thêm: tôi sẽ rượt kịp chị, sẽ kêu chị lại, sẽ kéo áo chị về đây. Tôi chạy, mắt trông vào phía trước, hai ống chân nhịp đều băng băng như lý trí không còn điều khiển được nữa. Cuối lối mòn sau khu đường rộng, cánh đồng qua mùa gặt hái đang phơi lớn dưới nắng mai, giòng sông kẻ thành một vệt xanh dài quanh quanh bên kia sông những bờ tre trúc mờ mờ các xóm làng xa tít. Bất giác với nỗi thất vọng tê điếng vỡ bùng tôi đứng bắt tay làm loa kêu lớn vào đồng vắng: chị, chị Hà ơi, chị Hà. Kêu, ngừng lại nghe tiếng kêu mình hồ như tiếng kêu trên mái nhà đêm khuya gọi hồn người mẹ sáng tất hơi: từng âm một hút mất vào trống không trùng điệp. Và ngờ ngẩn đau đớn, tôi bưng mặt khóc nức nở.

Chị Hà đã đi. Mái tóc thả dài lòa xòa đêm hôm qua đã được buộc gọn lại với những sách gói, cái áo dài cũ xanh sậm, đôi dép nhỏ và con đường Hải đạo đâu đó mịt mù. Tôi không còn đủ sức để về trường ngồi lại chỗ ngồi cũ, cúi xuống tập vở đầy dầu mực, vỗ tay hát những khúc nhạc ngân theo ông giáo già, tham dự những trò chơi với đám bạn. Không đủ sức để làm gì được nữa. Tôi buồn rủ. Dưới bóng cây che, tôi lần đầu trốn học, quanh quẩn nằm thu lại âm ức khóc tủi thân, khóc giận chị; và mướn

đúng đây chạy băng về miệt dưới, vừa chạy vừa réo gọi tên chị, réo gọi cho tôi bao giờ chị nghe chị dừng lại chờ tôi sẽ đến ôm chầm lấy chị bắt chị trở về. Mặt đầy nước mắt, tôi thiếp mê đi. Trời ngả trưa dần, mặt trời lên cao và bóng cây bị thu tròn lại, ôi nằm ngủ phoi giữa nắng cho đến bữa cơm mẹ tôi ra gọi thức dậy nắm tay dắt về. Ăn xong mẹ tôi bắt đi tắm, lên giường ngủ và nằm kể cho tôi nghe về chị Hà: chị ấy còn bận nhiều công việc lắm, chị gặp mẹ trên tàu nên ghé về ở lại đây một hôm nhà thôi, chị còn đi liên lạc mấy người bạn của ba ở dưới kia nữa, hôm nay có lẽ chị sẽ ngủ lại dưới đó, mai mới chị lên lại nhìn khu BL để theo những người khác vượt biên giới với anh là, chắc lâu lắm chị mới về thăm.

Hải đạo, đường Trường sanh, chiến khu BL, biên giới. Tôi làm sao hình dung ra được gì về những nơi chốn đó hết. Chị Hà ngồi bắt thi thăm đêm qua ở đây, bây giờ đã đến những nơi đó và tôi đã mất chị. Đôi mắt bé dại mở ngó ra ngoài khung cửa, ngó phóng lên non núi trường sơn xanh ngắt ngó sâu vào cuộc tan lìa ngút ngợp. Biên giới: chị Hà đang bước từng bước ngăn, mái tóc vấn gọn tà áo xanh cũ bay bay và bao giờ mới trở về ngồi lại trên chiếc chõng tre hôm trước.

Với ấu thơ và nỗi buồn của một đứa trẻ ham vui, tôi là một kẻ tiên tri thấu thị: nhìn đất trời bao la đó tôi biết chị Hà không còn lúc nào trở về lại nơi này nữa đâu.

Chị Hà đi, mẹ tôi đi, căn nhà không dung trở nên trống lạnh lòng. Buổi chiều khi chuyến tàu chợ từ phương Bắc chạy vào bỏ mặc đám bạn tranh nhau chạy lên các bậc thềm, tôi đứng một mình tựa lưng vào góc tường chăm chăm nhìn lên từng khung cửa đầy mặt người trông ra, mơ hồ đợi cái dáng chị Hà sẽ xuất hiện bước xuống như chiều hôm trước. Không có. Chiều hôm sau, nữa: không có. Tuần sau, tháng sau, năm sau: không có. Vàng, không bao giờ trở về nữa, chị Hà đã bật mù như một bóng chim.

10 tuổi, 11 tuổi, 12, 15 tuổi: tôi lớn khôn cùng nỗi đợi chờ mờ nhạt người ngoại dân theo những phân lý gặp gỡ thay đổi dọc đời.

Rời bỏ khu phố tuổi thơ, xa mẹ và thím, tôi khăn gói lên tỉnh nhập vào các lớp học mới, thân quen với những kiến trúc mới, cười đùa vui đùa với bạn bè trai gái mới. Tôi mười tám mười chín hăm mốt hăm hai... Tôi hân hoan ca hát và chân đạp miêng lưỡi, tôi lang thang như một bóng ma trong lòng thành phố giới nghiêm vắng ngắt, tôi giữa ngày biển động nước mắt ràn rụa khỏi lựu đạn cay, tôi hằng say bàn tính với bạn bè những chuyện phải làm ở ngày mai mốt, tôi trên ghế đá công viên đêm lạnh ngắt không người; và chị Hà là một khoảng sâu thẳm vắng yên không nhìn rõ mặt. Khu phố cũ vẫn còn ở đó, giữa cuộc chiến tranh mới, nơi tôi quay quắt nhớ và không muốn trở về. Chiếc tàu bị trúng mìn đứt đoạn nằm trên quãng đường cỏ lấp, cây cầu sắt cao chênh vênh đã gãy, đá tảng từ đỉnh đồi theo các đợt bom dội rừng rùng trong núi chuyển mình lăn đổ xuống nằm kênh bên nhau quanh vùng sân ga, nhà ga biến thành trại định cư của dân dân chày làng ở bên kia sông không có phương tiện lên tỉnh; chợ vẫn họp mỗi buổi sáng, càng lúc người họp chợ hình như càng đông hơn; những buổi chiều dây phố trải ra buồn bã giữa nắng, rải rác bọn trẻ đi học về, những bóng cây xanh thưa, những thằng dân vệ súng ngắn súng dài áo quần lộn xộn đi đứng nghênh ngang, tụi lính viễn chinh trắng đen đỏ vàng đầy lông lá bụi đất và hơi rượu; đêm đêm đạn đại liên xối xả nổ ra quanh đồn, bom vẫn dội mù núi. Không còn ai nhắc đến Hải đạo Trương Sanh, đám trẻ lớn lên có nghe kể bao nhiêu cũng không thể biết được dáng của chiếc tàu chợ tàu suốt dài ngắn thế nào và tại sao người ta không ăn-bạc-đông-dương không-thương-thằng-bảo vệ.

Ở đó, với vô số máy thu thanh làm nhảm từng ngày bây giờ, chị Hà được kể vào hàng ngũ những người lầm đường theo giặc. Trong tờ lý lịch của tôi khai báo đọc trại đồn có tên người cha và người anh cả kèm theo hai chữ nhỏ trong cái ngoặc đơn: mất tích.

● Chị Hà, như người cha và người anh cả tôi, đã mất tích. Phải thế không. Đã mất tích với những chuyến tàu ra vào, tiếng còi

chơi vui, tiếng máy mọt-mỏi, tiếng vui hét reo mừng và những chiều bao nhiêu đôi mắt đám trẻ ngóng về miệt Bắc khi nắng ngả màu phai phai. Đã mất tích cùng những chuyến đi nông nân thúc hối tôi trên chiếc chõng tre đêm nào. Mất tích và vô danh cùng những khu phố nắng lóa xa vời. Chị Hà đã mất tích, đã lẫn mù vào đời sống quay mùa điệp trùng, đang ra sao ở một nơi nào đó. Có phải chị còn bên kia biên giới Việt Lào, còn bên kia giòng sông phân chia Nam Bắc, đang rằng cà tai căng đờng ca hát trước đám dân Thượng, đang ngồi họp giữa những hội nghị cấp cao, đang ôm súng chạy băng băng theo một viên đạn vừa bắn ngay chóc vào thân tàu giặc ngang trời, đang thoi thóp u ở trong bệnh xá biên khu; hay đang khuất lấp hèn mọn giữa cái miền nam tự do chen chúc mỹ hời này, còn bồng con ngồi ru hát ầu ở đêm ngày chờ tin dữ của người chồng vẫn vẹn đang lẫn lóc trên chiến trường Đông dương, còn mặc áo đại tang đi đòi quyền sống, còn theo bọn lính què cụt hết thời đi cầm cọc chiếm đất, hay đã ngã sấp xuống trong những vụ thảm sát máu me, đang ghê lở trong các chuồng cạp chuồng beo, đang mang bệnh lậu cáng nặng trong các xóm điểm rẽ tiền, đang đợi ngày về Mỹ theo thằng liach viễn chinh... Chị Hà, cái tên ngắn gọn và hằng triệu mẫu sống tiếp nhau lan man về hoài ra Chị Hà đang ra sao, nơi nào? Thăm thẳm trong tôi một lớp màn tơ đã xếp lại với vịnh cửa và những vì sao đêm xưa. Bên sau chiếc màn tơ đó, trọn kiếp chị Hà là một người gái son sẽ ngồi hát thì thầm. Và thôi, có lẽ không còn gì hơn nữa.

Chị Hà: chút hơi lạnh mắt dấu sâu trong lòng tay từng đưa gái gập gở dọc suốt đời tôi, bay bay trong những mái tóc dài, lảng lờ giữa giấc ngủ. Hà, chỉ nghe thấu cái tên, bất cứ một đứa gái nào mang cái tên đó dù cho chưa thấy mặt mũi một lần tôi cũng cảm thấy ngờ ngợ như đã quen biết đâu rồi. Chị Hà là người bạn nữ đầu tiên của tôi, kể thử nhất cho tôi những ước mơ xa vời ra ngoài khu phố đó, xui tôi lần thứ nhất bỏ học, mở mắt cho tôi thấy những phân ly lờ lờ hằng ngàn triệu năm trên mặt đất sần sùi u mê những ga bến biên thùy này.

Tôi đã sống gần nửa đời người, tôi tắm trong những phố đông, đui mù giữa những hố hầm đồn trại, sấp hết cả thời vui

vẫn chưa có thể hy vọng một ngày nào theo tàu suốt đến tận Bắc Ninh quê chị một lần. Và chắc rằng đến được hay không đến được cũng chẳng hơn thua gì cả, có vốc được nắm đất mà chiếc nhau chị đã tan lẫn vào đó cũng bằng thừa. Có chăng là một chút ngậm ngùi buồn bã với nghìn trước nghìn sau. Mờ trong bóng chiều một đoàn quân thấp thoáng, núi biếc cao... Tiếng hát khe khẽ dưới vầng trăng non, những ngón tay mềm mại, mái tóc rũ lòa xòa, hơi lạnh mát mệnh mông; tất cả sẽ còn hoài mãi trong tôi với bao nhiêu kỷ niệm tiền thân tởm tởm im lìm.

Chị Hà đã vượt biên, đã mất tích, đã ở lại với tuổi thơ tôi và màu nắng úa vàng trên bờ tường nhà ga cũ, đã nhập vào đoàn người đi mờ trong u chiều vô danh của đất trời vạn cổ; mờ và không bao giờ mất.

ngụ ngữ

DƯƠNG NGHIÊM MẬU

qua đêm

Người nữ y tá đứng tuổi nhẹ nhàng trong cử chỉ nói và chỉ cho chúng tôi cách để tay, giữ đầu để đưa cha tôi vào trong phòng. Cha tôi nằm bất động trên bàn mổ, hai chân duỗi thẳng, hai tay buông xuôi, một bên mắt bị băng lại, một bên nhắm nghiền, chỉ còn có hơi thở lên xuống nơi ngực cho tôi biết cha tôi còn sống. Tôi đọc thấy nỗi lo âu của những đứa em tôi đứng nơi bên người cha già. Sau ba giờ trong phòng giải phẫu, bây giờ cha tôi còn ở trong cơn mê. Với người nữ y tá chúng tôi đưa cha tôi về nằm trong gian phòng nhỏ, trên chiếc giường nệm trắng.

Người y tá sửa lại thể nằm cho ngay ngắn rồi bà căn dặn chúng tôi một vài điều cần thiết: việc cho uống thuốc, cách cho ăn, việc giữ gìn thể nằm và canh chừng cha tôi tỉnh lại. Tôi đứng im lắng nghe sau đó cảm ơn trước khi bà bước ra khỏi phòng.

Chúng tôi ngồi im trên chiếc ghế dài bằng gỗ đã cũ, lúc sau đứa em trai lớn mở cửa bước vào, nó vừa từ sở làm trở về, đầu còn đội chiếc mũ nhựa nhàu nhọ, nó ngồi xuống bên hỏi tôi về sức khỏe của cha tôi, tôi nói tốt nhưng còn đang mê vì thuốc. Nó ngồi im lấy thuốc ra châm hút. Tất cả chúng tôi đều ngồi im như thế không ai nói với ai điều gì, chúng tôi cùng chăm chú nhìn cha tôi nằm im với nhịp thở đều hòa báo hiệu nơi lồng

ngực được phủ chiếc chăn đơn màu hồng nhạt, một bên má cha tôi đỏ au dưới ánh đèn về khỏe mạnh, mái tóc dài những sợi bạc ánh lên. Mở cửa sổ nhìn ra bầu trời đã tối, tôi giục mấy đứa em trở về nhà, tôi căn dặn đứa em gái một vài việc lật vạt, cháo ăn vào ngày mai cùng với quần áo lót, thu xếp những việc ở nhà cho mấy đứa em nhỏ. Mấy đứa em nán lại một lúc mới ra về, đi tôi dặn tôi ở lại săn sóc trông nom.

Cơn bão rút trôi qua thành phố mang theo những trận mưa lớn về đêm cùng với hơi lạnh, cơn bão cũng mang theo khí hậu những ngày đầu thu của miền Bắc, quê hương đã xa của tôi, nơi tôi được sinh ra lớn lên.

Trước đây khoảng nửa năm, cha tôi thấy đôi mắt như kém hẳn, không còn đọc được báo chí một cách dễ dàng, cha tôi nói: con dẫn thầy đi thử một cái kính. Chúng tôi lên thử kính, người bán kính quen thuộc thật vất vả với những cố gắng cuối cùng đã nhận thấy mắt của cha tôi không có kính nào hợp, không phải là cận, viễn hay loạn thị, mắt cha tôi có một cái màng, thế là cha tôi phải tới thăm một vị bác sỹ chuyên về nhãn khoa, ông cho thuốc, coi sóc và nói cha tôi chờ đợi tới một lúc có thể giải phẫu được vì hiện nay cái màng chưa đến độ giúp cho công việc giải phẫu được thuận lợi. Cùng với thời gian mắt cha tôi mỗi lúc một kém đi, trông đáng đi của ông chúng tôi hiểu mắt ông đã kém và chúng tôi đều lo ngại, cha tôi mỗi khi nói đến đôi mắt lại nhắc điều mà ông tin là nguyên nhân khiến một bên mắt bị kém, đó là lần đau mắt vào một vụ mùa trước năm 1945, vào tháng mười, giữa vụ gặt cha tôi bị đau mắt nhưng phải lo coi sóc công việc gặt nên mắt cha tôi bị đau mãi mới khỏi, nói tới lần đau mắt ấy thường cha tôi cho chúng tôi, nhất là những đứa em nhỏ của tôi hiểu phần nào những ngày tháng cũ trong đời sống của ông, đời sống của một nông dân chân lấm tay bùn đến ốm đau cũng không bỏ được những công việc chờ đợi họ. Nói lại những điều đó với các em tôi vẫn là một điều kỳ lạ. Phần tôi, tôi thấu hiểu những gì mà cha tôi cùng người nơi làng quê đã sống. Và ngày nay, sau bao nhiêu năm, thỉnh thoảng, trong những cơ hội tình cờ nào đấy, cha tôi nói lại cho chúng tôi nghe.

Mười giờ hơn, người nữ y tá trở lại phòng bệnh, bà ta đo nhiệt độ, đo áp huyết, bà ta hỏi tôi:

— Cụ nhà năm nay bao nhiêu?

Tôi nói:

— Cụ tôi năm nay 58 sắp vào tuổi 59 rồi.

Bà y tá lặng lẽ ghi chép, trên tờ giấy ghi nhiệt độ, bà lấy thuốc và chích cho cha tôi. Lúc sửa soạn trở ra bà nhìn tôi nói:

— Anh ngủ lại đây coi chừng khi ông cụ thức dậy, nếu bình thường không có gì thì anh cho cụ uống sữa được, anh nên coi cho cụ nằm im, tránh động mạnh.

Tôi nói cảm ơn trước khi bà y tá rời khỏi phòng, bàn tay trắng nhỏ khép cánh cửa lại một cách nhẹ nhàng khéo léo. Tôi bỏ màn ngủ xuống, giắt lại các mép màn một cách cẩn thận, tắt bỏ bớt một ngọn đèn, bật ngọn đèn xanh nhỏ nơi đầu giường rồi tôi ngả người xuống ghế dài nhỏ vừa cho một người nằm, mùi thuốc phảng phất khó chịu, tiếng động của xe cộ vẳng từ ngoài đường vào, bên phòng kế thỉnh thoảng có tiếng khóc của đứa trẻ nhỏ, ngoài hành lang đã im lặng tiếng di chuyển. Những lo âu quanh quẩn từ buổi chiều vẫn chưa tan trong tâm trí tôi, những lo âu của một người con với người cha già mà chừng như ba mươi năm nay đây là lần đầu tiên đến với tôi, những sợi tóc bạc, bước đi chậm lại, đôi mắt kém đi, tôi hiểu rằng cha tôi đã già, đã yếu, điều mà trong nhiều năm nay tôi không nghĩ đến, như thế cũng có nghĩa mình đã lớn.

Thời gian trôi thật chậm, tôi bỏ phòng ra ngoài hiên dưỡng đường nhìn mông sinh hoạt của con phố. Đêm đã xuống heo hắt với những hạt mưa bụi, con đường nhựa láng bóng từng khoảng với ánh điện, những cánh lá ướt nước sáng long lanh. Con phố vắng lặng với những chuyến xe chạy vút qua. Rạp chiếu bóng cửa đã khép lại chờ xuất hát cuối cùng vãn, một chiếc xe bán bánh mì đậu sát vào những bụi thềm trong rạp hát, phía đầu đường nơi ngã sau, đèn sáng và sinh hoạt có vẻ nhộn nhịp hơn. Khi hậu làm nhớ ngoài quê. Tối qua trong bữa cơm tối, tôi nghe chị tôi nói câu đó với giọng nhớ thương tha thiết nơi quê nhà. Người y tá trực từ trong đi ra về vội vàng khi người bán chè bột khoai đến ngang cửa, Anh ta nói đùa với cô gái

và ngồi xuống bậc thềm bưng chè ăn, anh ta mời tôi, tôi từ chối không thích của ngọt.

Khoảng nửa khuya cha tôi tỉnh dậy, ông lặng lẽ đưa tay lên sờ nơi mắt bị băng, một bàn chân ngo ngoáy, tôi ngồi vào nơi mép giường cầm lấy cổ tay ông, làn da mềm ấm bình thường, tôi hỏi:

— Thầy khát nước không.

Cha tôi hơi gật đầu, tôi bỏ trái cam làm hai vát nước rồi dùng muỗng cà phê đổ vào miệng cho ông. Tôi nói với cha tôi những điều mà vị bác sỹ và người y tá căn dặn, phải nằm im, không được cử động mạnh, tôi cũng nói là cha tôi rất khỏe, khiến cho ông không bị nôn như người y tá lo ngại. Cha tôi như nhớ lại lời bác sỹ nói trước đó: mai ăn cháo. Ông nói để nhắc tôi việc ngày mai. Lúc sau, cha tôi thiếp ngủ trở lại yên lành. Đêm mỗi lúc một sâu, bỏ mình nằm trên chiếc ghế dài với những ý nghĩ mông lung...

Cha tôi sinh năm Sửu, tuổi của vua Bảo Đại, lúc mẹ tôi còn sống lâu lâu nói đến điều này mẹ tôi lại cười, cha tôi cũng cười và nói đùa là mình cùng tuổi với vua mà sống đúng là một con trâu cày. Sinh ra làm con đầu lòng trong một gia đình nông dân, ông nội tôi dù vậy cũng đã có thể nuôi cho cha tôi theo học ngoài Hà Nội, cha tôi nói cho chúng tôi biết tình cảnh mà ông bà tôi đã phải sống để nuôi cha tôi, làm ruộng, không có tiền, hàng tháng ông tôi gánh gạo ra tỉnh trả tiền học cho con nơi một gia đình bề thế có học ở tại Hà Nội, gia đình này sau có một người con thứ làm tới bộ trưởng trong chính phủ Việt Minh, còn người con cả thì đi điền và có thời gian về sống trong gia đình tôi. Tôi năm 16 tuổi cha tôi lập gia đình, cưới con gái lớn của một ông Kép ở làng bèo, ông ngoại tôi là một người lều trổng hai lần tới trường thi chỉ đậu tới tú tài liền tiếp trong hai khóa thi, vì thế dân chúng gọi là cụ Kép Dương, sau thời gian học ở Hà Nội, cha tôi theo học ông ngoại tôi và trở thành con rể. Cha tôi kém mẹ tôi sáu tuổi. Sau này, nói lại ngày nhỏ đó, mẹ tôi thường nói là cha tôi khi ấy rất bé, người như tàu lá, có lần xuống thăm quê ngoại, khi đi trên đường đê cao đã bị gió thổi ngã xuống chân đê. Cha tôi nghe

nói chỉ cười. Làm rõ ông tôi, cha tôi theo cha vợ đi đây đi đó, vì ông tôi dạy học ở nhiều nơi và đồng thời trở thành một thầy địa lý tài tử, lâu lâu coi đất cho một vài người quen thuộc thân quý trong cuộc giao tình. Bà ngoại tôi lo chăn tằm dệt cửu sống đạm bạc của vợ một thầy đồ nghèo trong sự giúp đỡ của đám môn sinh.

Ông nội tôi xuất thân là một tá điền, với phong cách đó ảnh hưởng tới đời sống cha tôi. Là một tá điền nhưng ông nội tôi cũng đã theo học chữ Nho, đọc và viết được, trong những năm về già ông nội tôi có làm thơ và thường có những lần ngâm vịnh với ông ngoại tôi một cách tương đắc. Với ông nội tôi, một tờ giấy có chữ hán bỏ rơi trên nền nhà là một điều không thể tha thứ được, vì với ông, đó là chữ thánh hiền phải coi trọng.

Tôi là con trưởng, nhưng là người con thứ ba trong gia đình, trước đó có một người anh trai hữu sinh vô dưỡng, sau đó là chị gái tôi, bà hơn tôi hai tuổi, cho đến khi tôi hiểu biết, cha tôi không còn đi xa, ông ở lại trông nom gia đình, nuôi ông bà nội. Trong năm 1942, cha tôi đã phải qua một thời gian dài cực nhọc trong việc chạy chữa thuốc thang cho bà nội tôi. Tôi nhớ được năm này nhớ hàng chữ ghi trên bờ giếng của xóm tôi, giếng được hoàn thành năm bà nội tôi qua đời. Trước khi bà tôi mất, cơn bệnh kéo dài một năm, cha tôi mỗi ngày thức dậy mang cơm nắm lên đường vào trong than cất thuốc, đường dài tôi không hiểu, nhưng ra đi từ tờ mờ sáng cho mãi tới tối mới trở về. Sau này, theo cha tôi nói: bà tôi bị ung thư, bà tôi mất sớm khiến cho nên tôi ngày nay cũng không nhớ mặt bà, lúc bấy giờ là thời gian cha tôi đang làm ăn thành công.

Cũng với thời gian này cha tôi có những hoạt động kín đáo, lâu lâu vắng nhà một thời gian, công việc ở nhà do mẹ tôi trông nom, thời gian này, với những công việc cha tôi làm, ông nội tôi không bằng lòng. Tôi nhớ, chừng như có một vài lần ông tôi lớn tiếng nơi nhà trên với cha tôi, mẹ tôi chỉ khóc, chúng tôi không biết gì về việc làm của những người lớn... Thời cuộc đổi thay với những biến cố, khi những người lính Nhật xuất hiện trong làng tôi thì cũng là lúc cha tôi có mặt trong

nhà như một bóng ma. Rồi cách mạng tháng 8, cha tôi có mặt trong ủy ban Liên Việt Huyện. Tôi hiểu rằng cha tôi có tham gia vào những hoạt động chính trị, nhưng sau này nếu chúng tôi có gọi lại những điều gì đó thì cha tôi cũng lảng đi không nhắc lại. Điều này tôi hiểu như một thời gian cha tôi không hài lòng. Bỏ làng quê ra đi trong những ngày quê tôi sống tranh tối tranh sáng, rồi mẹ tôi chết hiu quạnh nơi quê nhà... Hai năm sau khi mẹ tôi mất chúng tôi mới được sống lại bên cha tôi, khung cảnh của một cuộc sống tĩnh thành hoàn toàn đổi mới, chị tôi ở lại quê trông nom ông nội cùng chú thím, tôi bắt đầu những năm được cấp sách đến trường, buổi chiều tôi cũng đưa em nhỏ chạy chơi trên con đê Yên Phụ, nhà chúng tôi ở ngó ra bên Nửa hoang tàn bên kia là khu Phúc Xá còn hoàn toàn hoang vắng, chúng tôi sống giữa những người làng ra tỉnh mưu sinh trong một căn gác lầu ba một ngôi nhà không chủ, tháng tháng người chủ trương thu tiền đóng cho tòa thị chính. Cha tôi đã không còn là một nông dân nữa, với những chữ nghĩa học được, cha tôi trở thành một công chức công nhật cho tòa án.

Khoảng ba giờ sáng, trong cơn thiếp ngủ chợt chờn, tôi nghe tiếng cha tôi ho, tôi ngồi trở dậy, vén màn ngồi xuống bên gối lấy tay cha tôi. Cha tôi đã tỉnh lại hoàn toàn, tôi pha nửa ly sữa nhỏ và đồ cho ông. Ông sờ tay lên đầu và hỏi tôi cái gối, tôi nói bác sỹ không cho gối, cha tôi bỏ tay xuống nằm im, tôi hỏi về rôi giải phẫu, cha tôi nói tốt. Ông cũng muốn trở mình nằm nghiêng người nhưng tôi cũng phải nói về điều cần dặn của bác sỹ bắt cha giữ nguyên thế nằm cho tới hôm sau. Tôi thấy rõ sự khó chịu của cơ thể ông trong thế nằm nhất định. Tuổi già và những ngày tháng tranh sống, với 58 tuổi, làm sao để cho người ta còn có thể đứng lâu, ngồi lâu, nằm lâu trong một thế bất buộc? Tôi ngồi bên lấy hai tay nắm hai ống chân cho cha tôi, tôi nói cho cha tôi nghe một vài câu chuyện thời sự, thời tiết của trận bão đưa đến, tôi cũng kể tới bệnh tình của một người cũng mờ mắt như cha tôi nằm ở phòng bên kia hành lang, tôi nói thời gian khoảng một tuần lễ của một người giải phẫu mắt phải chịu đựng. Tôi cũng nói

tới vị bác sỹ giải phẫu cho cha tôi, những điều tôi nhận xét về ông và những điều mà người ta nói về ông này : ông là một người có lòng với kẻ nghèo khó, ông không ưa những hối hân dài dòng về bệnh tình.. Lúc sau cha tôi nói : con ngủ đi mai còn đi làm và cha tôi nằm im như cố gắng ngủ lại dù tôi biết chắc cha tôi đang khó chịu vì mỗi lưng và cổ... Tiếng đưa trẻ phồng bên lại khóc từng hồi, tiếng ru của một giọng miền Nam ngọt ngào. Không khí nơi bệnh viện, những người bệnh chung quanh cho tôi một xã hội thu hẹp. Với bảy giường bệnh thì có bảy hoàn cảnh bệnh tật, gia đình, đời sống khác nhau. Phòng ngoài cùng là một người đàn bà nhà quê mỡ ruột thừa, người chồng và người em gái trông nom, phòng kế là ông già sáu mươi tuổi, bà vợ già trông nom, người này cũng mỡ mắt như cha tôi nhưng bệnh nặng, có đau, bà cụ nói về tình cảnh của mình, hai ông bà cụ chỉ có một người con đã có bốn cháu nội là lính đóng ở xa, ông cụ trước đây còn làm cho một sở Mỹ trên Tây Ninh, trước khi tới đây ông cụ đã nằm trong bệnh viện binh dân mất mười ngày, mỗi ngày được nhỏ một giọt thuốc, không thể chờ đợi được, bà cụ tìm bác sỹ và đưa ông cụ tới đây. Bà cụ nói với tôi về tình cảnh mình, nước mắt lưng tròng nghẹn ngào. Phòng kế đó, bên hành lang đối diện với phòng của cha tôi là một bà cụ bị ung thư, buổi chiều tôi nghe bà cụ rên thành tiếng rất thảm thiết. Bà cụ có một ông chồng tóc đã bạc đạp chiếc honda tới, vào buổi chiều tôi thấy ông cụ khoẻ mạnh khi dựng xe và cẩn thận khóa chiếc xe trước khi vào, căn phòng lúc nào cũng riu rít chuyện trò, bà cụ đã có nhiều cháu và đã ở dưỡng đường cả hơn một tháng nay. Tôi nhận thấy những con cháu của bà cụ thân thiết cả với những người y tá, lao công của dưỡng đường. Phòng còn lại trong bốn phòng ở dưới nhà với phòng của cha tôi là phòng một người đàn bà mới sinh, vì bệnh phải mang cả đứa nhỏ vào trong phòng, phòng này có một người giúp việc trông nom và tôi không gặp người nào vào thăm.

Qua một khoảng sân nhỏ, ở trên phòng giải phẫu là hai phòng ở trên lầu, có máy lạnh, giá tiền gấp đôi những phòng ở dưới, tôi biết có hai ông cụ nằm, một ông thuộc gia đình giàu có nhiều con cái ăn mặc thời trang và đi xe hơi lại thăm nom, còn lại thì một ông già mỡ ruột chỉ có một cô gái nhỏ là con trông nom.

Tôi có gặp cô vào lúc chập tối khi xuống nhà tìm người y tá để hỏi về bệnh tình của cha khi ông cụ kêu đau và uống sữa không chịu...

Những người nằm bệnh, những người nuôi bệnh, những y tá và bác sỹ ngay trong đường đường tạo thành một không khí một sinh hoạt riêng, ở đó cũng là một thế giới, một xã hội thu hẹp và cùng đó biểu trưng một mặt của kiếp sống: sống và chết cùng tật bệnh, phiền lụy. Tôi nghĩ đến những đứa trẻ đã ra đời và những người già trút hơi thở cuối cùng. Những mở ra và đóng lại của một đời người. Mọi người, những hạn định nào đó.

Thầy sẽ đi Nam, mẹ và các đứa con đứa nào đi thì đi, đứa nào ở lại thì ở. Tôi nhớ lại điều cha tôi nói sau khi đất nước chia đôi. Cha tôi ngồi uống rượu, đôi mắt đỏ và vẻ ngả nghiêng. Chúng tôi không ai nói gì, chỉ tôi khóc. Bốn năm sau khi mẹ tôi mất, cha tôi lập gia đình thứ hai. Bấy giờ chúng tôi có hai đứa em nhỏ, một đứa hai tuổi và đứa em trai mới được mấy ngày. Khi lên đường vào Nam, vào một buổi sáng tháng 8 thì đứa em mới chẵn hai mươi ngày, trong giấy khai sinh của nó ghi nơi sinh là Hà Nội. Cha tôi quyết định đi Nam, công việc ở lại quê giao lại cho chú tôi, người mà cha tôi vẫn thương là số không được sung sướng. Cha tôi muốn ông nội tôi vào Nam, ông tôi không đi nói với cha tôi: ông còn sống chẳng được bao lâu, ông muốn nằm xuống ở quê nhà. Trước khi đi Nam cha tôi viết thư từ tạ với nước mắt chảy trên hai gò má. Đi Nam, nhưng ngay từ Hà Nội cha tôi đã xin được phục vụ tại Huế, như cha tôi nói đó là đất vua ở, có lúc tôi vẫn nghĩ: cha tôi vẫn bị cái ám ảnh về tuổi của vua Bảo Đại mà cha tôi là đồng niên.

Rời Hà Nội, bỏ lại miền Bắc những sản nghiệp dựng lên bằng mồ hôi nước mắt, cha tôi như đã bỏ lại quê hương đời sống của mình, cha tôi đi Nam với hy vọng về con cái, về đời sống về sau. Sống ở Huế, rồi Nha Trang, cuối cùng lại chúng tôi dừng chân ở Saigon. Cha tôi sống chìm xuống như một người nhẩn nại, khuyên bảo và nuôi nấng con cái lớn lên với trông chờ. Lâu lâu ông có

những người bạn cũ gặp lại hàn huyên tưởng không biết chán. Trong những năm tôi học ở Saigon, cha tôi ở Nha Trang, ông trông tôi mỗi Tết trở về nhà giúp ông gói bánh, làm cỗ tết, tôi cũng không bao giờ quên được ngày tôi mang va ly rời Nha Trang đi Saigon khởi đầu cuộc sống, cha tôi đạp xe đạp ra ga cho tôi ba trăm bạc, gia tài cho tôi bắt đầu cuộc sống, ngày đó, trên chuyến xe lửa tốc hành chạy qua những rừng, núi và những ven biển, tôi đã khóc và nhìn về một ngày mai nhiều lo âu. Trong cuộc sống, bao nhiêu năm luân lạc, có lúc tôi như đứa con hoang toàng, lêu lổng, có điều trong ngay cả những thời gian dài không sống gia đình tôi vẫn chẳng thể quên những điều gì đó vô cùng quý giá, những điều mà cha tôi vẫn nhắc nhở chúng tôi...

Bây giờ chị tôi đã có sáu người cháu, cha tôi có hai người con lớn đều ở trong quân đội, đứa em nhỏ nhất đang học lớp ba. Chúng tôi sống quây quần ở bên nhau, cũng là lúc mà chúng tôi nhận thấy: cha tôi đã già, sắp bước qua tuổi 60. Trong bao nhiêu năm nay, mỗi hy vọng lớn lao của cha tôi là hòa bình, là trở về quê hương. Đã 60 tuổi, với tôi nghĩ, liệu tôi có được trông thấy một ngày như thế không?

Tôi thức dậy lúc trời còn mờ sáng, tôi đổ sữa cho cha tôi, tôi hỏi ông có dễ chịu không, cha tôi gạt đầu về hải lòng, tôi trở ra ngoài phố ngồi uống một ly cà-phê, hàng tít lớn trên tờ báo với hai chữ HÒA BÌNH. Tôi nhớ lại điều tôi nói với cha tôi hồi trong năm: năm tới có hòa bình con sẽ lập gia đình... Tôi mỉm cười và nhớ thương nôn nao người tình yêu đầu...

duyên nghiêm mậu

10 - 70

TUỆ SỸ

gốc tùng

Đương niên song cối thị song đồng.
Tò Đông Pha

Những năm trước, hai gốc tùng trước sân như hai đứa trẻ, dáng điệu miệt mài trong cơn gió hiu hắt của mùa thu. Quanh năm suốt tháng, không một lời qua lại, không trao đổi nhau đến cả một chiếc lá đã qua mùa. Vào năm mưa bão nhiều, đôi khi nước dâng cao, từ xa vọng lại như một bãi tuyết trắng ngập nửa thân hình. Thỉnh thoảng vài cánh bướm ghé xuống, không hương sắc của phấn nhụy để bày tỏ một chút tình nồng nhiệt. Cánh bướm lại bay đi, vẫn không một cử chỉ xao động hứa hẹn nào. Chúng bình thản và trầm mặc, cổ lớn lên cho kịp tắm lòng bao dung của trời đất. Bây giờ cả hai đã sừng sững ra đây, như hai con rồng xanh không thiết đến chuyện làm mưa làm gió. Chẳng biết vô tình hay cố ý, một đôi người cũng thấy chủ nhân như đã muốn ký thác cái bản tính lưu linh hơn một nửa đời sôi nổi của mình ở đó. Mỗi năm một mùa nước lũ, cuốn đi một ít cái cao cách điệu của những trận cười. Từ mấy năm nay, những tiếng cười ấy không gượng đủ sức để chống chế lòng thác đổ ầm. Từng đêm, từng cơn họ dồn dập phủ xuống trên ngọn cây tùng. Và từng buổi sáng, ông chống gậy ra sân, thọc từng chiếc lá một của cây ngô đồng. Có vẻ như ông không cam tâm nhìn những chiếc lá đã đến mùa báo hiệu, mà vẫn cố lấy lắt mải trên cành.

Buổi sáng như thế. Buổi tối như thế. Còn buổi trưa ông làm gì nhỉ?

Tháng bảy, tháng tám, xứ Huế thường có mưa dầm. Dù vậy vào trưa trời cũng còn hơi lạnh. Nhưng ông chỉ bận một chiếc quần cụt, không ngót nằm xuống, rồi lại ngồi dậy. Nóng từ bên trong. Sức nóng tàn bạo của hơi rượu chắt chứa trên mấy mươi năm trời. Thân ông, bên ngoài như như đồng tro tàn đã nguội lạnh; bên trong lửa vẫn còn cháy âm ỉ. Gan ruột bị thiêu đốt. Một cái gì đó không ngót hơi thức. Những sợi tóc bạc và lòng đất mát lạnh. Khí sắc của một thời chỉ còn phảng phất trong phong độ của hai gốc tùng.

— Cháu đi chiều hay khuya?

Cậu cháu út của ông đang ngồi quay lưng lại, tựa ở án sát đặt sát đặt sát khung cửa sổ; chậm chạp gấp sách lại và nhong chân đứng dậy, ghé mắt nhìn ra trước sân. Trời đục như màu sữa. Mặt đất vẫn còn ướt.

— Hồi về, cháu cứ định là về luôn đây. Mấy tháng này, cháu chỉ tập viết, cả ngày. Chữ có hơi tiến bộ. Nhưng còn cái nét móc câu thì không cách gì cháu viết coi cho được.

Ngay giữa nhà, một cái sập với bộ đồ trà màu đất nung. Giường của ông lão kê sát góc tường phía trái. Kế cận đó là án sách và cửa sổ. Bên trên vách tường mé phải, trong cái không khí lơ mờ, dầm ướt, sau cơn mưa dai dẳng hơn hai ngày, người ta nhìn thấy những hàng chữ thảo, gầy và cứng, giống như những que củi khô ngang dọc. Nét chấm phá của mực tàu chồng lên vách tường vôi, vàng và cũ. Một mùa Xuân nào đó; nước dầm ướt đầu mấy con vịt, như nhuộm trắng; một cụ già chống gậy tiếp khách. Lão ngàng đầu, ngang nhiên nhìn trời, rồi nhìn khách. Khách đi mang theo cả một thời quá khứ của cụ trong từng bước. Khách hẹn sẽ có ngày ghé thăm lại. Hòn núi trợ trợ trong buổi chiều, y ước đứng mãi đấy để đếm từng buổi nắng quai đi qua:

Ngang đầu vẫn khách kỷ thời qui
Khách ngôn thu phong lạc điệp thi
Hệ mã lục dương khai khẩu tiến
Bàng sơn y ước kiến là huy.

Những ánh nắng của buổi chiều lay lắt và một mái tóc bạc đứng đợi cái gì đã đi qua và đi mất.

— Cháu rót cho ông chén nước.

Cụ ngồi dậy, hai tay tì lên mép giường, bỏ thông chân xuống đất. Chỉ trong chốc lát, cụ lại nằm xuống, nghiêng đầu nhìn cậu cháu út, rồi trở mặt vào vách, đưa quạt lên phẩy.

Cậu út bưng chén nước đặt lên chiếc ghế nhỏ ở đầu giường.

— Dạ, thưa ông, nước.

Cậu trở lại án sách, xếp lại chồng sách ngay ngắn, cắm những cây viết vào ống.

— Chiều chút nữa, cháu sang bên phố. Sáng mai lên tàu.

Ông cụ lại trở mình, cất đầu cao lên một chút; với tay bưng chén nước trà, nhấp một hớp nhỏ; rồi lại nằm xuống, buông quạt và nhắm mắt như muốn ngủ. Cậu út ngồi khoanh tay, tựa cằm lên án sách.

Như vậy, thoảng một cái đã mười một năm rồi; kể từ ngày cậu bỏ trốn ông nội ra đi, nay là lần đầu tiên về lại. Cậu mang về cho ông một ít khôn lớn và trầm tĩnh. Những năm trước đó nữa, qua cặp kính tuổi, ông vẫn còn có thể nhìn thấy trong đôi mắt của đứa cháu này một chân trời biền biệt; cái thứ biền biệt ấy đã lôi cuốn ông dấy đưa quá nửa đời người. Bởi vì mỗi năm có một mùa nước lũ, bỗng không ông trở thành cột trụ của một gia đình, do chính mình tự dựng. Nước từ Trường Sơn đổ xuống ào ạt, cái hương sắc của rừng rú trải bao nhiêu lần gạn lọc, khi băng qua các làng mạc, phố phường. Một lần đã thấm cái hương vị mặn nồng và xanh ngát của biển thì không còn trông mong cơ hội chảy ngược về nguồn. Người con trai độc nhất của ông, sinh ra và lớn lên trong cao vọng của những con sóng bạc đầu. Cho đến cả thằng cháu lớn, cái địa vị ấy vẫn còn nồng ấm. Những dòng máu đỏ tươi đã đổ xuống trên một bãi tuyết trắng mênh mông. Dòng nước đuổi theo dòng nước, cứ mãi miết chảy dài ra cửa biển.

Nhưng, ở cậu út này, ông đã hy vọng biết bao; một đám mây trời nào đó trong tuổi thanh xuân của mình. Con trai của ông không giữ nổi ông nghỉ yên với cái tuổi già, với những

rầm lạng của một ngày đã xế. Tâm hồn ông còn quá nhiều sôi nổi. Hằng đêm, ông cất giọng đọc sách sang sảng. Cả nhà không ai ngủ được. Quanh phố cũng không ai ngủ được. Đành phải kiếm cho ông một căn nhà xa phố. Lúc đó, cậu út vừa hơn mười một tuổi. Cậu nhất định theo ở với ông nội. Buổi sáng, cậu vẫn phải sang phố học. Buổi chiều, ông dạy cháu học chữ Hán. Hơn nửa năm, cậu học xong Tam tự kinh, bộ Minh Tâm đẩu giám và một nửa quyển Hán Cao tổ. Cha của cậu không nói gì hết; nhưng ông hơi e ngại. Mai sau, thằng nhỏ sẽ làm được gì cho cuộc đời của nó? Bà mẹ có những lo sợ khác. Lối học chữ Hán của con bà như vậy, biết đâu lớn lên nó chẳng uổng chữ và loạn óc? Bà muốn nó bớt thông minh đi một chút. Bà muốn cho nó uống mực Tàu cho thật nhiều để đầu óc nó ngu tối lại. Nhưng ông nội gạt đi.

Hai ông cháu ở với nhau gần được một năm, bỗng nhiên cậu út bỏ trốn ông nội, lẫn tránh cả cha mẹ, bỏ đi mất biệt. Bà mẹ âm thầm oán trách. Bằng chừng ấy tuổi, ngày ngày chỉ em những chuyện nào Lưu Bang, Hạng Vũ, nào Hàn Tín, Trương Lương; lại được ông nội tiêm nhiễm cho nào núi cao, nào biển rộng, nào sông dài, nhất đán không bỏ đi sao được? Quả thực là « cướp công cha mẹ thiệt đời thông minh. »

Chẳng mấy chốc cũng đã mười một năm rồi đấy.

— Ông trông hai gốc tùng bao lâu rồi, coi lớn dữ hỉ?

Trời càng về chiều, ông cụ càng mệt và càng khỏe dần. Ông ngủ thiếp đi được một lúc.

Ngôi nhà của ông ở trên một cái cồn nhỏ giữa sông Hương. Người ta gọi nó là Cồn Hến. Mỗi lần qua phố, phải đi bằng thuyền. Năm kia, tỉnh cho bắc cầu từ Cồn sang Vĩ Dạ. Sẵn dịp, người ta cất một cái quán nhỏ. Buổi sáng cơm tấm, buổi chiều người ta bán chè. Vào mùa bấp, chè bấp rất được hâm mộ. Bắp cồn này nổi tiếng là thứ ngon nhất của thành phố Huế. Từ khi có cầu bằng buổi chiều, khách từ bên phố lái xe vòng qua Trường Tiền sang Vĩ Dạ, đến đây như đề hóng mát. Cảnh chiều có hơi rộn rã. Tuy vậy, buổi tối vẫn còn giữ được cái thông khí tịch mịch của một cồn nhỏ biệt lập giữa dòng sông. Đêm đêm, cậu út bắc ghế găm ở hiên nhà. Bên trong, chỉ một

ngọn đèn dầu ở giữa sập. Chốc chốc, tiếng ho của cụ già khi lời khi dồn dập. Trước sân, hai gốc tùng lặng lẽ rủ nhánh theo cơn gió đông đưa. Ông lão không còn nhìn thấy được gì trên thân hình của cháu nữa. Đôi lần tỉnh táo, ông còn nghe ra những bước vừa chậm vừa gần. Ông chỉ thấy mờ mờ bóng dáng của cậu đi qua đi lại một mình. Cái giọng nói của nó trầm trầm như một người khách dấy đưa trong cái cảnh nửa chiều nửa sáng.

Cậu về với ông nội ít lâu, vài ba năm gì đó. Một già một trẻ, với một chút hy vọng ở bên kia bờ. Trời đất đâu đâu cũng đối đãi với người rất nồng hậu. Nhưng lòng người lại hay quyên luyến; tâm trạng của một cảnh hai quê. Người không trải rộng được lòng mình như tấm lòng bao dung của trời đất. Cái chí tình của người, một mai kia đổ lại, không lớn và không trong hơn một giọt sương sớm trên chiếc lá. Chân trời biển biệt trong đôi mắt ấy chỉ được vẽ bằng nước lã trên trang giấy trắng. Bầu trời càng cao thì càng trong, nhưng không sao rung động lòng người cho bằng khi có những đám mây rất thấp bay cuộn cuộn.

— Thưa ông, cháu sửa soạn đi bây giờ.

Ông cụ đã thức giấc này giờ. Hai tay khoanh lại làm gối ngửa mặt trông lên trần nhà. Cậu út bước ra nhà sau. Ông rút cánh tay mặt, gác lên trán. Khi cậu trở lên:

— Nì!

— Dạ!

Cụ quay mặt nhìn vào vách, rồi quay trở ra, nheo mắt nhìn về phía cửa sổ.

— Cõi trời đã chiều hưng chưa?

— Dạ, chiều lắm rồi.

Cậu bước ra sân, đưa mắt nhìn về phía mặt trời lặn. Ráng chiều, mây trắng và mây đen lẫn lộn. Cậu trở vào, vừa đi vừa nói vọng:

— Dạ, hơi có nắng. Phía tây bắc có ráng đỏ. Mai chắc mưa gió chi đây.

Khi đến gần ông cụ, cậu đứng thẳng người, khẽ cúi đầu,

— Dạ, thưa ông, cháu đi.

Lại một lần đi nữa. Ngày mai, trời sẽ có mưa hay gió gì đây. Vào mùa này, Huế thường có sương mù mỗi sáng. Lúc xe ngang qua cầu Trường Tiền, phía dưới kia dòng nước còn nhỏ thấp thoáng như một hải đảo xa xôi nào đó.

tuệ sỹ

HUY TƯỜNG

thơ

TRÊN NÚI RỪNG ĐẠI LÃO,

Nửa khuya nhựa thét trong màu lá
 Trắng cháy ngút màu nụ ác hoa
 Tôi đứng chênh vênh rừng Đại Lão
 Nghe hồn vỡ động hạt sương sa.

DƯỚI CÂY LÁ ĐÈO RỪ RÌ,

Tặng Người, tôi hái ngon bông Chiều
 Rụng xuống phố rừng tiếng tịch liêu
 Kia đêm, ngập bóng ngày phiêu lãng
 Xin chết nơi đây cũng quá nhiều

Xin chết nơi đây dòng suối nhỏ,
 Cho vừa cây lá một đêm say...

TRÊN BÃI KHUYA NHA TRANG,

Gió thổi diên về trên bãi hoang
 Hồn tôi đủ đại chút mây vàng

Ôi nghìn năm nữa, Người đâu biết
 Giữa phút giây này tôi vỡ tan !

Giữa phút giây này từ vạn cổ,
 Sóng ngàn gào xé rách hư không.

LÁ CỎ KONTUM, Ồ ĐÃ 25 NĂM,

Chim bay, bóng mực mầu lưu đăng
 Tôi về, cỏ ngậm quá nhiều trăng...

— Thôi rồi, cỏ đã ngậm đầy trăng !

huy tường

Rừng Đại Lão, 09-70

MANG VIÊN LONG

có những mùa trắng

Ánh trăng chiếu xuyên qua những chòm lá sầu đông sáng loáng thoáng lên người Tánh trông êm ả và dễ thương hết sức. Tánh ngồi bên bà Ngô dáng âm thầm như nàng cũng để ý tới mùi thơm dịu dạt của những cánh hoa sầu đông nở rộ vào hè tan đi trong gió. Sau bao lần thay đổi chỗ ở, mỗi bận ra đi là một nỗi hoang mang thêm vào những ngày lặn lội tới trường những Khiêm nỗi buồn nản chất chồng; Khiêm tìm tới xóm này như người đi lạc chưa bao giờ ngờ có một nơi yên tĩnh sâu thẳm như thế. Đêm đầu tiên sau buổi nói chuyện với lão Ngô, bà Chiến, và Hòa, Khiêm bắt ghế ngồi thềm trong tối, bỗng nghe mùi hương sực nức của những cánh hoa đại sầu đông, Khiêm tự dưng thấy lòng cũng yên ổn, dịu dàng như mùi hương. Từ đó, sau những giờ ngồi nói chuyện quơ quắt với bà Ngô, bà Chiến, Khiêm thường gần gũi dưới bóng tối của hàng cây sầu đông chơ Mẹo về. Trong đêm vắng của con xóm sâu hút trong nỗi nhọc khổ tối om, Khiêm mơ hồ thấy đời mình cũng biệt lập như bóng tối. Và ngơ ngác xa vời với những tưởng nghĩ về Hạnh. Không còn nhớ ra giữa Hạnh và mình có điều gì an ủi, có hy vọng nào ôm ấp, Khiêm hoang mang khi thực sự thấy mình tách rời tất cả, cũng bắt đầu từ Hạnh mà ra. Bạn bè còn lại thì mỗi món qu

sức với những cánh thư bất thường viết ra trong nỗi thất vọng không cứu giúp nhau được gì, để Khiêm nhìn rõ hơn những ngày sống thu nhỏ hun hút của mình. Tuy vậy những bức thư của Tới từ Saigon nào động cũng đã chuyển được cho Khiêm cái nào nức bất chợt về những hoạt động rầm rộ của những người như Khiêm. Lòng rộn rã không kéo dài hơn một đêm ngồi dưới hàng cây sầu đông chờ Mẹo, một lá thư viết vội để tỏ nỗi hân hoan. Ở đây, trong cuộc sống kín mít của từng ngày lặn lội tới trường những đêm ngồi thềm trong tối, đã chìm sâu những cảm giác ồ ạt sôi nổi nơi Khiêm. Nghe Tới thuật lại một đêm đọc thơ, một buổi trình diễn nhạc, nghe Tới nhắc nhở, thúc dục về những việc làm cho một tờ báo để chuẩn bị cho những ngày sắp ba mươi, và những ngày sắp ngưng chém giết, Khiêm thấy lòng cũng xao xuyến lại có dịp cho những ước mơ văn vũ soi rọi trong đầu. Thỉnh thoảng trong nỗi lẻ loi của mình, Khiêm cũng có nhiều lần để nghĩ ngợi về với cho những dự định từng đeo sát bên mình với nhiều ray rứt. Nhưng rồi, trong một cuộc sống lao đao, kín mít, bít bùng khổ ải, Khiêm thấy quá khó để thoát ra ngoài vòng kim tỏa đó để yên ổn làm việc. Dần dần, những câu chuyện đọc thơ, trình diễn nhạc, làm báo... của Tới từ Saigon viết ra, Khiêm coi như một mẩu tin. Một mẩu tin được đăng trên một tờ nhật báo chẳng hạn. Cũng không nuôi được cho Khiêm lòng rạo rực lâu dài. Và Khiêm cũng nhận thấy rằng, mình khó lòng mà hóa nhập vào những hoạt động ồ ạt, biểu diễn, chen lấn như một số bạn bè ở đó. Nhưng dầu sao, Khiêm vẫn viết, mình rất vui khi nghe cậu đã làm việc hăng hái, hãy cho thêm mình niềm vui, và bạn bè niềm hạnh diện.

Bà Ngô nằm soãi chân, tay chống lên đỡ lấy đầu, ngược nhìn vào bà Chiến. Hai bà này không ưa gì nhau, nhưng vẫn thường trò chuyện tào lao với nhau, nên thường cãi cọ. Trong khu vườn, bà Ngô đã dựng lên mấy nóc nhà tạm bợ, trong đó bà Chiến là người tới ở trước nhất. Rồi chị em Tánh. Cuối cùng là Khiêm và Mẹo. Những căn nhà đó xúm xít với nhau, tách rời những căn nhà chung quanh, do đó những người tới ở cũng gần gũi hơn như thể cùng chung một nhà. Điều này làm Khiêm hại lòng hơn hết, bởi từ lâu, Khiêm không được sống trong một

nơi có ít nhiều không khí thân mật của một gia đình. Có bà già đề nhắc chuyện đời xưa, có đàn ông đề bàn chuyện bây giờ, có trẻ nhỏ đề chơi giỡn, có con gái đề mượn tiền. Về sống với bà Ngô, Khiêm đã tìm thấy gần đủ những điều đó. Như vậy sẽ ít phải sợ những ngày nghỉ, những đêm khó ngủ sớm trước giờ Mẹo đi đánh bài về.

Bà Ngô lên tiếng hỏi :

— Bà Chiến, sao giờ này ông Phiệt không về ?

Tiếng bà Chiến cắt ngang :

— Về không về thấy kệ ông chứ, hỏi tui chi ?

Bà Ngô cười ré lên :

— Hỏi một chút cũng khó chịu, về thì bà sợ ông chờ ai vô...

Giọng bà Chiến gay gắt :

— Vợ chồng thì ở đời ở kiếp chứ hề gì một đêm...

— Ủa, thì tui thấy bấy giờ này xe của ông đã ầm ầm chạy về, bây giờ không có tui hỏi, hỏi cho vui vậy mà...

— Sao bà không hỏi ông Ngô ?

— Thôi, nói gì tới lão đó. Lão đi cả ngày suốt đêm, giờ giấc gì mà trông.

Bà Ngô nói tiếp :

— Bộ bà cũng trông ông Ngô về chắc ? Hồi trước, không ưng ông Ngô đi cho gần gũi. Chớ ông Phiệt, ở lính tráng mà hơi sức nào ?

— Ờ, ai biết bà không nói chi, duyên nợ trời định, chớ ai muốn mà được bà ?

Bà Chiến ở góa từ nhiều năm, có một đứa con duy nhất, cũng chết đi năm sáu tuổi. Bà kết nối với ông này, ông nọ, nhưng cuối cùng bà cũng không sao có thêm được đứa con như bà mong muốn. Rồi những cuộc tình lén lút cũng tan vỡ như mọi ước mơ của bà. Có một dạo bà bị người vợ của ông trung sĩ chặn đánh ê ẩm cả người, tóc bị cắt đứt, phải ở nhà bỏ buồn bán cả tháng mới hết dấu mặt. Chính vì lần đó bà tìm tới con xóm này, một con xóm bị bỏ quên với nỗi vắng vẻ ảm đạm, đề nhất định không chịu kết nối với ai nữa, chôn sâu giấc mộng có những đứa con để chịu chắc, đùm bọc lúc già. Sống yên được vài tháng lại gặp bà sĩ Phiệt. Ông này đã già, có con đùm con lủ,

thưng bà Chiến đã thương ông ta. Bà nói : Tui thương anh ở chỗ ít nói, hiền như cục đất. Nhưng ông quý này cũng nói láo lủ lảm. Gặp tui, ông nói vợ ông chết, còn mấy đứa con nheo nhóc. Tui nói không ai bày biểu phải nói láo nghe cha. Nói vậy có tội tui mang không hết. Tui biết anh có vợ, nhưng tui vẫn thương. Ông Phiệt được bà Chiến thương nên ông cũng có dịp lui tới. Lúc đầu thì ghé lại với những bữa ăn, rồi đi. Sau này, bà Chiến cung phụng cho ông thực quá sức. Có một nơi dừng lại để ăn uống, ngủ nghỉ, ông Phiệt đã nói gì với người vợ ở nhà ? Nếu nghe được câu nói của ông với bà vợ ở nhà đang lăm le sớt tóc bà Chiến, thì buồn cười đến chừng nào. Khiêm chỉ là người ở ngoài để nghe như Tánh, ít khi muốn dự vào câu chuyện của cả hai về chồng con. Mỗi người đều có một người đàn ông để nói tới, kể cũng vui. Bà Chiến thường rất hãnh diện khi biết rằng mình cũng có một người chồng, một người đàn ông như ai. Cũng có những giờ phút trông đợi nhớ thương, và nhất là có cái mà bàn quanh về ông Phiệt như bà Ngô vậy. Bà Ngô phàn nàn lão Ngô không lo làm lo ăn, mê say cờ bạc, nhiều lần lão hứa như cuội là sẽ bỏ ngang, nhưng bà Ngô đành nhìn rằng, ông mà bỏ được bài bạc thì Mỹ nó về nước hết. Còn bà Chiến lại đem chuyện ông Phiệt say sưa từ quán này tới quán nọ, đã già mà không lo con cái. Hễ bà Ngô nói tới chuyện gì, thì y như bà Chiến cũng có một chuyện tương tự mà nói. Từ câu chuyện tới những so đo về tiền bạc, sướng khổ, hai bà thường gay gắt, to tiếng ở đoạn này. Bà Ngô than :

— Nghĩ bà Chiến thực sướng, ở chợ tự do, về tới nhà muốn làm gì thì làm.

Bà Chiến nổi nóng :

— Chớ bà khổ với ai ? Ăn rồi chỉ lo ba bữa...

— Thôi đi bà ơi, bà mới sướng, tiền bạc dư dả, không lo chồng lo con gì ráo.

— Ai biết bà có chồng ? Có chồng phải lo chồng lo con, tui đâu có muốn sống một mình.

Dừng lại một lát, như hết lời cãi, bà Ngô hỏi :

— À, này bà Chiến, bà đừng ông Phiệt là ông thứ mấy đó bà ?

— Ông thứ mấy bà hỏi chi ? Mười lăm hai mươi ông cũng được, bộ bà hết chuyện hỏi rồi hả ?

Tiếng bà Ngô cười :

— Thì hỏi cho vui vậy mà...

— Vui với chó chó vui với ai ? Tui lằng nhằng vậy mà có mắc mớ gì tới bà ?

Tánh trở người xoay nhìn Khiêm. Ánh trăng sáng trên tóc đẹp huyền diệu. Khiêm đoán biết Tánh cười với mình sau mái tóc. Nếu Khiêm thích nghe những lời cãi vã của bà Ngô với bà Chiến, thì Tánh rất ngại những lần như thế. Cả hai đều giống nhau ở chỗ, đều giữ yên lặng khi biết giữa hai bà sắp có điều to tiếng, hờn lầy. Ở lâu, Khiêm biết được tính của hai bà này như trẻ con, hờn giận đó, lại thân mật đó. Vì thế Khiêm ít khi mở miệng can đảm. Hơi sức nào mà bận tâm tới chuyện đó, Khiêm nghĩ vậy, dù đôi khi cũng ngồi không, buồn tình muốn có chuyện để nói cho đỡ.

Bà Chiến lui cui bên mấy bếp lửa cháy rực, ánh sáng đỏ trên gương mặt bất bình, tròn bà tội nghiệp. Bà thường như một cái bóng thấp thoáng đơn độc trong nỗi phiền muộn của mình. Có lẽ bà cũng nhận biết bà có nhiều gian nan, lận đận trong đường chồng con, nên bà dẫu con đường thua thiệt đó trong lúc nói chuyện với mọi người, nhất là với bà Ngô. Nhưng bà Ngô đã cứ nhắc nhở cho bà cái bất hạnh đó, khiến bà thêm tính lừng khờ, cộc cằn. Lúc hết giận, bà nói : Nghĩ đời tui trời đây, chờ làm sao mà biết ? Nẫu đi đánh nhau lung tung không chết, nhà tui mới một trận đã chết rồi. Tôi biết lắm mà, hễ chồng tui chết là tui bắt đầu khổ. Khổ đủ chuyện cả, cậu giáo à. Cậu giáo biết không, lúc đó tui khóc cả tháng, đau cả tháng, nói thiệt, tui thương cho anh, rồi thương cho tui. Trong nỗi đau khổ, Khiêm thấy gần gũi bà ta hơn lúc nào hết. Và Khiêm cũng thấy thêm rằng, bất cứ nỗi đau khổ nào được nghe tới, cũng là điều chưa xót cho hết thấy. Những người đã chết, những người còn ở lại, đều chịu chung số phận như nhau.

Khi bà Chiến dời nhà bếp mang những trái dừa ra sân thì thằng Hòa cũng tới đúng lúc. Khiêm thấy Hòa ké né bên những trái dừa, chờ được uống nước, bèn lên tiếng :

— Thằng Hòa tới thiệt đúng giờ...

Hòa biết Khiêm chọc mình như mọi bữa, hình như nó cũng đang chờ câu nói trên đó của Khiêm. Nhìn chị, nó cười :

— Còn anh ngồi dưới hàng sầu đông cũng thiệt đúng giờ chị Tánh tới.

Tiếng Khiêm cười trong bóng tối dưới hàng cây vọng lại. Hình như hai bờ vai Tánh rung rinh làm lay động mấy bóng dâm loáng thoáng trên áo. Khiêm nhớ lại nét mặt ngượng ngùng của Tánh khi Khiêm tới hỏi vay tiền cho Mẹo. Tánh bờ ngỡ không vì Khiêm vay tiền, mà biết Khiêm đã nghĩ tới mình. Mẹo đã thua hết số lương vừa lãnh ở Ty về, trong một buổi chiều. Số tiền của Khiêm chỉ đủ gói tiền cơm cho bà Ngô, trong lúc Mẹo không thể thiếu những điều thuốc. Vậy là Mẹo lấy uy tín của Khiêm, thúc Khiêm tới vay Tánh. Cũng nhờ lần đó, trở về sau, Tánh đã bỏ đi nhiều khách sáo xa cách với Khiêm. Nàng có thêm những chịu đựng lo lắng rất chung tình với Khiêm nữa. Biết được điều đó, Mẹo cứ nhắc hoài, là nhờ hần thua bạc, vản bài lịch sử, nên đã đem Khiêm tới gần Tánh bất ngờ. Mẹo lý luận thêm, trong niềm bất hạnh cũng đã có ít nhiều điểm phúc đó chờ Khiêm ? Riêng Khiêm, anh không rõ đã có bao nhiêu điểm phúc khi anh hỏi vay tiền một cô bạn đồng nghiệp ở trường. Lần này Khiêm ngỡ ý mượn tiền, cô giáo bĩm môi :

— Thôi đi, anh đừng có nói giỡn...

Khiêm nói thẳng :

— Tôi ít khi nói giỡn về chuyện tiền nong và tình yêu.

Cô giáo như hiểu được giọng thành khẩn của Khiêm, nhưng cái nhìn vẫn còn giữ ít nhiều áy náy :

— Tôi trông anh, không thể tin ở anh thiếu tiền...

Khiêm cười :

— Như vậy là cô đã lầm. Có bề ngoài nào cho cô kết luận một cách chắc chắn như thế đâu ?

Cô giáo cãi lại :

— Nhưng riêng với anh, tôi biết chắc...

Khiêm tỏ vẻ thất vọng :

— Như vậy thật là điều bất hạnh cho tôi.

— Tại sao là điều bất hạnh được chờ ?

— Thì đi vay tiền mà không được. Đó không phải là điều khổ hay sao ?

Cuối cùng cô giáo đành chia cái ví ra trước mặt Khiêm, giọng do dự thực tình :

— Anh coi cần bao nhiêu cứ việc lấy...

Khiêm lấy đúng số tiền Mẹo cần, hẹn ngày trả hẳn hoi. Cô giáo nhìn theo Khiêm trong nỗi ngạc nhiên thích thú. Quen lệ hể đến những cuối tháng Mẹo thua liểng xiểng (cũng có những cuối tháng Mẹo thực giàu sang), là Khiêm tới giờ ví của cô giáo vay tiền. Về phần cô giáo, cô cũng đang mong mỗi Khiêm túng thiếu tiền bạc, và cả tình yêu nữa.

Thằng Hòa ôm trái dừa ngửa mặt hút nước qua một lỗ nhỏ xoi thủng. Bà Ngô sau khi gây ra cuộc lộn xộn, nằm im bên thằng Nghĩa đang thiêm thiếp ngủ. Tánh chăm chú nhìn bà Chiến đập dừa, mài nạo dừa vào thau đề khuya dậy nấu chè. Thau đậu xanh gần đó đã ngâm xong, cũng chờ bóc vỏ. Hòa vẫn ngửa mặt ôm trái dừa hút ừng ực. Khiêm thấy thèm được ôm trái dừa ngửa cổ mà hút như thế, Khiêm gọi :

— Này Hòa, uống vừa vừa còn anh nữa chứ ?

Dừng uống, giọng Hòa cười thật hiền :

— Sợ anh không chịu uống đó chứ...

— Sao lại không chịu ? Hòa không chịu hay anh ?

Hòa mang trái dừa tới trao cho Khiêm. Bà Chiến trông theo chợt nhìn Tánh, cười :

— Coi kìa, hai anh em thiệt giống như đúc...

Tánh hơi nghiêng người theo lời nói bà Chiến, nhưng lại có vẻ ngại ngùng trong tia nhìn thoáng qua. Khiêm và Hòa chia nhau uống trái dừa. Bà Ngô thở dài tỏ rõ nỗi bức bối, ầm thẳng Nghĩa vào nhà đóng cửa thật mạnh. Ánh sáng của ngọn đèn bàn lớn mất hút sau hai cánh cửa. Ánh trăng êm đềm, vắng vẻ hơn chiếu rọi trong khoảng sân gạch chỉ còn lại một mình Tánh. Bóng nàng vì thế trông như xa thẳm, và mơ hồ. Chậu hoa mai Nhật bản trồng giữa sân đã trở hoa vàng rực rỡ. Kế chậu hoa, chiếc giường bố dành cho lão Ngô về muộn làm nơi đặt lưng, bỏ trống. Thường đêm, nếu Mẹo không trở về được trước giờ giới nghiêm vì tình hình căng thẳng của những ván bài, thì Khiêm nằm trên chiếc

chõng tre bây giờ Tánh đang ngồi, ngủ với lão Ngô. Bèn nổi đứng đưng và vô lo của lão Ngô, Khiêm đã tìm được cho mình được chút niềm an ủi. Một niềm an ủi không chắc chắn, nhưng có thể giữ mình không bước tới thêm với những dấn vật, khó khổ vô ích. Và có thể tự lừa dối lấy mình, trong nỗi thất vọng không thể vùng vẫy. Cũng như bên cuộc sống bạc mạt buồn thảm của Mẹo, Khiêm đã nhận thấy trong lúc này, mọi người đều khổ như nhau. Mẹo đã bảo, mày nghĩ nếu tao không chui vào các sông bãi với lũ nó, chẳng lẽ nằm nhà mà buồn, hay đi lơ ngơ mất hồn ngoài phố ? Mẹo thổ lộ : Đợi cho qua tháng này giải quyết chuyện linh tráng cái đã, xong tao nhất định cưới vợ. Thế rồi chuyện linh cứ lằng nhằng, gia hạn như sự tại ngoại của một tên tù giam lỏng, Mẹo tiếp tục phờ phạc bên những ván bài, không màng tới chuyện viết thư cho người yêu. Bị Khiêm chửi lảm, Mẹo mới hí hoáy vài câu rồi nhờ Khiêm đi gởi. Mẹo thở dài : Mày bảo tao viết những gì ? Có gì đâu mà viết nhiều khi chính tao cũng không rõ ngày mai của tao ra sao nữa. Tao không còn một niềm tin, một nỗi hi vọng nào, dù chỉ để tạo ra một bức thư tình, trong một vài giờ, cho người tao yêu. Còn nói láo, nên lảm, nhưng tao không có cái tài đó mày ơi. Hay mày viết giúp tao, lúc nào mày muốn.

Bà Chiến ngồi miệt mài làm việc, không ngừng đầu. Tánh nhìn một chỗ đã mỏi, trông lửng lên ánh trăng cao trên đọt tre. Mặt trăng vẫn chông chọc soi xuống như giải lụa vàng óng ánh trên mái tôn, lấp lánh trên những cành cây dừa. Hòa uống hết phần nước còn lại, mang dừa đến trả cho bà Chiến, bỏ về học bài. Tánh rời quê theo em xuống tỉnh với chiếc bàn máy may. Ngoài số gạo nòng về trên quê lấy, tiền may vá dành dụm đủ nuôi Hòa ăn học. Ngoài giờ ngồi trước bàn máy, Tánh chỉ lẩn quẩn ở nhà, trong khu vườn, khoảng sân của bà Ngô. Lâu lâu, nàng dẫn Hòa về thăm quê một buổi, lại bị mẹ thúc đi. Bà không muốn nàng, và Hòa cùng chịu với nỗi khổ cực, nguy hiểm khi nghe tin xóm trên cả lũ con gái trượng tuổi Tánh bị bắt lên núi, cỡ tuổi như Hòa bị dồn ép đi lung linh từ vùng này tới vùng khác. Tánh vì thế dù thương nhớ mẹ, cũng đành nghe lời bà xuống tỉnh. Người mẹ già khi nghe tin chồng quần kết, bị bắn chết ở quận, lại trở

về úp mặt bên nổi lo cho con. Suốt đời bà hết buồn khổ vì chồng, đến giờ gác gậy còm vì con cái. Sống bên nổi im lặng chịu đựng mòn mỏi của mẹ, Tánh có đôi mắt thực buồn, và cuộc sống thật xanh xao. Từ ngày gặp Khiêm, dường như Tánh đã có được giường sống âm thầm sôi nổi trong lòng. Bằng những ánh mắt biết mơ mộng, những nụ cười chiu chắt nồng nàn hơn.

Khiêm rời ghế dựa bắt dưới hàng cây bước lại ngồi vào chiếc giường bố của lão Ngô, cạnh Tánh. Khiêm nói :

— Trăng sáng quá, chắc đêm nay ngủ không được.

Tánh hỏi :

— Sao trăng sáng quá lại ngủ không được, anh Khiêm ?

Khiêm cười dễ dãi :

— Thì sáng trăng dễ mơ mộng lung tung, khó nhắm mắt ngủ yên lắm...

Giọng Tánh trầm hẳn :

— Anh làm Tánh nhớ những mùa trăng ở quê ghê, cả đêm nghe tiếng người nói chuyện, cười giỡn ngoài ngõ, không làm sao ngủ cả. Bây giờ chác ở trên, không ai dám nhìn trăng nữa...

Phải, người ta trốn mặt trăng. Ở những nơi như quê Tánh thì chui xuống hầm, ở những nơi có nhà lầu thì người ta giam mình trong đó với mọi hưởng thụ xa xỉ. Khiêm thở dài, ngược nhìn mặt trăng vắng vạt trên đầu :

— Nghĩ đến những ngày vắng trăng, thật buồn phải không Tánh ?

Lão Ngô chuênh choạng đi vào ngõ. Từng giải sáng chiếu lơ lửng lên người lão, lấp lánh bên những bóng đen lá cây. Mặt trăng thu nhỏ trên cao. Tiếng kiếng báo giờ giới nghiêm nổi lên ở phía đầu cầu, và ngã chợ. Đêm sâu thẳm.

Tánh đứng dậy :

— Thôi về nghe anh Khiêm ?

Muốn giữ Tánh lại, không phải ở đây, mà dưới bóng những hàng sầu đông sức nức mùi thơm, nhưng Tánh đã quay đi. Khiêm nhìn theo, nói trống :

— Chà thằng Mẹo chắc lại bị kẹt...

Vừa ăn cơm xong Khiêm đã nhận ra ánh trăng mập mờ trên gạch lúc Mẹo vội vã ra ngõ. Nhìn theo Mẹo. Khiêm nghĩ đến đêm cuối buồn bã phải trải qua, rồi ngày mai lại phải dời chỗ này. Lúc chiều, Khiêm đã dặn Mẹo bỏ đánh bài một m để ở nhà chuẩn bị cho chuyến đi buổi sáng sớm, Mẹo chịu. Mẹo đồng ý ở nhà không phải để chuẩn bị, mà sống với Khiêm một đêm thật trọn vẹn. Và nhất là với gia đình lão Ngô (mà Ngô cứ vui miệng gọi Mẹo với lão Ngô là hai anh em, rủ rủ thật giống tính, từ cờ bạc tới chuyện đi sớm về muộn bất mong). Khiêm ngồi hút thuốc, cùng Mẹo chờ cơm. Khiêm hỏi lơ lơ :

— Vậy cậu không chuẩn bị gì hết sao ?

Mẹo phả khói thuốc lên đỉnh mũn :

— Đời mình không có cái gì để chuẩn bị, người ta đã chuẩn sẵn cho mình cả rồi...

— Nếu cậu được tự do để chuẩn bị ?

— Như vậy thì còn gì hạnh phúc bằng.

Dù Mẹo chỉ ở nhà, nhưng ăn cơm xong nghĩ sao Mẹo lại bỏ đi, dặn Khiêm đợi. Khiêm rời hiên ra giữa sân, nhìn lên cửa nhà Tánh. Ánh trăng đã làm cho túp nhà của nàng nhỏ xuống một cách dễ thương. Bóng những đợt tre vạt ngang dài thượt từ đầu sân đến cuối. Khiêm nghĩ tới việc ghé thăm vài người bạn đồng nghiệp già luôn tiện đến nói nhỏ với gã hiệu trưởng về chuyện đi phép ngoài tỉnh mà chưa nhận được giấy. Thời buổi này làm công chức thật cực, hết tối mặt vì nỗi nghèo túng lại bị ràng buộc bởi nhiều thứ phiền phức không đầu. Khiêm nghĩ tới mấy năm đi dạy của mình, thấy quả là một sự chịu đựng ngoài sức. Nhiều lúc xôn xao vì nỗi bất bình của bạn bè đồng nghiệp về việc làm bất công ở ty, Khiêm lại càng thấy nản, và ý tưởng bỏ nghề cứ lần quần trong óc. Suốt thời gian chọn rợn này, Khiêm bị nhận ra như người của kẻ chống đối. Nhưng có điều Khiêm có thể yên tâm là tất cả đều biết Khiêm không làm vậy vì quyền lợi của chính mình. Vì một nhiệm sở tốt quanh thị xã, vì một chức hiệu trưởng, vì sự thăng thưởng chẳng

hạn. Đứng trước những lời lẽ tị hiềm, xác xược của những kẻ chạy theo những ân huệ của ty, Khiêm không nóng nảy như Mẹo, anh chỉ nói cho họ rõ, anh vào nghề dạy học để tìm cái sống trong bình yên, không nghĩ rằng mình lột da sống đời mà đuổi theo những âm ảnh chức vị cùng ân huệ khác một cách bần thiêu. Dù sao đi nữa, Khiêm cũng thấy chua xót, và buồn bã khi nỗi chia rẽ này mầm chỉ vì những lo lắng cho quyền lợi riêng tư. Và anh thực sự thương cho chính những kẻ hiền lành rằng họ sẽ lột da sống đời, thay vì họ chọn về phía bạn bè và công bình, họ đã lẫn trốn đi theo một số có chức quyền cùng nhiều việc làm quanh co. Ai cũng hiểu được rằng, những đù ào xảy ra liên tiếp ở ty chỉ đem tui hồ cho tất cả, nhưng chẳng lẽ cứ im lặng quay đi, hay cúi đầu vâng dạ mãi mãi?

Cái mơ ước được sớm tới những ngày nghỉ mùa hè đã không còn sôi nổi thúc giục Khiêm nữa. Thực sự Khiêm muốn được tạm quên những điều phiền nhiễu trong suốt mấy tháng qua. Nhưng bây giờ, đã đến đêm cuối Khiêm còn ở lại đây, tự dưng Khiêm thấy cũng chẳng vui vẻ gì để làm cái việc di chuyển từ nơi này tới nơi nọ để thăm vài người thân, và một số bạn. Nghĩ tới đường xá hư hỏng, mình nỗ bất thường, Khiêm muốn được nằm yên một chỗ. Thêm được giam mình ở nhà như những ngày nghỉ mùa đông. Không biết giờ giấc, đất trời là gì. Như vậy có vẻ khỏe hơn. Khiêm bước qua sân nhà Tánh, quyết định bỏ ý định ghé lại nhà gã hiệu trưởng. Nếu có bị bất bẻ, khó dễ để đưa đi xa, đó cũng là một dịp tốt ngoài ý muốn để biết thêm một vùng đất lạ cũng chẳng sao. Và cũng là dịp để Khiêm đo lường lòng dạ của con người cao thấp tới đâu. Nhiều lúc Khiêm đã nói với gã hiệu trưởng, hễ anh đã bắt tay người nào một cái, là có thể bị người đó lừa dối đến lần thứ ba mới hết sự tin tưởng, và lòng thành. Với gã hiệu trưởng này, Khiêm đã bắt tay gã nhiều bận, lẽ nào gã lại dễ quên như những vị hiệu trưởng khác, mà dấu điểm làm những tờ trình mật?

Vẫn ngồi yên dưới hiên, Tánh hơi ngước lên nhìn Khiêm đứng dựa vào cột hiên cạnh nàng. Trăng bàng bạc chung quanh hai người. Trăng rộn ràng trong hai người, tâm hồn Khiêm ghé ngồi xuống bên Tánh:

— Sao đêm nào cũng thấy Tánh ngồi đây, bộ nhớ bà già ở là chắc?

Tánh cười mơ hồ:

— Những đêm ngồi nhìn trăng đã quen, không bỏ được.

Khiêm hỏi dồn:

— Vậy lỡ thiếu mặt trăng thì sao?

— Cũng chẳng sao, Tánh trả lời hồ hững, nhưng vắng mặt trăng lâu cũng buồn phải không anh?

Im lặng, hai người cùng ngồi nhìn lên mặt trăng. Đột ngột Khiêm giữ lấy bàn tay Tánh:

— Ngày mai anh đi rồi đó...

Tánh hơi cúi mặt, giọng ướt mềm:

— Em biết...

Giữ tay Tánh trong tay mình, Khiêm có cảm tưởng như anh đã cầm giữ được tình yêu, và niềm tin. Niềm hân hoan ngút lên trong lòng Khiêm tưởng đã tắt lịm, giá băng. Khiêm nói thật nhỏ:

— Anh đi, em buồn không?

Tánh hỏi:

— Anh đi, sao em lại buồn, mà hỏi?

Khiêm nắm nhẹ vào bàn tay Tánh đủ cho nàng cảm thấy rằng nàng không thể nói dối được lòng. Bàn tay này đã chuyển tới trong anh niềm hy vọng. Khiêm cười:

— Em thật giỏi, còn anh, đi xa nơi này, anh buồn. Anh nhớ đủ thứ, chẳng hạn lão Ngô, bà Chiến, thằng Hòa...

— Còn nhớ gì nữa không?

— Tất nhiên là nhớ bàn tay này hơn hết...

Đưa tay Tánh lên hôn, Khiêm hơi lơ ngơ khi mặt trăng trên cao đã nhìn rõ được lòng mình. Tiếng học bài của thằng Hòa đột ngột nổi lên, làm Khiêm buông bàn tay Tánh ra như dòng điện bị cắt. Hòa lại tiếp tục đọc bài như tụng kinh. Nó gục đầu vào trang vở đọc lia lịa. Tánh nói vọng vào, Hòa ơi, ai biểu mày học bài kiểu đó vậy? Hòa dừng học, thầy biểu chứ còn ai nữa. Tánh quay lại nhìn Khiêm, cười:

— Ông thầy này có dạy học trò tụng kinh không?

Khiêm đùa:

— Không tụng kinh thì làm sao thành chánh quả?

Tiếng học bài của Hòa lại vang lên từng tràng dài, ngút ngát trời. Ông Phiệt gác từ đầu cầu ngoai ô cũng đã chạy xe vào ngi. Nghe tiếng máy kêu âm âm, bà Chiến đã rời bếp lên đứng tròn ở cửa. Bà Ngô nằm ở ghế bố giữa sân, phì phà khói thuốc. C một hôm ông Phiệt về vừa dừng xe, bà Ngô đã lên tiếng hỏi sa ông về hoai mà bà Chiến không có con, ông Phiệt nói gần cổ dành đi đánh nhau mười mấy năm nay rồi, còn đâu nữa mà coi với kiến, làm bà Chiến nổi khùng xỉ vả bà Ngô một trận vuốt mệ không kịp. Thấy bà Ngô vẫn nằm im lìm, thở khói thuốc, Khiêm nói với Tánh sao bà Ngô không chọc giận bà Chiến nữa cho vui. Tánh cười nói anh ác lắm, người ta gây nhau mà cũng cười. Khiêm cười: Hơi sức nào mà buồn vì chuyện của những người đàn bà. Có nhờ vậy mới đỡ buồn...

Khiêm đưa Tánh đi ra ngõ. Con ngõ hẹp xao xuyến ánh trăng. Mùi thơm của những chùm hoa sầu đông nở sớm tàn mát trong những bóng tối loáng thoáng. Tánh hỏi sao anh không đi thăm phố lần cuối, Khiêm kêu phố xá có gì để cho mình thăm, anh đưa lên một chiếc thương thuyền giữa dòng sông để mặc sức mi ngắm trăng. Tánh bé nhỏ bên Khiêm trong những bóng tối khép nép. Tiếng động ở mấy con đường ngoài phố vọng lại lao xao như từ một cõi nào xa lạ. Khiêm giữ tay Tánh rẽ xuống con đường đất, bát ngát hơi gió. Trong sân những căn nhà dọc đường đã rộn rã tiếng cười, thấp thoáng bóng trẻ con nô giỡn. Cảnh thanh bình có thể tìm thấy ở đó, nếu tiếng súng từ Tháp không vang lên nhắc nhở nhớ tới những cuộc đụng độ chỉ cách thị xã vài cây số. Mấy hôm có trăng, tiếng súng ở Tháp cũng im đi đôi chút. Những lúc đột ngột phát nổ dồn dập, ai cũng kinh hoàng thương xót cho chồng con họ đang vắng mặt, ở xa. Cuộc sum họp dưới ánh trăng trong khoảng sân trước nhà, chỉ làm một nỗi gắng gượng tạm bợ, một lãng quên với nhiều khổ đau của những người ở lại. Chui qua một giàn cây dây hoa Dạ hương thơm phức, Khiêm kéo Tánh dừng lại.

Lão Ngô từ bên kia cây cầu ván hỏi:

— Ai như cậu giáo Khiêm vậy cả?

Khiêm nói vọng sang:

— Tui đó, bác Ngô đó hả?

— Chờ còn ai nữa mà hỏi, lẹ lẹ lên đây...

Khiêm bước lên tấm ván nhỏ vắt qua chiếc thương thuyền đang lênh đênh trên nước. Tánh đề tay cho Khiêm giữ, kéo diu nằng đi từng bước. Qua hết cây cầu, Khiêm nhận ra lão Ngô đang ngồi uống trà, hút thuốc, nói chuyện với mấy ông già nào đó. Gió lồng lộng từ cửa biển thổi lên, mát rượi da thịt. Mấy ông già nghe lão Ngô giới thiệu Khiêm, đều gọi Khiêm tới uống nước. Nhận ly nước trà nóng bốc khói, Khiêm nói trên đời, không còn ai hạnh phúc bằng mấy cụ nữa. Hình ảnh này nhắc tới nhớ cảnh thái bình thường nuôi nấng trong mộng. Trên có trăng, dưới có nước, hà hà, sống cho hết quãng đời tàn còn sót. Ai tranh giành, chém giết, kẻ cha tội bay...

Tánh dò dẫm bước qua chiếc thương thuyền nằm tách rời chiếc thuyền của Khiêm với mấy ông già. Lão Ngô từ lúc biết Khiêm cùng đi với Tánh, lão có vẻ ưng bụng. Uống hết ly nước, Khiêm xin phép qua bên kia với Tánh. Hầu hết mấy cụ, ai cũng thúc Khiêm qua đó cho lẹ. Ừ, cứ qua đó mà nói chuyện với nhau, thấy kệ, ráng sống giờ nào vui được với nhau quý giờ đó.

Mặt trăng chìm dưới đáy nước, tỏa lên vũng sáng vàng rực. Hơi nước như hơi khói bay lan man trên mặt sông phẳng, lặng lẽ. Những cây đèn điện đỏ hoe trong căn cứ của lính Mỹ âm u, hiu hắt ở cuối bãi cát. Tánh chỉ cho Khiêm ngọn đèn pha từ đáy của chiếc cầu, nơi ông Phiệt thường ngồi gác. Ở đó, những mùa nước lớn, Tánh thường theo ghe xuống phố, đi chợ. Nay những chiếc ghe không còn một bến bờ nào yên để dừng lại nữa. Những chiếc thương thuyền này cũng đang mòn mỏi neo lại một nơi cô tịch, nhớ thuở xuôi ngược lênh đênh từ muôn vạn bến bờ, của một thời nào xa lắc. Như cuộc đời mấy cụ già ở bên kia, cũng đã qua rồi tuổi đời say nhiều mộng ước. Khiêm ngồi yên trong nỗi xao xuyến mù khơi. Cửa một ngày mai cách biệt, đoạn trường.

Tánh nhìn lên mặt Khiêm:

— Ngày mai anh đi, mạnh giỏi...

Khiêm xúc động:

— Tánh ở lại cũng mạnh giỏi...

Chợt giọng Khiêm điềm tĩnh:

— Anh nhớ Tánh một chuyện.

— Chuyện gì vậy ?

— Em coi ngó hộ căn nhà cho anh.

— Tưởng gì, chuyện dễ mà...

— Anh trở về sẽ mang quà từ những nơi anh dừng chân cho Tánh, chịu chưa ?

Tánh xoa một bàn tay ra trước mặt, chăm chú nhìn không trả lời Khiêm. Mặt trăng ngả dần về phía cầu. Từ vùng sáng rất mờ trong những xóm ở bên kia sông, ánh sáng của những ngọn đèn đỏ chong lơ lửng giữa trời. Những đợt tre cao vút được trông thấy rõ dưới ánh sáng đỏ chói đó, rất giống những ngọn pháo bông ngày tết. Bên kia, mấy cụ già đã tản mát đâu hết. Lão Ngô nằm dài trên tấm ván, dũi chân thẳng như đang ngủ...

Mẹo ngồi dưới hàng cây sấu đông nơi Khiêm vẫn thường ngồi chờ hân, lên tiếng :

— Đêm cuối, lại giờ chừ hủ cậu ?

Khiêm cười buồn trong tối :

— Cậu chờ mình có lâu không ?

— Từ hồi đầu hôm...

— Vậy cũng chưa thấm vào đâu nếu so với sự chờ đợi cậu mấy tháng nay của mình.

Tánh e dè trong bóng tối hao hụt bên Khiêm. Tánh đi qua trước mặt Mẹo :

— Ngày mai anh Mẹo cũng đi ?...

— Chớ cô bảo tôi ở lại đề đi đánh bài à ?

Tánh cười, Khiêm vỗ vào vai Mẹo :

— Nửa đêm còn lại, sẽ dành cho cậu...

Ở nhà gã hiệu trưởng về Khiêm muốn ghé lại ngủ đặng nhà người bạn đồng nghiệp già tản cư oán ná mãi cuối phố gần quốc lộ, nhưng vừa vào đến hết ngõ bước lên sân, Khiêm thấy ngại quay trở ra phố, và tiếc một đêm trăng. Nhìn ánh trăng lằng lằng trên sân, mờ nhạt trên hàng cây sấu đông trước ngõ, Khiêm quyết định nằm ở nhà. Bà Chiến đang lui cui dưới bếp, trong lúc bà Ngô nằm đông đưa trên võng thở khói thuốc. Thấy

Khiêm đứng yên giữa sân, bà Ngô lên tiếng hỏi sao cậu giáo không đi chơi. Khiêm nói đi đã mỗi hai ống chân cả buổi chiều nay rồi, cũng chẳng hết buồn. Bà Ngô lại nói giờ này chắc cậu Mẹo đã tới Phú Bồn há cậu Khiêm ? Khiêm âm ừ trong cổ, bụng nghĩ bây giờ chắc Mẹo cũng đang nhìn trăng ở trên núi. Hơn mấy ngày chạy từ ty xuống tỉnh, chạy từ tỉnh về ty, Mẹo đã xin được đi cùng chuyến máy bay tiếp tế lên Phú Bồn. Mẹo bảo tao muốn dời chốn này sớm ngày nào hay ngày đó. Nếu muốn cù cưa, tao có thể nằm lì ở đây cả tháng. Không có máy bay, chỉ còn cách đi xe hơi từng đoạn thôi. Ở đây, phải sống trong sự ngờ vực, và tị hiềm, chắc tao chết. Như vậy cũng yên, đó cũng là một kinh nghiệm cho mày rõ, những cố gắng với nhiều nhiệt thành của bọn mình, rồi cũng chẳng ích gì. Lúc nào sự che chở và thương xót cũng có sẵn từ trên cao. Tiếng nói của bọn mình như gió thoảng vào sa mạc. Một cỏi sa mạc sâu thẳm khô cháy, hực lửa tham lam. Nói gì thì nói, Khiêm nghĩ, đúng là cuộc đời này người ta đã chuẩn bị sẵn cho mày rồi. Đi dạy học thì tỵ sắp xếp cho một nơi ở miền rừng núi. Nghỉ dạy học thì sẽ được chuẩn bị cho một đơn vị nào đó trên bốn vùng chiến thuật. Rồi người ta sẽ đưa mày vào một chỗ nào nữa hả Mẹo ?

Khiêm nằm soãi chân trên chiếc ghế bố của lão Ngô, nhớ quanh quẩn về Mẹo. Quả Mẹo là người có khúc ruột thẳng như ruột ngựa đúng với lời của bà Ngô nói. Sự nói năng không e ngại nể nang trước một bát bình của Mẹo để làm nhiều người ghét. Nói sự thật thì dễ bị ghét, nhưng Mẹo bảo, nếu họ có thương, thì tao cũng chẳng mập thêm được tí nào, ốm nữa thì chẳng khác. Thói thường ai cũng quý sự thật, nhưng chẳng dám hé miệng, và sợ hãi. Với tao, tao không mấy may mắn khi đời sự thất bại bằng lòng ngay thẳng của tao. Mày hãy tưởng tượng, thật là thoải mái yên ổn khi tao sẽ được sống mà không còn nỗi thù hằn, tị hiềm nào nhen nhúm chung quanh. Như vậy coi như tao đã lãnh đủ mọi sự trả thù. Khiêm nằm dõi theo bóng trăng, ngờ ngác như những cụm mây trắng lửng lơ.

Nghe tiếng bà Chiến đập dũa ở dưới hiên, Khiêm quay lại. Nhìn bà làm việc tần mẫn một lát, Khiêm hỏi :

- Bà Chiến, ông Phiệt chết lâu chưa?
- Tháng trước, cậu à...
- Mới tháng trước đây?
- Thì hôm bữa ba còn trở về, hăm tám đã chết...

Khiêm nghĩ tới một người đàn ông nữa đã đi qua đời bà Chiến, mà buồn. Theo lời bà Ngô thuật, ông Phiệt bỏ gác về nơi với bà Chiến hoài, bị đổi ra một đơn vị tác chiến. Khi ở mã Phú Vang, lúc về năm Ghành Bà. Ông bị mìn trong một buổi sòng dẫn một tiểu đội đi dọn đường ở Núi Thơm. Như vậy từ nay con ngõ vắng vẻ tối om này sẽ vắng tiếng máy kêu ầm ầm của ông Phiệt. Câu chuyện con cái của bà Chiến cũng sẽ không được nhắc nhở, và luôn cả cái tính say sưa của ông Phiệt nữa.

Bà Chiến lên tiếng hỏi:

- Cậu giáo về nghỉ hè có gì vui không?

Khiêm trả lời:

- Cũng chẳng có gì vui cả...

Bà Chiến hỏi:

- Cậu không đi lính ha?

Khiêm trả lời:

- Làm sao tránh khỏi được.

Bà Chiến hỏi:

- Tháng nào cậu đi?

Khiêm trả lời:

- Có giấy lúc nào đi lúc đó.

Bà Chiến hỏi:

- Năm nay cậu bao nhiêu tuổi rồi?

Khiêm trả lời:

- Cũng đã già rồi mà...

Bà Chiến hỏi:

- Sao cậu chưa có vợ?

Khiêm trả lời:

- Có ai chịu ưng đâu mà cười?

Bà Chiến hỏi:

- Chờ con Tánh đó chi?

Khiêm trả lời:

— . . .

Khiêm mỉm cười vu vơ với mình, nhớ tới nét mặt Tánh buồn thiu khi báo cho Khiêm biết nàng trở về quê vài hôm mới lên. Lúc đó Khiêm chưa thấy buồn sôi nổi bằng bây giờ. Nhìn mặt trắng lấp ló bên những tản mây trắng, đêm vắng ngắt chung quanh Khiêm mới thấy thực sự thương Tánh, nhớ Mẹ, và xót xa cho sự vắng mặt của ông Phiệt...

mang viên long

BUI XUÂN QUANG

dưỡng bệnh

Quérída bỗng như thích ánh nắng, hí vang rồi nhảy qua những khúc cây, tôi nhún người theo nhịp, gió lạnh tạt vào mặt. Tôi mỉm cười một mình. Đến bây giờ, tôi vẫn chẳng biết mắc phải bệnh gì. Một hôm, trong một buổi tiếp tân tại nhà Hélène, tôi bất tỉnh, nằm thẳng giữa phòng khách. Lúc mở mắt, tôi thấy một đám thiếu nữ đang tò mò nhìn tôi, miệng còn nhai ngấu nghiến mấy mẩu bánh. Hélène đang đập đập vào tay tôi, mặt lo lắng. Từ hôm ấy, cảnh ấy diễn lại luôn luôn.

Ba em cũng không biết anh mắc phải bệnh gì, ba bảo anh phải tạm bỏ công việc về nhà quê nghỉ vài ba tháng. Hélène vừa thoa phấn, vừa nói, vừa mỉm cười với tôi. Tiếng ồn ào trong tiệm nước gần ấy hẳn tiếng Hélène. Tôi vừa gật đầu, vừa nhìn qua phía bên kia đường, một thiếu nữ áo ngắn đang đứng nhìn tử sách. Quérída chạy nhanh, gặp rào hổ gì cũng nhảy bừa qua, như muốn thử tài chủ nó. Tôi kẹp chặt hông ngựa, cảm thấy thích thú.

Tôi dưỡng bệnh ở làng quê của Jean Paul đã quá hai tháng nay. Những ngày cuối cùng, tôi cùng Quérída dạo trên những con đường rừng trơ trụi, cây hết lá, lạnh và khô. Hòa Bình ở Việt Nam. Buồn cười thật, ai viết những chữ nguệch ngoạc ấy trên

ức tường xám? viết làm gì? để cho ai? Balbeck, cái làng khi mốc, chỉ có hai trăm người ở. Nóc nhà thờ rung rinh, theo nhịp ngựa. Vó ngựa dội vang. Một đứa trẻ đang nhìn nóc nhà thờ, ngờ ngác, hai chị em cầm tay nhau, vừa đi vừa xây lại nhìn tôi cười. Phía bên kia đường, cô giáo trẻ đang gài chiếc áo mưa. Tôi biết rõ Balbeck như đã sống ở đây từ lâu lắm. Mỗi góc hẻm, mỗi mái nhà, mỗi viên đá, mỗi cái nhìn. Tự nhiên không biết vì đâu tôi nhớ đến một câu hát. Một cụ già đang đóng cánh cửa nặng nề. Tôi nhớ đến bàn tay nhăn nheo đặt trên thân cây. Hôm ấy không phải mùa đông, cây không hết lá, không lạnh và khô.

Nhạc ngừng, tuyết ngừng rơi đã lâu, bên kia cửa kính, chân trời hiện mờ. Thật ra dưỡng bệnh ở nhà quê cũng thích, tìm lại những ngày cô độc, những màu văn, những tiếng dương cầm. Một tiếng thét, một cô gái nằm lăn giữa đường, chiếc xe đạp văng bên lề, vài đứa trẻ chạy lại xem, máu trào ra miệng cô gái, nhưng đôi mắt cô vẫn còn mở, không oán hận, tiếng bánh xe đạp pha lẫn với yên lặng của buổi chiều. Bà mẹ Jean Paul đi vào phòng tay bưng một mâm trà, mật và bánh ngọt. Tôi bảo bà cứ để dưới bếp, tôi sẽ xuống, bà làm gì thế cho nhọc. Bà mỉm cười. Vài ngày nữa cậu và Jean Paul về Paris tôi muốn cũng không có ai mà săn sóc. Mẹ tôi bây giờ có lẽ cũng bằng tuổi bà, có thể già hơn một tí. Tôi cắn cái bánh ngấm nước trà nóng, bà xây lại nhìn tôi rồi đi ra, tiếng ken két của cánh cửa làm tôi ớn lạnh đến óc.

Tiếng súng dội ra xa, bánh xe đạp chưa ngừng mắt cô gái đã đục.

Tôi kéo dây cương mạnh quá làm con Quérída vùng lên dữ dội, tí nữa tôi té nhào xuống đất. Cảnh đẹp thật, đầy tuyết, giữa những thân cây, nàng có tóc vàng óng, gần như trắng, nàng đi đôi bốt trắng cao đến nửa đầu gối, áo toai mưa cũng màu trắng, rớt chỉ đến nửa đùi. Tôi xuống ngựa rồi đi thẳng đến nàng, không rời nàng một nháy mắt. Tôi liền đem những lời lẽ then chốt, những lý luận đặc biệt dành cho những trường hợp này phơi ra trước mặt nàng nhưng nàng có vẻ không thêm cho tôi nữa cái nhìn, không biết tai nàng có nghe được âm thanh thế

giới phạm tục không? cặp mắt trong xanh của nàng không lẽ chỉ để nhìn mãi con đường rừng vắng teo không có gì đặc sắc. Nàng đợi ai? ở đây mà đợi ai được. Nàng có biết không, ở cái xứ khí ho có gầy này, chỉ có nàng với tôi mới có thể yêu nhau, cái bọn nhà quê khổ cực kia, không đọc Proust, không nghe Mozart thì có biết tình yêu là gì. Nàng không tin tôi yêu nàng à? Không tin nàng thử nhìn vào mắt tôi, nàng sẽ biết. Có lẽ nàng cho tôi ngông cuồng, nhưng đây không là có hiên nhiên nhất của tình yêu là gì nữa? Nàng thấy con ngựa của tôi ở bên kia đường không? nếu nàng muốn tôi sẽ để nàng mượn đi một vòng, nó là con ngựa giống rất tốt, tôi mất gần hai năm để luyện, tôi chưa để ai cỡi nó một lần nào cả. Nàng tưởng tôi đùa à? Luyện ngựa đâu phải chuyện dễ, không con vật nào vừa dấm thắm vừa hung hăng bằng. Nếu nàng cho chuyện ngựa có tính cách vũ phu, tôi sẽ kể cho nàng nghe Paris, những khúc chuyện Paris chuyện dưới hầm, chuyện sau cửa, chuyện buồng tắm. Paris, thành phố của giàu sang, thành phố của nô lệ, những cô gái vuốt mình trước cửa kính, những cặp mắt đục ngầu trong những tiệm nước. Có lẽ nàng có nghe nói người ta họp nhau ở Paris để quyết định sự sống của một nửa dân tộc, nhưng nếu tôi kể cho nàng chương trình của họ ngoài những phiên họp thì nàng mới hiểu cay đắng của những người vô phúc nằm trên bàn cờ. Bây giờ nàng bớt khinh bỉ tôi rồi phải không? nàng đừng thương hại cho tôi quá, vì tôi không có gì đáng thương hại cả, nhưng cũng đừng cho tôi là hạng du thủ du thực, tôi bị mắng nhiếc nhiều quá rồi, tôi chỉ xin nàng đừng nghe tôi nói, cho ruột tôi có trào ra chẳng nữa tôi cũng không sợ, tôi sống đến đây là sướng lắm rồi, mặc áo Ted Lapidus, đi giày Carvil, xe Triumph, lương bốn nghìn quan một tháng, không kể số tiền kénh sù nằm ở một ngân hàng Thụy Sĩ, bây giờ cho bom rót trên đầu tôi cũng nhăn răng cười, tôi sẽ không khóc đâu, cho đến mấy đứa bạn tôi què tay, què chân vì đạn lạc mà tôi cũng không khóc, mà tôi có quyền nào để khóc? chuyện người ta sống chết mặc kệ người ta, không phải chuyện của mình, khóc bữa bãi, bị chửi cũng đáng, không bị chửi thì cũng bị cười, mấy thằng như tôi ở đâu cũng không yên, tây

lòng ra tây, tàu không ra tàu, Tây chê nói tiếng Tây có giọng na-mít, «mít» lại chê nói tiếng «mít» hơi mùi Tây, kể ra địa vị của tôi cũng chẳng có gì đặc biệt, cả ngàn, cả vạn, triệu người ở trong trường hợp tôi, sống lâu rồi cũng quen, nhiều lúc đi ngoài đường cảm tưởng mình tóc đỏ mũi lõ, tưởng mình trà trộn được trong đám đông người, gặp kẻ đồng hương kìa như không trông thấy. Muốn sống trong cái xã hội tiêu thụ này, phải vừa điếc vừa mù, xin lỗi cô, làm nhảm mất cả một buổi chiều của cô, tôi thật là người tốt phúc, được cô nghe chuyện gà vịt mà không chán, nếu cô cho phép, tôi xin kể cho cô nghe một khúc chuyện giấu tận trong ruột trong gan tôi. Cô thấy tôi mặt mày nhăn nhoe, đừng vội cho tôi già quá tuổi tôi, cách đây một năm tôi còn trẻ đẹp như trai tơ. Một chiều thứ bảy, cũng như bao nghìn thứ bảy khác, tôi đợi Anne trong một tiệm nước ở xóm La Tinh. Anne tuy không đẹp và trẻ như cô nhưng cũng khá trẻ và khá đẹp. Trời nóng, một ngày tháng năm, một chiều thứ bảy, một tiệm nước, xóm La Tinh, Anne sắp đến, còn năm phút nữa, từ năm năm nay, nàng không trẻ quá năm phút, tôi ngồi phía trong, tránh nắng và tránh đông người. Trước mặt tôi, một ông già đang chăm chú nghe đọc tờ báo nói về thể chiến thứ nhất, tôi gắng đếm năm bảy sợi tóc xếp ngay ngắn trên đầu ông ta, rồi tôi nghĩ đến Anne, nghĩ đến nốt ruồi kín đáo của nàng. Những buổi chiều chủ nhật, người của Anne đầy mồ hôi, tiếng ồn ào của những đứa trẻ tàn tật chơi ở sân trường lan qua bên này đường, một người đàn bà lết gót nặng nề, có lẽ bà ta mập lắm, Anne đứng dậy đi ra cửa sổ, nàng vừa mở cửa thì tiếng ồn ào ngừng bật, tôi đoán chúng nó đang nhìn lên Anne, thân hình Anne đầy mồ hôi, một vài đứa xi xào, tôi tưởng tượng đến những cặp mắt, những thân hình tàn tật đang thèm muốn người thiếu nữ ở tầng thứ sáu, phía bên kia đường.

Ông già vẫn chăm chú vào tờ báo, tôi nhìn bức tường sau lưng ông ta. Người nào vẽ trên bức tường một cảnh cũ kỹ, nước sơn đã lạt. Tôi nhìn kỹ bức tranh, chẳng hiểu tranh tả cảnh gì, những nét ngoằn ngoèo, những mảng sơn màu nâu gần tróc. Tôi có cảm tưởng người vẽ không phải một tay tầm thường, những nét vẽ ấy

đối với tôi không xa lạ lắm, hay người họa bắt chước một nghệ sĩ trừ danh nào đó, tôi không thể nhớ ra, tôi đã từng thấy những nét vẽ này, tôi chắc chắn như thế, không thể nhầm, nhưng thấy ở đâu? Ngày nào? Nơi nào? Có lẽ tôi đã nhìn thấy những nét ngoằn ngoèo ấy, nhưng mạnh hơn, ít ngắn đoạn, bớt đau khổ, có lẽ tôi cũng đã thấy những màu nâu chạy quanh như đang tìm lối thoát tự nhiên tôi nhớ đến những vệt xanh, những chấm vàng, nhưng làm sao có chuyện ấy được? Làm sao Văn lại vẽ trên bức tường xám này? Không phải Văn thì ai nữa? Nhìn kỹ, tôi lại ngạc nhiên tại sao mấy năm nay mình không để ý? Cảnh vẽ trên bức tường chính là cái hồ rau muống từ nhà bếp Văn nhìn ra. Tôi chỉ còn nhớ mang máng hình dáng Văn, hơi cao và gầy, lần cuối cùng, tôi gặp Văn ở vườn hoa Nguyễn Hoàng, vừa báo cho Văn hay tôi sắp sang Pháp. Văn không nói nhiều, hình như Văn không nói lời nào cả, 1953, trước Điện biên Phủ, tay Văn để trên lưng ghế đá, tôi nhớ ra rồi, Văn nhìn bờ sông, một tiếng thét, tiếng súng dội xa, chiếc xe đạp vắng bên lề đường. Tính Văn rất nhát gan, thấy một tí máu đã sợ, Văn chỉ biết màu sắc pha trộn với đất và nước.

Rồi hình như sau này Văn cũng trốn lính được, chạy qua đây, tôi không dám chắc, tôi nhớ có nhận được một tấm hình nhà dưỡng bệnh lao Neuf moutiers en Brie của Văn gửi, nhưng hồi ấy tôi đang bận nhiều chuyện, tôi cũng quên hẳn Văn. Ừ, tôi nhớ ra rồi, tôi nhớ cái nhìn cuối cùng của Lan không biết nàng có nhận ra chúng tôi không, nàng không than vãn, không oán hận, tiếng bánh xe đạp pha lẫn với yên lặng của buổi chiều, Văn nhìn người em gái nằm dưới đất như đang nhìn một giấc mộng, ừ, tôi nhớ ra rồi, hồi ấy Lan là tình nhân của tôi.

Ba giờ bốn mươi lăm, ông già đã bỏ đi đã lâu, Anne đang ngồi trước mặt tôi, nhưng nàng nhìn tôi như kẻ xa lạ. Tôi ngạc nhiên tấm kính gần cửa chiếu lại hình tôi, tôi cũng không nhận ra tôi nữa, tôi già hẳn đi, tôi định gọi Anne, nhưng lại thôi, có lẽ nàng đang muốn hiểu vì sao, năm năm nay, chúng tôi vẫn hẹn nhau ở đây mỗi chiều thứ bảy, mà hôm nay tôi lỗi hẹn.

Xin lỗi cô, lúc này đến giờ tôi chỉ đem những chuyện đầu cho đuôi vệt nói ra làm cô không theo dõi được, tôi lại nhãi thân và

với cô không khác gì người bán đồ ở góc đường, phơi ra toàn những hàng không đáng một góc xu. Cô ơi, khổ lắm, không biết lần sau, tôi còn phước gặp người tri kỷ như cô, chịu khó đứng hàng giờ nghe tôi rao hàng, bàn tay cô hơi ướt, hơi lạnh, nhưng dù làm sao, cô đừng nói gì cả, cả tên của cô tôi cũng không muốn biết, tôi sẽ trốn sau tình yêu cô. Nàng kéo tay tôi, nàng bước nhanh sau những thân cây, lúc chúng tôi nằm trên cỏ đầy tuyết thì Jean Paul cũng vừa đến, chàng ta xuống xe hơi, đi đi lại lại, vuốt Quérída, nhìn quanh quần rồi lên xe bỏ đi.

Nàng thở nhẹ nhẹ, nàng xây lại nhìn tôi. Hình như nàng muốn mỉm cười, hay muốn khóc? Tôi rời khỏi tay nàng. Tôi nói thật, tôi biết Jean Paul có hẹn với cô nên tôi đánh cuộc với anh ta cô sẽ không đúng hẹn. Bây giờ trễ lắm rồi, xin lỗi cô, tôi phải về ăn tối, sợ bà mẹ Jean Paul mất công đợi. Nàng như không thấy tôi, nàng như không nghe tôi. Tôi bỏ đi. Một cơn gió thổi mạnh, tôi đoán có một vài lá khô còn lại tạt lên mặt nàng.

bụi xuân quang

Paris 1969

VĨNH LỘC

tàn cơn gió loạn

truyện dài

Thằng bé đứng dưới gốc me bên cạnh hàng cà rem, hai con mắt đen láy nhìn tôi không chớp. Tôi đương nghĩ rằng cuộc gặp mặt sẽ làm cho nó bối rối. Vào lúc khác chắc chắn nó không tránh khỏi một trận đòn. Nhưng giữa chúng tôi, hoàn cảnh bây giờ đã đổi khác. Lần trở về sau cùng, cách đây gần hai năm, nó còn nhỏ xiu. Cũng đôi mắt đen to ngơ ngáo ấy, nó ngược nhìn tôi như một người lạ mặt. Và câu thứ nhất nó nói với tôi khi tôi triu mến xoa đầu nó :

— Mẹ cãi nhau với di Tư đã đi rồi.

Nói nói thân nhiên như một người lớn.

— Mẹ bảo : Ở với nội cho ngoan.

Tôi nhìn vào mắt bồ câu của nó một lần nữa để tìm một ngấn nước mắt, dấu vết của tủi nhục cô đơn. Đến lúc ấy tôi mới nhận ra con tôi không còn nhỏ bé như tôi vẫn tưởng. Khuôn mặt trẻ thơ mang những nét đanh sắc và chịu đựng của một đứa trẻ bị bỏ quên giữa một cái gia đình nặng không khí hận thù xấu xí. Năm nó lên ba thì tôi vào lính. Đó là một cuộc chạy trốn vô vọng. Cuộc đời ngay từ thuở ấu thơ đã sớm mang tâm trạng dồn nén tức tủi. Các anh chị lớn của tôi lần lượt ra đi sau những cuộc đụng độ xảy ra giữa cái gia đình mà cha tôi đã đem về một

người đàn bà lạ mặt. Những thay đổi đau đớn và gai góc ấy đã làm héo hon dần mẹ tôi. Và những bi kịch liên tiếp trong gia đình đã gây một xúc động mạnh trong tâm hồn trẻ thơ của tôi. Tôi còn nhớ một lần đã cầm con dao rọc giấy chỉ vào mặt Di Hai thét lớn :

— Di là con ác quỷ ! Có ngày tôi sẽ giết Di.

Ba tôi nhốt tôi vào kho thóc hai ngày đêm sau khi đã quật những nhát ba toong vào khắp mình tôi không biết mỏi. Tôi nằm rùi trên đồng thóc có những hạt nhọn đâm vào lưng, vào cánh tay. Vừa đêm mẹ tôi lên đem vào cho tôi một tô cháo nóng. Người lấy còn xoa khắp bắp vai và hai bắp đùi sưng tím của tôi. Trong bóng tối tôi hình dung lại đôi mắt đỏ nhàu của ba tôi. Ông vừa hành hung tôi vừa găm thét miệng ông sùi bọt, mãi đến lúc đó tôi mới chợt nhớ tới Di Hai : Tại sao không cho ông ta một nhát ? Ông là cha tôi hay chỉ là một con ác quỷ ?

Mẹ tôi ngồi thu hình bất lực trong một góc nhà. Có lẽ bà đang khóc và lo sợ cho tôi. Di Hai thì lạnh mặt. Chắc chắn bà ta muốn để cho cha tôi được rảnh tay giải quyết dùm những oán thù ần ứ ấy. Khi mẹ tôi bóp vào vết thương, tôi nhắm mắt lại và hỏi :

— Sao mẹ không bỏ đi, như chị Hai, như anh Ba ?

Chị Hai đã tát Di một cái, còn in hằn mấy nốt ngón tay. Chúng tôi đứng ngoài không can thiệp vì biết rõ phần thắng về bên chị Hai. Nhưng chúng tôi đã nhầm. Sáng hôm sau, trước khi ba tôi có mặt ở nhà chị Hai đã lên bỏ đi. Khi ba tôi nổi trận lôi đình và di Hai nhìn chúng tôi với nét hiu hiu tự đắc, rất đáng thương, tôi mới nhận ra rằng chị Hai đã thua cuộc. Chúng tôi là một lũ chiến bại trong cái gia đình mà uy quyền là cha tôi và công lý thì chọn đời vắng mặt.

Anh Ba tôi bắt đầu nín lặng hôm đó mà đi. Anh sống trong gia đình như một cái bóng. Anh cố ý lánh mặt di Hai. Trên nét mặt vốn trầm lặng của anh tôi thoáng gặp những tia mắt đỏ xon. Đó là những đám mây báo hiệu cơn bão, hoặc là những đợt sóng ngầm dưới mặt biển lặng.

Không, anh Ba không phải dùng đến khí giới như tôi. Anh đã thân nhiên đến can đảm hứng chịu những ngọn roi tàn bạo của cha tôi. Anh đợi cho ba tôi đến lúc mệt dốc. Ông nhắc không

nổi cây gậy lên nữa. Tóc ông rũ xuống, trán bết mồ hôi. Mắt ông đờ đẫn như người bệnh sau cơn kinh phong. Ông thở hồng hộc. Lúc bấy giờ anh Ba có thể làm tất cả những điều anh muốn, để trả thù cuộc hành hung mà anh là nạn nhân. Anh đứng đó nhìn ba tôi không chớp mắt, một cái nhìn bao hàm lòng thương hại lẫn niềm kiêu hãnh. Một cái nhìn sâu và buồn bã như buổi chiều trên đại dương. Cuối cùng anh Ba thốt lên :

— Tôi không thể nào tin được tôi lại mang dòng máu của ba !

Ba tôi trở thành bất lực trong nỗi tức giận giống như một cơn giông đã xả hết cuồng phong và nước lũ.

Hôm sau tôi không còn gặp lại anh Ba nữa. Anh Ba bỏ đi được ít lâu thì mẹ tôi lâm bệnh. Tôi phải bỏ học nhiều ngày để ngồi bên siêu thuốc bắc trong một xô bếp ngộp tro than rồi lại từ số bếp mà trở vào căn phòng ẩm thấp le lói chút ánh sáng. Tôi làm công việc ấy một cách vụng về nhưng trong thì thư thái vì không còn phải nghe tiếng bác tiếng chỉ thốt ra từ miệng người vợ kẻ nanh nọc của ba tôi.

Rồi một bữa kia mẹ tôi khăn gói về bên ngoại. Cái bóng còm cõi của người còn in đậm trong trí nhớ tôi, như một tù nhân vừa ra khỏi vùng bóng tối của xà lim là căn phòng ẩm mốc không ánh sáng nơi mẹ tôi nằm bệnh. Người mẹ tôi gầy sút hẳn đi, lưng quyền nhô lên và hai con mắt sâu hõm xuống gần giống một cái sợ người chết bọc trong một lớp da sạm ngoét như chì.

Cái gai cuối cùng của mẹ tôi bỏ lại trong con mắt của Di Hai bây giờ là tôi. Mẹ tôi không đem tôi đi có lẽ vì người còn muốn để lại một sợi giây, đầu bé nhỏ, giữa cha tôi và người. Một gợn nhỏ hy vọng trong tâm hồn bao la của người mẹ, người vợ hiền. Đồng phương. Và tôi được bỏ lại giữa cái gia đình gần tan rã ấy để cho Di Hai, những ngày buồn rãnh, ló ra diễn những trò chơi độc ác và dai dẳng.

Một điều lạ những dịp đó, cha tôi thường nín thinh hoặc lánh mặt. Tôi ngồi thu hình, đầu cúi gục để nghe cái đĩa hát cũ đây những lời lẽ chua ngoa tục tĩu chạy đi chạy lại nhiều lần.

Cuộc sống nhần nhục, ngọt ngạt và bị dày xéo như thể tường sẽ vỡ tung ra. Tôi nghĩ đến lưỡi dao và cái hành động cùng đường của mình. Nhưng thái độ lạnh mặt và lặng thinh của cha

tôi đã làm tôi đổi ý kiến. Tôi nghĩ đến chị Hai, anh Ba và mẹ tôi đã lần lượt bỏ đi. Bây giờ tôi mới bắt đầu hiểu thế nào là nỗi cô đơn của những người có quyền hành, những vị bạo chúa.

Buổi chiều, sau những bữa cơm trộn tủi nhục và nước mắt, tôi lặng lẽ bỏ mái nhà bắt đầu ngập tối. Tiếng chuông từ một giáo đường gần thanh thoát như vẫy gọi tôi. Tôi đi vào giữa những tiếng cầu nguyện như người bộ hành gặp bóng mát sau một ngày dài đi dưới lửa mặt trời và trên cát khô cháy bỏng.

Cuộc hội kiến giữa cha tôi và vị tu sĩ đỡ đầu cho tôi diễn ra trong một bầu không khí hòa dịu bất ngờ. Tôi nhớ lại trước đó ít lâu, vào một buổi chiều, khi tôi đang quì gối trong góc Thánh đường thì một bàn tay êm ái đặt lên vai tôi. Đôi mắt sâu và sáng cúi xuống tôi với nụ cười hiền dịu vô cùng. Câu thứ nhất tôi nói với người là :

— Thưa Cha, con là người ngoại đạo.

Giọng nói nhân từ mà tôi được nghe lần thứ nhất trong quãng ấu thời đầy bão táp :

— Điều đó không hề gì, vì con đương bắt đầu tìm đến Chúa.

Người gặp tôi nhiều lần nữa, những buổi chiều giáo đường nổi gần chúng tôi lại.

Một đêm tôi chợt tỉnh giấc với giọng nói gay gắt của Di Hai ở phòng bên cạnh : Thăng Đạo đi tu ! Ông nói thật hay bỡn đấy ? Tiếng cười độc ác, khàn khàn như rạn vỡ tường như không bao giờ dứt. Khuôn mặt Cha Phác, sau đó hiện ra như một vùng trắng sau cơn mưa bão.

Con đường từ ấp của ba tôi khuất dần cùng với khuôn mặt góc cạnh và đôi mắt điều xảo của Di Hai. Tôi vùi đầu vào sách vở.

Những đêm cầu nguyện với niềm Tin chơi vui. Một đêm, tôi chèo tường lên ra ngoài. Một thằng bạn nổi tiếng ngỗ nghịch đứng chờ tôi trong vòm tối của gốc me xế cửa trường. Chúng tôi dắt nhau chạy ào vào ánh sáng thành phố. Đi ngang qua một rạp chiếu bóng chật ních người, thằng bạn dừng lại và ngược lên tấm bích chương vẽ hình một cặp trai gái đương ôm riết lấy nhau. Hình ảnh một ông A Dong và một bà E Và trong thành kinh đập

vào mắt chúng tôi, những thiếu niên đương tuổi giập thì, kích thích như một trái cấm.

Thằng bạn đây tôi đi trước. Qua vóc người vạm vỡ, khuôn mặt xắc lảo, trai dạn của tôi, người soát vé không ngờ đã cho hai thằng nhãi con chưa quá mười tám tuổi bước chồm vào rạp.

Elle n'as dansé qu'un seal-été. Những hình ảnh tảo bạo đập vào mắt tôi như một vùng ánh sáng kỳ ảo. Đến lúc bấy giờ tôi mới nhận ra cuộc chạy trốn vô vọng của mình.

— Thưa cha, con thú nhận đã phạm điều cấm, đêm qua khi trốn ra khỏi nhà nội trú...

— Chúa không bao giờ bỏ những kẻ biết ăn năn. Từ nay con hãy tránh làm điều đó...

— Thưa Cha, con thú nhận đã đọc sách cấm trong giờ nguyện.

— Con hãy tránh làm điều đó... Con hãy tránh... Chúa không bao giờ bỏ...

— Thưa Cha, con thú nhận... Thưa Cha...

Tôi nhớ lại câu nói ngày nào trong không khí êm ả tôn nghiêm của giáo đường: Con là người ngoại đạo...

Tôi vượt tường nhiều đêm nữa. Sau cùng tôi không vào nhà nguyện và xin được trở về với gia đình. Tôi đã làm một điều mà Chúa không thể nào dung thứ được: Bán đứng lòng tin cậy của Cha đỡ đầu cho mình. Tôi đã đi tìm tự do và chỉ gặp ảo tưởng. Tiếng kinh cầu nguyện bây giờ chỉ còn mang dư âm của những cánh chim vỗ đập trong bốn bức tường không ánh sáng.

Lòng tự kiêu và cả nỗi sợ hãi đã ném tôi vào giữa cái thành phố xa lạ ở đây cuộc sống mang hình ảnh bầy thú dữ trong rừng. Tôi ăn từng ngày một bữa cơm ở nhà thằng bạn này và ngủ từng đêm tạm bợ tại nhà một đứa khác.

Tôi thường ra bờ sông, sau một ngày đi lang thang khắp thành phố với mảnh giấy mang chút vốn học thức nhỏ nhoi của mình gõ cửa từng nhà buôn, từng xưởng thợ, và người ta nhìn tôi bằng cặp mắt ngạc nhiên, tội nghiệp như muốn bảo: Hãy trở về với gia đình, thằng nhãi con! Đi làm mướn đâu có dễ như mày tưởng.

Đôi dép da đã mòn banh cả gót tháo ra, tôi nhúng hai bàn chân rời rã, nhìn những đám bụi loang trên mặt nước, bắt gặp mái tóc bồm xồm với khuôn mặt đen đúa của mình. Lũ trẻ từ một chiếc xe hơi ủa ra cầu tàu riu rít, khuôn mặt dịu dàng của mẹ chúng và dáng đi trầm tĩnh của người cha khiến tôi liên tưởng một cách buồn bã đến những người thân trong gia đình mình.

« Thưa cha — câu cuối cùng mà tôi định nói với Cha Phác — con vô tội ». Tôi hình dung đến bộ mặt đầy sát khí của ba tôi khi ông vung cây gậy đập vào thân xác chúng tôi. Mẹ tôi, anh Ba chị Hai, chúng tôi đã nhẩn nhục cúi đầu như một lũ người cam chịu đọa đầy trong cái gia đình tù ngục. Tôi hình dung đến lưỡi dao sẽ đem về cho Di Hai. Đôi mắt di sẽ trợn ngược. Tôi sẽ không đề cho di kịp kêu cứu ba tôi. Và lưỡi dao sẽ đâm lút vào ngực di. Máu phọt lên đầy trên mặt mũi tôi, bết trên hai bàn tay... Con vô tội... Con vô tội!

Lũ trẻ chợt vỗ tay reo hò. Một người vừa vung chiếc cần câu lên khỏi đầu. Đốm bạc nhỏ xíu vụt lên khỏi mặt nước vùng vẫy tuyệt vọng trên không. Tôi ngồi bệt xuống thành cầu không cảm thấy hơi nóng hầm hập của nắng còn âm ỷ trong đá sát sồn hắc ín. Từng giọt nước mằn mặn chảy xuống má, bờ môi trong bóng tối.

Tôi trở về gia đình như một con chó hoang.

Chiếc sơ mi ca rô màu đỏ sứt chỉ hai bên cầu vai, phía trên đã bạc màu. Cái quần soọc ngắn cũn cỡn như một chiếc quần đùi cũ. Hai ống chân khằng khiêu, đen đũi. Cuối cùng là đôi dép da cứng nhắc không còn nhận được màu da vì bết những bụi. Hình ảnh đứa nhỏ lơ mơ qua hàng nước mắt. Nó đứng thập thò trước cửa hăng và đợi tôi gần ngót một tiếng đồng hồ. Về sau có người vào gọi tôi:

— Này Đạo. Có thằng nhỏ nào kiếm mày. Nó biều tìm ba nó, làm ở trồng...

— Vậy chờ ba mày tên gì?

— Tên Đạo.

Người bạn nhắc lại mẫu đối thoại cộc lốc ấy với một nhíp cười ròn. Ở đây tất cả những sự việc trông và nghe thấy bên

ngoài đều mang một sự việc bị ẩn tức cười. Đó là những cái cơ nhỏ mọn để cho tội làm công chúng tôi quên được trong giây lát cuộc sống cặm cụi buồn tẻ của mình.

Anh ta không thể ngờ một thằng nhỏ ốm đói đen như củ sừng lại có thể là con một thầy thư ký chừng chạc như tôi.

Lúc tôi ra nó đương ngồi trên vỉa hè trước hãng, hai tay chống lên má. Đứng trước nó là một lũ trẻ đương tíu tít vây quanh hàng cà rem. Bên kia đường, từng giầy xe hơi lịch sự đậu trước công viên có những chị hai sơn son đầy những chiếc nôi trắng và một cặp tình nhân thủ thỉ trên ghế đá, dưới dàn giầy leo. Bấy giờ vào đầu mùa hạ, hoa phượng rụng đỏ trên lối đi. Buổi chiều đem những tiếng động từ một nẻo đường đẹp nhất thành phố với gió mát ngoài sông lại.

Khi tôi đặt tay lên mái tóc bõm sơm thì nó quay lại. Nó ngược nhìn tôi qua nỗi bối rối ban đầu tôi bắt gặp đôi mắt lo sợ buồn rầu, đôi mắt giống như của một con chó hoang khiến tôi hồi tưởng lại lúc tôi rời chủng viện, sống những ngày lang bạt trong thành phố xa lạ, thiếu ăn, mất ngủ và cuối cùng xin một đứa bạn học được xuất tiền tàu trở về gia đình.

Chuyến tàu bỏ tôi xuống một nhà ga nhỏ vào lúc xế chiều. Chẳng đường dài mệt nhọc và nỗi tuyệt vọng không dờn dầy tôi từ toa hàng ồn ào xuống. Một người nào đó nắm được tay tôi khi những chiếc bánh sắt bắt đầu quay. Tôi ngửi thấy mùi bụi than khét lẹt, có cảm giác như cổ họng và buồng phổi mình bị quạt than hồng.

Cuối cùng tôi thất thểu rời khỏi nhà ga. Tôi không biết phải nói gì khi gặp lại cha tôi. Điều chắc chắn là tôi sẽ chạm gặp lại bộ mặt đanh ác của người mẹ kế. Tôi không muốn nghĩ thêm nữa. Tôi mang cái tâm trạng vừa hẫ hững vừa thần nhiên của một người tù đã rắp tâm vượt ngục và bây giờ bị bắt trở lại.

Người thứ nhất tôi gặp khi bước qua cổng ấp là một đứa con gái lạ mặt. Khi tôi hỏi: Ba và dì Hai có nhà không? Thì nó chỗ mắt lên nhìn tôi hồi lâu. Một sự ngạc nhiên có thoáng sợ sệt phác trên khuôn mặt dễ thương của nó. Một lúc sau đứa con gái hỏi tôi:

— Phải là anh Tư không?

— Sao biết? Tôi nói cộc lốc.

— Nghe má nói anh học Nhà Dòng ở trông... sao về đây? Tôi không đáp mà thở dài. Hai đứa đi một đôi, cầm nín, Dì Hai thấy mặt tôi thì kêu lên:

— Ủa thằng Tư đã về kia?

Giọng của Dì có một thoáng mừng rỡ, khiến tôi rất xúc động. Tôi nhìn quanh gian nhà cũ mang một vẻ mặt xa lạ sau ba năm vắng tôi. Một lát sau dì thủng thủng bảo:

— Ba mầy nằm trong phòng, vô mà thăm.

Tôi làm theo như một cái máy. Cánh cửa mở, khuôn mặt hốc hác đột ngột hiện ra trong khoảng ánh sáng võ oà. Ba tôi gượng ngồi giậy khi đứa con gái đưa tôi vào. Nó nói:

— Ba á. Anh Tư con đã về.

Lâu lắm tôi mới lại được nghe một giọng nói dịu dàng như thế. Tôi liếc nhìn đứa em ngậm ngùi nhớ lại bóng giáng còm cõi của mẹ tôi ngày nào.

Sau một tràng ho như xé phổi, ba tôi khàn khàn bảo:

— Nó là con Tâm, con của Dì Hai mầy đó.

Mãi đến lúc đó chúng tôi mới thực sự nhìn tận mắt nhau cái nhìn thoáng ngạc nhiên nhưng đầy triu mến. Con Tâm chớp mắt một hồi, vẻ e lệ chợt làm tôi xao xuyến. Tôi nghĩ tới bàn tay đã níu tôi lại ngoài sân ga. Chỉ một chút nữa tôi đã nát thây dưới bánh sắt tàu hỏa. Tôi theo Tâm ra ngoài, chỉ còn nghe thanh âm dễ thương của đứa em gái.

— Anh ra rửa mặt rồi đi ăn cơm.

Và một lúc sau: Áo anh đầy những bụi...

Tôi bước ra sân như chạy trốn, sợ đứa em gái sẽ nhìn ra mái tóc bõm sơm và khuôn mặt hốc hác của mình.

Buổi chiều xuống và tiếng chuông giáo đường nghe gần lại. Tôi hồi tưởng đến khuôn mặt hiền từ của Cha Phác, trong giây lát hình ảnh quăng thiếu thời đen tối vẩn vù như những đám mây trước cơn giông. Tôi vực mặt vào nước mát khi những giọt lệ đau đớn bắt đầu chảy.

Hôm sau ba tôi cho gọi tôi vào phòng riêng của ông. Ông ăn mặc chỉnh tề, khuôn mặt hốc hác với vẻ nghiêm nghị khiến tôi

có cảm tưởng bị đem vào lấy khâu cung trước một thầy cạo sát. Tôi cúi đầu chậm chạp thú:

— Con đã xin... ra trường.

Hai con mắt sâu trũng sáng quắc lên trong một giây như trước nét mặt bình thần đến liêu lĩnh của tôi, ba tôi bỗng thò dài, bắt lặc. Gian phòng chìm trong một không khí im lặng khó thở.

Một lát sau ba tôi cất tiếng, giọng ông mệt mỏi và hằn học:

— Chúng nó bỏ tao đi hết. Không lẽ còn mày...

Trước kia, có lẽ tôi sẽ nói như anh Ba, sẽ hành động như anh, rồi tôi bình thần bước ra khỏi nơi này. Tôi không sợ thành phố nữa, ở đây cuộc sống đã chuốt móng vuốt cho tôi như một con thú trở lại rừng.

Chén thuốc bốc khói trên tay ông. Ông mang nét mặt thất bại của kẻ chiến bại. Ông thở hắt hắt sau cơn ho rũ rượi.

— Lúc này ba yếu rồi. Ấp không còn ai trông coi, chúng nó phá hết...

Đôi mắt ông nhìn tôi như cầu khẩn. Bao nhiêu vẻ đẹp ngày nào không còn nữa. Trước mắt tôi chỉ còn là một ông già đau khổ về bệnh hoạn.

— Mày nghĩ sao?

— Còn Di Hai, em Tâm?

— Ngày trước có một lần mày tính... đâm di mày... Tao còn nhớ.

— Di đã hành hạ mẹ tôi hết sức. Và ba đã đồng ý, để đến nỗi anh Ba rồi chị Hai phải bỏ ra đi...

— Mày hãy còn để trong bụng chuyện đã qua ư?

— Tôi không thù oán làn gì. Bây giờ hoàn cảnh đã khác. Chỉ còn tôi. Ba thì bệnh. Tôi chỉ mong Di sẽ không cư xử với tôi như xưa, là đủ.

Tôi nói dững dạc, với chút tự kiêu của thằng con trai sớm vào đời đã nếm đủ tủi nhục cay đắng trong cuộc sống.

Sự có mặt của tôi không còn là một cái gai trong mắt Di Hai. Tôi có cảm tưởng khuôn mặt Di đã bớt góc cạnh đi nhiều. Di nói ít hẳn và dường như muốn lánh mặt tôi. Lối cư xử ấy

làm cho cuộc sống trong gia đình không còn mang trong tôi những ám ảnh nặng nề của dĩ vãng.

Tôi được biết chị Hai đã có gia đình. Mẹ tôi đôi khi ghé về ấp, để thăm lượm phần lúa của bà mà ba tôi mặc nhiên coi như một phần gia tài đã được chia trước. Bà ở với gia đình người con gái.

Về anh Ba, người ta đồn anh đã vào lính nhảy dù. Với tâm hồn đầy bão táp và căm phẫn, anh Ba không thể đi con đường nào khác hơn. Nghĩ đến anh, tôi thấy gần gũi hơn với anh và thương anh vô hạn.

Bây giờ tôi phải nói đến Tâm. Khuôn mặt đứa em riêng mang hình ảnh của một vầng trăng hiện ra trong đêm tối. Mùi ngọc lan thơm ngát sau cơn mưa. Một bàn tay ấm áp cho kẻ bộ hành vừa trải qua chặng đường dài heo hút. Một tình yêu dịu dàng hiền mẫu.

Ngày trước tôi sống giữa gia đình như một kẻ thù nghịch. Bây giờ tôi gặp phải nỗi cô đơn khoắc khoải. Tôi đương đi tìm một cái gì khi vừa ra khỏi cơn bão lốc, một manh áo ấm hay một tình thương.

Giữa ba tôi ít lời và nghiêm nghị, di Hai luôn lạnh mặt và tôi với khuôn mặt lầm lì là cả một khoảng sa mạc mênh mông. Nếu không có Tâm tôi đã bỏ đi. Tôi nói với đứa em gái như vậy, một hôm sau khi kể qua cho nghe quãng thiếu thời uất hận đã qua. Nó nhìn tôi hồi lâu và nhiều lần chớp mắt. Bây giờ tôi hãy còn thấy dư vị những hạt nước mắt ấm áp. Tình yêu đã dặt tay chúng tôi đi một cách hồn nhiên, như những nụ hoa khi mùa xuân chớm giảy.

Bữa kia chúng tôi được nghe tình cờ mẫu đối thoại của di Hai và ba tôi:

— Thà ông giết phút tôi đi cho rồi. Ông ơi...

Bàn tay nhỏ mịn của Tâm siết chặt lên cánh tay tôi, những móng sát bấm sâu vào da thịt. Tôi không còn thấy đau đớn mà thần trí căng thẳng đến độ muốn thét lên.

Rồi giọng khàn khàn của ba tôi:

— Tôi không hiểu được. Thật tôi không ngờ...

Tiếng thở dài của ông lẫn vào tiếng khóc thầm tức của di Hai.

Tâm ôm ghì lấy tôi trong dáng điệu hãi hùng. Nước mắt nó thấm ướt cả ngực áo tôi. Tôi bắt đầu hiểu ra. Tôi siết chặt tấm thân yêu dấu vào lòng và giống như lần đối diện với ba tôi hôm trở về gia đình, tôi cảm thấy thật bình thản.

Tôi ôm mặt Tâm, nhìn vào đôi mắt đầm lệ rồi hôn lên đó mà bảo :

— Anh không bao giờ bỏ em.

Tôi hình dung lại cảm giác ấm áp thần tiên đêm nào khi Tâm đến với tôi, phong phanh trong tấm áo cánh. Đêm lạnh và trăng sáng đến nỗi tôi trông thấy cả bầu trời cao trong mắt Tâm. Và đôi môi còn dư vị ngọt ngào trên miệng tôi. Và cánh tay trần quần riết lấy tôi trong một níu kéo đam mê cuồng nhiệt.

Nước mắt tôi bắt đầu trào ra. Tôi nghĩ đến quãng thời gian tủi nhục đã qua rồi sẽ trở lại. Tôi nghĩ đến khoảng sa mạc giữa ba tôi, di Hai và tôi. Cuối cùng tôi nghĩ đến đứa hài nhi trong bụng Tâm. Nó vô tội. Tình yêu đã đem đến cho chúng tôi như một món quà tinh khiết, nhưng với ba tôi, di Hai thì chỉ là sự oan nghiệt.

Một bữa kia, khi thăm ruộng về, tôi nghe những tiếng la thán thanh từ phòng riêng của di Hai. Tiếng quát tháo, tiếng khóc phất ra sau cánh cửa khép kín. Qua khe cửa một khoảng ánh sáng mờ cho tôi thấy đôi bờ vai rung động của Tâm. Tóc nó xổ xuống mặt phẫn và mặt nó nằm gọn trong vòng tay đã rụng.

Khuôn mặt đanh sắc của di Hai thấp thoáng trong khoảng tranh tối. Đôi mắt thâm trầm sâu hoắm và lưỡng quyền nhô lên trong một sắc thái tức giận khiến tôi có cảm tưởng đương đứng trước mụ phù thủy độc ác trong một cuốn phim thần thoại đã xem trong thuở ấu thơ. Trong giây phút nỗi sợ hãi làm tôi đứng chết sững. Hình ảnh khuôn mặt đàn bà đầy sát khí, đột ngột sững sững và tỏa cái bóng tối nặng nề lên mái đầu đứa con gái cúi gục trong vòng tay bé nhỏ yếu ớt của mình. Tiếng khóc của Tâm từng giọt, từng giọt nức nở nghe như từng hạt mưa lạnh trong đêm dài âm u, thán thở. Đột nhiên tôi nắm chặt hai tay. Tấm cửa lim rung động như muốn sập đổ trong cơn giận dữ tuyệt vọng. Lát sau tôi đứng trước khuôn mặt đầm đìa nước mắt của Tâm. Di Hai nhìn tôi với đôi mắt hằn thù bất lực. Tôi

bắt gặp nỗi dè dũi, khinh miệt ghê tởm trong ánh mắt sắc lạnh của di. Nhưng giống như cảnh tượng ba tôi buồng xuôi hai tay trước một anh Ba thần nhiên sau trận đòn tàn bạo, phản ứng lạnh lùng can đảm đã làm cho cơn bão của ba tôi dịu xuống trong giây lát, tôi kéo sát Tâm vào lòng, trước nét mặt lạnh như thép của di Hai, và nỗi hằn học căm nín của ba tôi. Tôi nghe người tôi rung động trong tiếng nức nở chưa nguôi của Tâm. Máu tôi ướt đầm vì những hạt nước mắt nóng hổi của Tâm. Tôi nhấc lại với chút can đảm cuối cùng: Đừng khóc nữa, em. Anh không bao giờ bỏ em một mình... Anh thương em. Đừng khóc...

Tiếng kẹt cửa sau lưng tôi.

Rồi đến phiên tòa xử tôi. Gian nhà thờ phẳng phất mùi nhang khói như rộng mênh mông và lạnh lẽo. Ba tôi ngồi trên một tấm ghế gu cũ kỹ. Ở một góc bên kia là cái bóng đen nhỏ sừng sững của di Hai. Khuôn mặt ấy hốc hác đi vì những đêm dầy vô thao thức. Một cuộc chiến đấu mà kẻ thắng bằng buồng khí giới. Chắc hẳn bà đương nghĩ rằng tôi đã rửa được thù cha mẹ tôi và đám anh chị vắng mặt của tôi. Cái thằng oắt con xác lão mà di chỉ cần lấy ngón tay dỉ xuống là banh xác như một con rệp bần thiêu đã đánh vào di một đòn chí tử. Cái khí giới hiểm độc và bén nhọn của nó bây giờ là đứa hài nhi trong bụng Tâm — con gái của di.

Sự vắng mặt của Tâm làm tôi thêm can đảm. Tôi đứng khoanh tay dựa vào cây cột lim nhẵn bóng, nhìn thẳng vào phía bàn thờ, nơi le lói ánh hương nến, giữa hai khuôn mặt của quan tòa và công tố viên.

— Bây giờ, mày hãy cho tao biết phải làm sao ?

Ba có thể giết con Tâm, nếu sợ móng vuốt của dư luận — Tôi nghĩ thầm, gan lì.

— Tôi sẽ giết nó. Con khốn nạn. Nó là đứa đầu thai lộn kiếp. Nó lọt vào đề báo oán tôi...

vĩnh lộc

(còn nữa)

TRẦN HOÀI THU

đỉnh xuân buồn

Chiều ngày cuối năm, hai trung đội lại xuống núi. Trung đội Hạo về mạn Bắc, làm vòng đai cho căn cứ. Trung đội Sanh về mạn đông, ở ngôi ấp ven chân núi, làm tiền đồn như thường lệ. Buổi chiều cuối năm, gió lạnh hơn mọi khi. Gió lộng, cát da cát thịt. Và bầu trời vẫn mang màu u ám của một mùa đông rét mướt. Những người lính lặng lẽ theo con dốc; họ chạy tự do, dù chân họ cố gượng giữ lại. Đáng lẽ, mọi buổi chiều xuống núi khác, ngọn đồi sẽ vang động tiếng cười reo, nó giống như của một đám trẻ thơ vô tư lự. Nhưng chiều này, không ai nói với ai. Trên đôi mắt của mỗi người, in một màu buồn bã. Màu xám của vách núi, những hòn đá chênh vênh lạc loài, những bụi hoa dại vàng thẫm, những sắc lá xanh, phủ trên kè đá, hình như đưa tiễn những đứa con lạc loài xuống núi khi đám lính ngang qua trại gia binh, nằm dưới chân núi, Hạo thấy vài người đàn bà bỗng con đứng trước cửa. Bên trong, vài bàn thờ còn nhang đèn, bánh trái. Họ sĩ nhất Liên, dừng lại trước nhà, vuốt đầu đứa con trai chừng bảy tuổi.

— Ba đi nghe con. Ở nhà cúng giao thừa với má con nhé. Người đàn bà đứng bên cạnh nói:

— Nó mà cúng à. Nó chỉ biết ăn. Chưa chi đã đòi mặc áo quần mới.

— Bà không làm vừa lòng nó một chút sao. Trẻ con chỉ mong mấy ngày Tết mặc quần áo mới mà.

— Thử thử. Để đến giao thừa, tôi cho nó mặc. Bà ta cười, lộ hàm răng vàng:

— Tôi sợ nó mang bây giờ, ra bãi đập lộn không à. Nghe câu trao đổi của người lính, Hạo đâm xúc động lạ lùng. Hạo cho lệnh nghỉ thêm nửa tiếng đồng hồ nữa. Những người lính mừng rỡ, chạy ủa vào nhà. Chỉ còn mỗi một mình Hạo, ngồi dựa vào gốc cây bàng, đốt thuốc. Có tiếng chim sáo riu rít trên cao. Hạo bắt gặp những chiếc lá bàng màu đỏ gạch như màu áo của Lương Vi, in trên con đường xanh um của thành nội. Trong túi trần của Hạo vẫn còn phong thơ xanh và nét chữ tím.

Anh nà. Chiều ni, nhận được thư anh, em mừng ghê đi. Em quên cả thay áo dài, vào phòng đọc thư anh liền hà. Anh ơi, anh không em sung sướng biết bao nhiêu không. Trong sự sung sướng đó, em càng lo âu biết mấy. Anh lại đi hành quân chỗ khác. Làm đàn ông con trai các anh thật là khổ, anh nà. Anh biết không. Đêm trỉ kỷ ni, em đừng đầu. Có anh, anh sẽ chia vui cùng em. Nhưng anh thì ở xa em. Lâu lâu anh lại về, rồi lại đi. Em không biết chia vui cùng ai anh nờ. Gần Tết trời lạnh ghê. Không có năm mớ lạnh như năm ni. Mưa lại dầm dề suốt ngày. Khi qua cầu, gió thổi làm em mệt muốn chết. Em phải nín áo kéo nó bay dữ quá sức.

Tết ni, anh được về phép không? Em đã gói xong một cặp bánh chưng dành riêng cho anh. Mỡ nhiều lắm. Đừng chảy nước miếng nghe người ta.

Em cầu nguyện anh sẽ về ở bên em mãi mãi. Tự nhiên muốn hát câu Người từ nghìn dặm còn mang nỗi sầu. Nhịp cầu ô thước hẹn đến mai sau.

Những giòng mực tím của người con gái học trò đã mang vào tâm hồn chàng những nỗi buồn đến rung cả mắt. Hạo thấy lại những buổi trưa hẹn hò. Những bờ thành xạm rêu, những cánh hoa dài màu vàng ươm mình dưới bờ đá thanh. Hạo nhớ đến những cây dừa tây mọc lên ở sau thư viện đại học, những bãi cỏ màu xanh êm ái, những bóng mát của buổi trưa hè, và tiếng chim sáo rộn rã trên đầu hai người. Mắt chàng mờ đi,

trong làn khói thuốc. Hình như những kỷ niệm lan rộng, lớn vờn, cùng buổi chiều sắp rụng. Huế. Huế, có con đường với hàng khuynh diệp, ven bờ sông An Cựu, Lương Vi đạp xe, vành nón thẹn thùng nghiêng trên mái tóc. Huế có những bước chân hồng trên đám lá sao vàng rụng cuối đường hoàng cung. Huế, có Lương Vi nũng nịu, có Lương Vi thẹn thùng, có Lương Vi giận hờn, có Lương Vi mơ ước. Một cô trắng, cánh xa gợn một nền trời. Chàng lắc đầu, cố xô đuổi những tên Lương Vi ra khỏi buổi chiều buồn nhất này. Chàng lấy bản đồ bọc nhựa, xác định lại điểm đứng. Chàng nhớ lại cái lệnh từ bộ chỉ huy đưa ra:

Chúng ta đang hưu chiến. Mọi cuộc hành quân tạm thời đình chỉ. Chúng ta rút về vị trí phòng thủ như mọi khi...

Lệnh, lệnh, lệnh tràn ngập đầu óc, lệnh biến đổi tim óc. Hạo nghe mình đang tự nói với chính mình. Lương Vi ơi, em không biết, chiều cuối năm nì, anh nhớ em chắt ngất, vô cùng. Ước gì, em có đôi cánh thiên thần, bay về cùng với anh, chia xẻ nỗi buồn của anh... anh đã như một người máy. Một người máy cô độc quá chừng.

Chàng bước dạo một vòng. Có những ánh đèn cây, thấp lèn, vội vàng từ một căn nhà người lính nghèo khó. Hạo đang vái lạy trước bàn thờ bên cạnh lũ con nheo nhóc. Người vợ bận rộn thức cúng. Hạ sĩ Huy, từ căn nhà lá ló đầu ra:

— Mời ông vào, uống chút rượu.

Hạo la lên:

— Còn năm phút nữa, anh em. Mau lên.

Huy vẫn mời mọc:

— Đêm nay giao thừa, yên lẩm ông. Minh từ từ đi cũng được ông. Mời ông cốc rượu...

— Lệnh bắt mình như vậy. Chứ tôi có muốn làm khổ anh em. Tôi biết đêm nay, là đêm linh thiêng nhất mà.

Và chàng bước vào nhà. Người vợ của Huy cúi đầu chào, rồi nói:

— Một năm chỉ có mỗi đêm nay, mà phải đi khổ quá thiếu úy.

— Tôi biết làm sao bây giờ. Người ta sai sao mình nghe vậy. Thấy anh em tội nghiệp, nhưng tôi không dám cãi lệnh.

Người đàn bà vuốt tóc đứa con gái ba bốn tuổi, nói giọng buồn buồn:

— Chiến tranh mãi hoài thế này biết bao giờ dứt. Liệu sang năm, mình được về quê không thiếu úy.

Huy cười:

— Mẹ nó nói chuyện trên trời dưới biển. Đánh giặc kiểu này, thì đến đời con mình vẫn còn đánh nhau, phải không thiếu úy.

— Khổ quá hen. Người đàn bà than với tiếng thở dài.

Chàng nhìn mấy đứa bé. Thằng lớn nhất, mặc chiếc quần đùi rộng thùng thình, đang mở mắt nhìn những xấp vàng bạc ngun ngút cháy. Nó độ 5, 6 tuổi. Chàng hỏi hạ sĩ Huy:

— Sao không mặc quần áo mới cho nó.

Huy cười buồn.

— Cho nó biết cực quen. Bố nó đâu có sung sướng gì.

— Nó còn con nít mà. Nó làm sao biết được nỗi khổ của mình. Nó chỉ biết ăn chơi, mặc áo quần đẹp...

— Tôi cũng muốn vậy. Nhưng nhà mình nghèo quá, ông.

Người vợ chen vào:

— Tại ông uống rượu, đánh bạc cả ngày.

Mụ bắt đầu tẩm tức. Giọng mụ kể lể:

— Đó ông coi. Ông thấy sướng chưa. Con nó không có một bộ quần áo mới như những đứa khác.

Hạo hấp tấp đứng dậy. Chàng biết trước câu chuyện sẽ xảy ra không tốt. Chàng móc ví lấy ít tiền đưa thằng nhỏ.

— Anh mừng tuổi em. Em chia cho mấy đứa em nhé.

Và chàng hỏi hạ sĩ Huy:

— Ông gọi anh em bắt đầu đi. Mau lên, kéo tối rồi.

Anh nờ. Em đan chiếc áo ấm cho anh nì. Em không biết kích thước của anh, nhưng em cố tưởng tượng ra. Em nhận thấy anh đứng trước em, ngồi bên em, cười cùng em, vui buồn cùng em. Em đan cho anh từng sợi len nhớ nhung xa cách. Gần Tết rồi, trời lại càng lạnh. Mưa thì dầm dề không dứt. Em ước ao anh về, để anh dắt em đi phố. Vía hè Trần Hưng Đạo, đóng ghê đi. Người ta đi phố, mua sắm đồ đạc, người ta đi dạo, vui vẻ quá anh ơi. Em không có anh, cũng chẳng buồn đi mô hết. Mà nấu một nồi bánh chưng, mà nhắc anh mà nói mà thương anh hết sức. Anh mừng đi.

Anh nờ. Chiếc áo len, đan xong sẽ gửi cho anh. Anh đừng chê tài nữ công của em ghen. Tội nghiệp em lắm đó.

Trung đội đã đến ấp. Bóng tối rơi thật nhanh. Hạo còn nghe mùi ẩm ướt lẫn mùi hương lúa trong gió. Tuy mặc thêm chiếc áo len màu huyết dụ ở trong cùg, chàng vẫn cảm thấy lạnh. Gió u u bưng bít mắt, tai. Gió ngã nghiêng hàng tre rậm và đầu đó, chim te te buồn bã trong thỉnh không mông quạnh. Hạo đứng lại ở trên mô đất, giữa ấp, chờ đám lính vượt qua. Chàng hỏi :

— Trung sĩ Y Sik đâu ?

— Ông ở đằng sau, Thiếu úy.

— Nói anh em đến ngôi trường ấp, dừng lại.

Trung sĩ Y Sik hiện đến. Chàng nghe thoảng mùi rượu. Chàng cười.

— Trung sĩ Y Sik đấy, phải không ?

— Dạ, có tui.

— Lại uống rượu nữa hả.

— Uống cho vui một chút ông.

— Bắt cái rượu cần, hay bắt cái đế ?

Người trung đội phó cười :

— Bắt cái rượu cần, ông.

Hạo cũng cười theo. Chàng vỗ vai người lính Thượng gốc Rhadé.

— Ông đi theo tôi. Mình đi tìm chỗ nằm.

Hai người bỏ lại đám lính đằng sau. Họ bước qua những ngôi nhà còn đề đèn leo lét. Giữa sân, những bàn thờ đã được đặt từ hồi chiều, sáng mờ dưới ánh đèn bão. Chàng thấy những bụi bông trang khẽ lay động trước gió. Tiếng chó sủa lướt dài, như một khúc nhạc buồn hiu, lẫn trong không gian lạnh.

Hai người đến cuối ấp, gần chiếc cầu đá.

Chàng bảo :

— Tối này, mình nằm đây, giữ mạn trên.

— Ừ.

— Ông cho một tổ nằm xa

— Ừ.

— Tổ nào hôm nay trực ?

— Tổ thẳng Brip.

— Ông nói anh em đừng buồn. Nhất là những người Thượng. Nói với họ tôi cũng khổ tâm lắm.

.....

— Tôi biết anh em xa núi xa rừng thì buồn. Tôi cũng vậy. Những người lính Kinh cũng vậy. Ông xa buồng xa làng, tôi xa cha xa mẹ. Mỗi người chúng ta đều mất quê hương.

Chàng đưa điều thuốc ra mời :

— Mời ông điều thuốc, hút đỡ ấm.

— Đề tôi về kêu chúng nó.

— Khoan đã, ông. Chờ tối hẳn, mình đi cũng được.

Hai người ngồi trên mồm đá, đốt thuốc. Đêm cuối năm tối dày bưng cả mắt. Chàng có thể nghe rõ tiếng gió xạc xào những chiếc lá bàng, và tiếng thầm thì như hơi thở của lòng mình : buồn ơi, là buồn. Buồn ơi là buồn. Hai người ngồi không nói nhau một lời. Y Sik cũng như chàng, cũng vọng về một nơi nào đó yêu dấu. Đó là núi rừng, hội hè, đó là những vụ tế thần linh, những hồi trống bập bùng giữa đêm trường bát ngát. Đó là thác đổ, suối reo, đó là con dốc cao, bờ đá dựng. Đêm nay, ai cũng mang vào hồn mình những nỗi buồn ray rứt. Chàng quay lại, nhận ra đôi mắt người trung đội phó của chàng long lanh. Lòng chàng đậm lạnh đi.

Anh nờ, em viết tiếp cho anh đây. Cả nhà đi ngủ hết. Chỉ còn em ngồi trong phòng học bài. Anh biết không ? hồi chiều, đi học về khi qua vườn sầu, đằng sau thư viện, em bỗng khóc. Nhìn bãi cỏ, bóng cây, nhìn con đường vòng đầy cuội trắng, em càng nhớ anh. Anh nờ. Sao chiến tranh không chấm dứt, để anh về với em. Chiến tranh cứ mãi hoài kéo dài. Không dứt.

Anh không biết, mỗi lần đi học về, em vẫn theo con đường cũ mà ngày xưa, anh điu em đi. Lá vàng rụng nhiều quá nờ. Đôi khi em cảm thấy mắc cỡ, nhớ lại lần hai đứa mình hẹn nhau ở vườn sầu. Anh nhớ hông.

Đám lính đã lục tục kéo đến cây cầu đá. Trung sĩ Y Sik đang chia nhiệm vụ canh gác. Có tiếng của một người lính nào đó nổi lên :

— Đêm giao thừa, mà còn khổ như thế này. Biết đến khi nào mới hết.

Lại có tiếng cười khúc khích :

— Cha nội có than cũng chừng nấy, không than cũng chừng nấy. Im lặng là hay nhất.

— Tau khổ tau than. Kệ chó tau. Mày xía vô làm gì ?

— Cha nội đừng lớn tiếng. Ăn nói đàng hoàng đã.

— Tau nói như vậy, làm gì tau.

— Cha nội muốn chơi hả. Thằng này không sợ đâu.

Một giọng nói khác xen vào :

— Trời ơi mấy cha. Đêm giao thừa mà còn cãi lộn nữa sao. Bộ một năm không đủ để chơi nhau sao mấy cha nội.

Hạo từ cổng nhà ngói, bên cạnh người lính truyền tin, nổi lên :

— Thôi anh em. Nhịn nhau đi.

Đội toàn lính rút ra đêm tối, Hạo mới trở vào căn nhà của đôi vợ chồng già. Tổ chỉ huy của chàng đóng trên thềm nhà gạch. Những người lính đang lui cui sửa soạn chỗ ngủ. Còn chàng, chàng vẫn ngồi yên. Chàng cảm thấy khổ tâm hơn bao giờ. Trước mặt nhà, sân gạch rộng, ẩn dưới những hàng cây bụi. Đêm ngào ngạt mùi hoa lan. Tại sao chàng lại sợ, lại lo. Đêm nay, đêm giao thừa mà. Hưu chiến mà. Những ý nghĩ làm chàng khổ não. Bên trong nhà, đôi vợ chồng già sống lẻ loi ấy, đang sửa soạn bàn thờ. Ánh đèn dầu hỏa, leo lét, soi một phần nào mái tóc bạc như sương của hai vợ chồng. Bà đang lui cui sắp đặt những thức ăn trên chiếc bàn nhỏ... Những đĩa xôi, những chén chè. Một nải chuối, những quả mãng cầu... Ông già đang ngồi trên ghế, vắn thuốc. Đêm càng như ru nổi buồn thêm lên, nổi buồn

đầy lên với những tiếng thở dài của bà mẹ. Chàng biết, giờ này cha chàng sẽ cũng ngồi vắn thuốc trên chiếc ghế mây, sẽ nhìn ra đêm tối, mong đợi thằng con. Chàng biết giờ này, lũ cháu như những thiên thần, vui tươi nhí nhảnh trong bộ quần áo mới. Và Lương Vi giờ này em làm gì. Mắt em còn long lanh, môi em còn héo sâu, nổi chờ đợi em càng vàng vố ? Và Lương Vi. Em có về, trong giờ lạnh và đêm dài này không. Chàng cúi đầu xuống. Tiếng máy truyền tin kêu một âm điệu bất tận. Người trung đội phó vẫn còn ngồi yên trên thềm. Họ tìm gì trong đêm đen tối quá chừng ? Bỗng dưng chàng thêm rượu. Đêm ở khoảnh sân gạch kia, rất là trống vắng. Có những chỗ ngồi yêu dấu, của anh em, của đồng đội, có những nụ cười thân ái, trong buổi cơ hàn, có những tiếng la đùa, chúc tụng nhau trong phút linh thiêng. Có nhiều lắm. Nhiều lắm. Những gian khổ, những giọt máu, nước mắt những buồn vui sẽ trở lại, để đem hy vọng cho một ngày năm mới sẽ ở trên khoảnh sân gạch rộng này, hai mươi người lính, áo quần tơi tả, giày trận mốc meo, bỏ khẩu súng bên đùi, nhắc đến những quá khứ, mơ mộng đến tương lai, bên những ngọn đèn dầu yếu ớt. Nhưng chàng không dám kêu gọi đám lính của mình trở về chung vui trên khoảnh đất này. Khoảnh đất, đáng lẽ dành cho những người lính thủ một giờ hạnh phúc nhất. Hay chàng sợ. Trong màn đêm sâu thẳm này, ai biết đâu một mặt trận mới đang bùng nổ ? và đàn chuột đang len lỏi ngoài kia, sẵn sàng vào phòng tuyến.

Tiếng của người lính mang gạo nói thầm bên tai Hạo Giao thừa rồi. Thiếu úy. Chàng ngồi bật dậy hỏi lại đến giao thừa rồi sao ? Tròn. Tròn đáp khê: dạ. Chàng bỗng dưng xúc động quá chừng. Thời gian đang ngừng lại. Thời gian đang ngừng lại. Giờ này, phút này. Tiếng pháo sẽ nổ ròn. Những xác pháo hồng sẽ tơi tả rụng trên thềm. Ba chàng mặc áo lương đen, khăn nguyện trước bàn thờ. Giờ này vui quá cỡ, linh thiêng quá chừng. Giờ này, thằng con lưu lạc mang đôi giày mới, trở về. Giờ này... Chàng muốn điên cuồng. Bởi xung quanh chàng, là cõi chết, là cõi địa

ngục. Chàng mất cả bình tĩnh, quên cả lệnh, lấy trái sáng xanh, chàng thụt vào đêm tối. Ánh sáng xanh lóe lên, rực rỡ một vùng. Và ánh sáng vàng, ánh sáng tím.

Chàng hét lên :

Anh em ơi, giao thừa rồi. Ngồi dậy, chúc mừng nhau đi. Anh em ơi.

Và chàng chói lóa cùng niềm hạnh phúc cuồng điên đột khởi trong hồn.

Chàng ngửa mặt lên trời, cổ hứng ánh sáng tím đang rơi đầy mặt mũi :

Lương Vi ơi, màu áo của em, anh đang uống màu áo của em đấy.

Đám lính từ bốn phía ủa ra, nhảy nhót tung bừng.

trần hoài thư

gác gió Huy Hoàng 12-70.

THƯ

đến từ bạn đọc

TỪ BELGIQUE : MỘT ĐOẠN THƠ

... Mẹ tôi hằng bảo « Con là người Hà Nội, để ở Thanh Hóa, mà quê cha lại ở Hải Phòng ». Vâng, cả một vùng đất Bắc, nhưng Anh ơi, Hà Nội tôi không còn nhớ, Thanh Hóa tôi chẳng biết là đâu, Hải Phòng tôi không được thấy. Tôi mang mệnh ly hương từ khi còn bé, theo cha mẹ di cư lúc mới lên năm.

Hồ Hoàn Kiếm mẹ tôi cho xem ảnh, những phố Hàng Đào, Hàng Mã mẹ tôi vẫn thường nhắc. Mẹ tôi nhớ Hà Nội lắm. Anh ơi ! nơi chôn nhau cắt rốn, dứt áo ra đi, ai mà không luyến tiếc. Mẹ tôi còn nhắc những cánh đào, những áo gấm, áo bông, khi tiết sang thu... Rồi từ bao kỷ niệm ấy tôi tự xây lấy một thành phố, một cái hồ với một đỉnh tháp, những con đường dài, hoa đào tò thắm, và những tà áo đổi màu theo ngày tháng.

Đất Thanh với những cánh đồng xanh, cò bay mỗi cánh, tôi vẫn được nghe kể chuyện. Anh ơi, đây là nơi tôi mở mắt chào đời ; nhưng tôi chỉ được biết những đồn điền, những dãy phi lao, những hàng mía làm rào cho những luống khoai lang, những luống đậu, qua những lời mẹ tôi nhắc nhở... Rồi từ những kỷ niệm ấy tôi tự xây lấy những mùa gặt lúa, tiếng hò theo gió đưa duyên, với những nàng thôn nữ yếm trắng, áo nâu, tà vắt, đầu đội khăn mỏ quạ, đi qua các bờ đê khi nắng chôn sau đồi.

Mẹ tôi còn nhắc tới Hải Phòng, miền bãi, nước xanh, cát trắng, gió thổi làm tóc vuốt ve mặt người con gái ngồi nhìn buồm ra khơi... và từ đây tôi tự xây lấy những bãi cát chạy dài tới vô

tận, mặn tình yêu nước, sóng vỗ đêm khuya như nhịp bát đũa chài...

Nhưng Anh ơi, từ khi tôi biết nhìn đời với con mắt suy xét, tôi đã thấy từ Cà mau đến Bến hải biết bao cánh đồng gió lùa ngọn lúa, biết bao nhiêu hồ nước trong xanh. Vàng, tôi có được thấy Đà Lạt, và tôi còn nhớ. Tôi cũng có được ngắm hoa mai vàng, chậu cúc tươi. Tết Saigon nhộn nhịp người đi kẻ lại, tôi còn nhớ lắm. Rồi những tà áo trắng những nàng thiếu nữ miền Trung, những nụ sen, những câu hò sang đò sông Hương, tôi còn nhớ rõ. Tôi cũng được thấy những bãi biển miền Nam, nắng đổ chói cát vàng, và những cây dừa nghiêng ngả.

Anh ơi, tôi đã mất tuổi thơ ngoài Bắc, tôi không còn nhớ những cảnh vật đã nhìn thấy tôi sống những năm vô tư chưa biết tính toán, chưa biết nghi ngờ. Vàng, tôi đã mất cả một thời thơ ấu, và chỉ còn có ảo ảnh mà thôi.

Nhưng bây giờ, khi tôi đã xa miền Bắc, những xa cả miền Nam và miền Trung nước Việt, bây giờ tôi mới biết tuổi thơ tôi cũng có vài kỷ niệm: chùa Thiên Mụ, biển Mỹ Khê, hồ Than thở... Bây giờ tôi mới biết những kỷ niệm ấy là quý, là rất quý; và những lúc nhớ nhà là nhớ cả ba Miền Trung Nam Bắc. Anh ơi, phải chăng đấy là Tình Yêu Đất Mẹ...

hạnh quỳnh

Liège (Belgique)

TỪ PARIS

... Là một sinh viên xa quê hương, tôi thành thật mong biết được tình trạng văn hóa bên nhà, nhưng không biết ai nên tôi mạo muội biên lá thư này gửi đến ông và mong ông — nếu có chút ít thì giờ rồi — vui lòng viết vài hàng phác họa sơ sinh hoạt văn hóa bên nhà từ 10 năm nay, chẳng hạn như các khuynh hướng mới về thơ, tiểu thuyết, kịch...

đ. t. t.